



Nguyễn Hồ Mạnh - QLKT K25B

Kinh tế (Đại học Vinh)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

NGUYỄN HỒ MẠNH

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH
VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
Ở TỈNH NGHỆ AN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

NGHỆ AN - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

NGUYỄN HỒ MẠNH

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH
VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
Ở TỈNH NGHỆ AN**

**Chuyên ngành: Quản lý kinh tế
Mã số: 8.34.04.10**

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

**Người hướng dẫn khoa học:
PGS. TS TRỊNH THỊ ÁI HOA**

NGHỆ AN - 2019

LỜI CẢM ƠN

Sau hai năm học tập, tôi đã hoàn thành chương trình đào tạo cao học chuyên ngành Quản lý kinh tế. Tôi đã tiến hành nghiên cứu và hoàn thành đề tài ***"Quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An"***. Trong quá trình học tập, nghiên cứu và viết luận văn, tôi đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến các thầy, cô giáo giảng dạy chương trình cao học chuyên ngành Quản lý Kinh tế, Đại học Vinh đã giúp đỡ, tạo điều kiện cho tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện luận văn này.

Đặc biệt tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến ***PGS. TS Trịnh Thị Ái Hoa*** - người đã trực tiếp hướng dẫn, chỉ bảo tận tình và đóng góp nhiều ý kiến quý báu, giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn tốt nghiệp.

Tôi xin chân thành cảm ơn cán bộ, lãnh đạo UBND tỉnh Nghệ An; Ban Chỉ đạo, Văn phòng điều phối thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới tỉnh Nghệ An; trường Chính trị tỉnh Nghệ An đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ, cộng tác để giúp tôi hoàn thành luận văn này.

Cuối cùng tôi xin chân thành cảm ơn cơ quan chủ quản, gia đình, người thân, bạn bè, đồng nghiệp đã động viên, giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn này./.

Nghệ An, ngày 05 tháng 11 năm 2019

Tác giả

Nguyễn Hồ Mạnh

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

MỤC LỤC

BẢNG KÝ HIỆU CÁC CHỮ VIẾT TẮT

MỞ ĐẦU..... 1

CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI..... 7

1.1. Một số vấn đề chung về quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới..... 7

1.1.1. Các khái niệm cơ bản..... 7

1.1.2. Đặc điểm và vai trò của quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới..... 11

1.2. Nội dung và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới..... 23

1.2.1. Nội dung quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới..... 23

1.2.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới..... 33

1.3. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương trong nước và những bài học rút ra cho tỉnh Nghệ An..... 41

1.3.1. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương trong nước..... 41

1.3.2. Bài học kinh nghiệm..... 46

Kết luận Chương 1..... 47

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH NGHỆ AN..... 48

2.1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của nông thôn tỉnh Nghệ An..... 48

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của nông thôn tỉnh Nghệ An..... 48

2.1.2. Bộ máy Quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An..... 52

2.2. Thực trạng xây dựng nông thôn mới và quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An giai đoạn 2010 - 2019.....	54
<i>2.2.1. Thực trạng xây dựng nông thôn mới ở Nghệ An.....</i>	<i>54</i>
<i>2.2.2. Thực trạng quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2010 - 2019.....</i>	<i>63</i>
2.3. Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An.....	73
<i>2.3.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân.....</i>	<i>73</i>
<i>2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân.....</i>	<i>78</i>
Kết luận Chương 2.....	81
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH NGHỆ AN VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2025.....	82
3.1. Phương hướng và mục tiêu xây dựng nông thôn mới đến năm 2025.....	82
<i>3.1.1. Phương hướng và mục tiêu xây dựng nông thôn mới của cả nước đến năm 2025.....</i>	<i>82</i>
<i>3.1.2. Phương hướng và mục tiêu xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An giai đoạn đến năm 2025.....</i>	<i>90</i>
3.2. Các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An đến năm 2025.....	96
<i>3.2.1. Giải pháp hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch xây dựng nông thôn mới.....</i>	<i>96</i>
<i>3.2.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức thực hiện cơ chế quản lý nhà nước của chính quyền cấp trên về xây dựng nông thôn mới.....</i>	<i>99</i>
<i>3.2.3. Hoàn thiện xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, cơ chế quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.....</i>	<i>100</i>
<i>3.2.4. Hoàn thiện thanh tra, kiểm tra, giám sát.....</i>	<i>103</i>
<i>3.2.5. Các giải pháp khác.....</i>	<i>105</i>
3.3. Một số kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ.....	107
Kết luận Chương 3.....	110
KẾT LUẬN.....	111
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	113

BẢNG KÝ HIỆU CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Nội dung	Viết tắt
1	Ban Chỉ đạo	BCĐ
2	Chương trình Mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới	CTMTQG XDNTM
3	Hội đồng Nhân dân	HĐND
4	Hợp tác xã	HTX
5	Kinh tế - Xã hội	KT - XH
6	Mục tiêu quốc gia	MTQG
7	Nông nghiệp, nông dân, nông thôn	NNNDNT
8	Nông thôn mới	NTM
9	Ủy ban nhân dân	UBND
10	Xây dựng Nông thôn mới	XDNTM

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Tổng hợp kết quả thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2019.....	55
Bảng 2.2: Kết quả thực hiện chỉ tiêu Giảm nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều.....	59
Bảng 2.3: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về phát triển Y tế - Xã hội và Bảo hiểm xã hội.....	61
Bảng 2.4: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về Môi trường.....	63

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong vài thập kỷ trở lại đây, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách đối với nông nghiệp, nông thôn, nông dân nước ta. Nhiều chính sách đã mang lại những tác động quan trọng, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp, nông thôn phát triển, góp phần quan trọng ổn định tình hình chính trị, kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của nhân dân. Kinh tế nông thôn phát triển theo hướng nâng cao giá trị sản xuất hàng hoá nông sản, dịch vụ, phát triển ngành nghề; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được tăng cường, nhất là giao thông, thủy lợi, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, từng bước làm thay đổi bộ mặt nông thôn; đời sống vật chất, tinh thần của cư dân các vùng nông thôn ngày càng được cải thiện; xóa đói giảm nghèo đạt thành tựu to lớn.

Tuy nhiên, những thách thức mới trong nông nghiệp, nông thôn và nông dân vẫn không ngừng gia tăng, ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước. Một số vùng nông thôn đang phát triển thiếu sự quản lý về quy hoạch, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém, môi trường nông thôn có xu hướng ô nhiễm cao, năng lực thích ứng, đối phó với thiên tai thấp; đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn dù đã được cải thiện đáng kể, nhưng vẫn còn ở mức thấp; chênh lệch giàu - nghèo giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng còn lớn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, phát sinh nhiều vấn đề xã hội bức xúc; các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn đổi mới chậm, chưa đủ sức phát triển mạnh sản xuất hàng hóa; công nghiệp, dịch vụ nông thôn phát triển chậm, chưa thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động ở nông thôn...

Để khắc phục những hạn chế trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, tiếp tục đưa nông nghiệp nông thôn phát triển mạnh hơn nữa, vững chắc hơn nữa, Đảng Nhà nước có nhiều nghị quyết, chính sách mạnh mẽ. Trong số đó phải kể

đến Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 (tại Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010).

Cùng với cả nước, trong thời gian qua, việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã diễn ra một cách sâu rộng và đạt được những kết quả bước đầu quan trọng. Tuy nhiên, trên thực tế, việc triển khai xây dựng nông thôn mới của tỉnh đang gặp nhiều khó khăn, thách thức như tiến độ thực hiện đề án của nhiều huyện còn chậm; công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới chưa được làm thường xuyên, sâu rộng, nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa đầy đủ, chưa xác định rõ vai trò nhân dân là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới; tiến độ triển khai các nội dung ở một số huyện còn chậm; việc phát triển sản xuất, thu hút đầu tư của các doanh nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn tỉnh còn khó khăn; nhu cầu về vốn rất lớn song khả năng của địa phương và nguồn đóng góp của nhân dân còn hạn chế.

Đi kèm theo đó là công tác quản lý nhà nước đã bộc lộ nhiều khó khăn hạn chế. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đây là công việc đòi hỏi mức độ quản lý, tầm nhìn quản lý, phương pháp quản lý và cách thức triển khai thực hiện cần có sự đổi mới, tiến bộ. Điều này dẫn tới có những lúng túng, khó khăn nhất định trong việc điều hành, tổ chức thực hiện trong Bộ máy quản lý chương trình từ cấp tỉnh xuống cấp huyện, cấp xã, cấp xóm và cụm dân cư.

Thực tế đó đòi hỏi cần có những nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện cả về lý luận và thực tiễn về quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới. Đó cũng là lý do đề tài: ***“Quản lý Nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An”*** được lựa chọn nghiên cứu, với mong muốn đóng góp vào những nghiên cứu đó nhằm tìm giải pháp hoàn thiện xây dựng nông thôn mới ở Nghệ An trong giai đoạn tiếp theo.

2. Tổng quan các nghiên cứu có liên quan

Trong những năm gần đây, thực tế đã có rất nhiều công trình nghiên cứu, bài viết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn cũng như xây dựng nông thôn mới. Tiêu biểu là một số công trình cơ bản sau:

- *“Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam - Hôm nay và mai sau”* của tác giả Đặng Kim Sơn (Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2008), đã nêu bật thực trạng các vấn đề về nông nghiệp, nông dân, nông thôn hiện nay, những thành tựu cũng như những khó khăn vướng mắc trong quá trình xây dựng và phát triển, trong đó các vấn đề về kinh tế - xã hội nông thôn như thu nhập và khả năng tích lũy, điều kiện sống của các hộ nông dân; các tổ chức xã hội, quan hệ cộng đồng, môi trường làng xã; quan hệ giữa nông thôn với đô thị và công nghiệp đã được tác giả nghiên cứu và làm rõ. [19]

- Đề tài *“Một số vấn đề về nông thôn Việt Nam trong điều kiện mới”* do Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển nông nghiệp, nông thôn chủ trì, TS. Đặng Kim Sơn làm chủ nhiệm. Đề tài đã tập trung vào các vấn đề: Tổng quan về các chính sách phát triển nông thôn Việt Nam trong điều kiện mới; phân tích một số vấn đề nổi bật trong phát triển nông thôn nước ta như: tập trung ruộng đất, lao động và di chuyển lao động nông thôn, các vấn đề về tổ chức sản xuất và kinh doanh ở nông thôn... Trên cơ sở đó đề xuất phương hướng và các giải pháp hoàn thiện chính sách và chiến lược phát triển nông thôn Việt Nam đến năm 2020.

- *"Nhìn lại hơn 3 năm thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Kết quả và một số bài học kinh nghiệm"* của nguyên Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, Trưởng ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Tạp chí Cộng sản số 94, năm 2014 [45, tr.24]. Bài viết đã trình bày những kết quả quan trọng bước đầu trong hơn 3 năm thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới căn cứ 19 tiêu chí của nông thôn mới. Đồng thời bài viết cũng khái quát những ưu điểm, hạn chế,

vướng mắc từ các cấp chính quyền địa phương, cơ chế, chính sách, văn bản hướng dẫn thực hiện đến nguồn vốn đầu tư cho Chương trình, từ đó, đề xuất một số giải pháp chủ yếu tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới trong thời gian tiếp theo.

- *“Kỷ yếu hội thảo: Xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn”*, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Hà Nội, 2012, trong đó gồm nhiều bài tham luận về xây dựng nông thôn mới nói chung và ở một số địa phương nói riêng.

- *“Kỷ yếu tổng kết chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới (2009-2011)”*, Ban Chỉ đạo chương trình xây dựng nông thôn mới, Hà Nội, tháng 01/2012, trong đó gồm các báo cáo, các bài viết tổng kết, đánh giá việc triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới tại 11 xã thí điểm thuộc Chương trình chỉ đạo của Ban Bí thư.

- *“Kỷ yếu hội thảo khoa học Xây dựng Nông thôn mới phát triển bền vững - Những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Nghệ An”* (2018), trường Chính trị tỉnh Nghệ An bao gồm nhiều bài tham luận đã làm rõ một số nội dung xung quanh cơ sở khoa học và thực tiễn của việc xây dựng Nông thôn mới ở Nghệ An theo hướng bền vững; đưa ra những kinh nghiệm, những bài học có giá trị thực tiễn sau 8 năm xây dựng Nông thôn mới của tỉnh Nghệ An, những tiềm năng, lợi thế và thách thức của tỉnh Nghệ An khi tiếp tục thực hiện xây dựng Nông thôn mới theo hướng phát triển bền vững và đề ra những nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Nông thôn mới phát triển bền vững ở tỉnh Nghệ An đến năm 2020 và những năm tiếp theo. [24]

Tuy nhiên, cho đến nay hầu như chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện và hệ thống về xây dựng nông thôn mới và công tác quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An. Chính vì vậy, luận văn sẽ kế thừa các kết quả nghiên cứu trên, lấy đó làm cơ sở lý thuyết và thực tiễn để nghiên cứu, tìm hiểu quá trình xây dựng nông thôn mới,

từ đó đưa ra các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- *Mục đích nghiên cứu của đề tài* là trên cơ sở nghiên cứu hệ thống lý luận và thực tiễn QLNN của chính quyền tỉnh Nghệ An về xây dựng nông thôn mới trong thời kỳ vừa qua để tìm giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An trong thời kỳ tới năm 2025.

- Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài luận văn:

- + Hệ thống hóa và làm rõ thêm một số vấn đề lý luận quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới.
- + Nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn quản lý nhà nước của chính quyền một số tỉnh về xây dựng nông thôn mới để rút ra bài học cho tỉnh Nghệ An
- + Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh Nghệ An về xây dựng nông thôn ở tỉnh Nghệ An trong giai đoạn từ 2010 - 2018.
- + Đề xuất giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An trong thời kỳ đến 2025.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của luận văn là quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới.

- Phạm vi nghiên cứu:

- + Phạm vi về không gian: nghiên cứu quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An, theo quy định về phân cấp quản lý.
- + Phạm vi về thời gian: nghiên cứu thực trạng quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An.
- + Phạm vi về nội dung: quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh trong xây dựng nông thôn mới với các nội dung: (1) Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, đề án

xây dựng nông thôn mới; (2) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, cơ chế quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; (3) Thanh tra, kiểm tra và giám sát.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập số liệu: là phương pháp dùng để thu thập số liệu, tài liệu nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài.

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Nghiên cứu thông tin, kiến thức từ giáo trình chuyên ngành, sách chuyên khảo, hội thảo chuyên đề về quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới, để tạo lập cơ sở dẫn liệu khoa học cho đề tài nghiên cứu. Đồng thời thu thập các số liệu, báo cáo của UBND tỉnh; dữ liệu về tình hình kinh tế xã hội, tổng quan về quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới để làm cơ sở cho việc phân tích, nhận định, so sánh.

- Nguồn số liệu thực tế sử dụng trong đề tài luận văn được cung cấp từ Ban thường trực văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới của HĐND và UBND tỉnh, UBND các huyện, xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các báo cáo sơ kết hàng năm, 3 năm, 5 năm của UBND các tỉnh Hà Tĩnh, Thanh Hóa.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận và kinh nghiệm quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới.

Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An.

Chương 3: Giải pháp quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1.1. Một số vấn đề chung về quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới

1.1.1. Các khái niệm cơ bản

a) Khái niệm nông thôn

"Nông thôn" là một khái niệm thông dụng, nhưng có nội hàm rộng và có thể khác nhau ở các quốc gia. Theo tổ chức Nông lương Liên hiệp quốc (FAO), một trong những phương pháp chính để định nghĩa nông thôn là phương pháp sử dụng định nghĩa chính trị, theo đó thành thị được xác định gồm các trung tâm của tỉnh, huyện và các vùng còn lại được định nghĩa là nông thôn. Tuy nhiên, cũng có một số quốc gia sử dụng cách tính mức độ sẵn có của các loại hình dịch vụ để xác định vùng thành thị, phần còn lại là nông thôn. [5]

Theo Từ điển bách khoa toàn thư thế giới, "Nông thôn là khu vực mà ở đó tập trung dân cư sống chủ yếu bằng sản xuất nông nghiệp".

Ở Việt Nam, theo quy định về hành chính và thống kê, nông thôn là những địa bàn thuộc xã (những địa bàn thuộc phường hoặc thị trấn được quy định là khu vực thành thị). Cho đến nay, nông thôn ở nước ta được hiểu là nơi sinh sống và làm việc của một cộng đồng bao gồm chủ yếu là nông dân, là vùng sản xuất nông nghiệp là chính. Nông thôn có cơ cấu hạ tầng, trình độ tiếp cận thị trường, trình độ sản xuất hàng hóa thấp hơn so với thành thị.

b) Khái niệm nông thôn mới

Hiện nay chưa có một định nghĩa hay khái niệm đầy đủ về Nông thôn mới. Trên thực tế đã có một số diễn giải và phân tích về khái niệm thế nào là Nông thôn mới. Theo ông Hồ Xuân Hùng, Chủ tịch Tổng hội Nông nghiệp Phát

triển Nông thôn Việt Nam, "Nông thôn mới trước tiên nó phải là nông thôn, không phải là thị tứ, thị trấn, thị xã, thành phố và khác với nông thôn truyền thống hiện nay, có thể khái quát gọn theo năm nội dung cơ bản sau: (i) làng xã văn minh, sạch đẹp, hạ tầng hiện đại; (ii) sản xuất phải phát triển bền vững theo hướng kinh tế hàng hóa; (iii) đời sống về vật chất tinh thần của người dân nông thôn ngày càng được nâng cao; (iv) bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn và phát triển; (v) xã hội nông thôn an ninh tốt, quản lý dân chủ". [5]

Như vậy, có thể hiểu Nông thôn mới là nông thôn mà trong đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao, giảm dần sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị. Nông dân được đào tạo, tiếp thu các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đóng vai trò làm chủ nông thôn mới.

Nông thôn mới có kinh tế phát triển toàn diện, bền vững, cơ sở hạ tầng được xây dựng đồng bộ, hiện đại, phát triển theo quy hoạch, gắn kết hợp lý giữa nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ và đô thị. Nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, môi trường sinh thái được bảo vệ. Sức mạnh của hệ thống chính trị được nâng cao, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Và như vậy, mô hình nông thôn mới là tổng thể những đặc điểm, cấu trúc tạo thành một kiểu tổ chức nông thôn theo tiêu chí mới, đáp ứng yêu cầu mới đặt ra cho nông thôn trong điều kiện hiện nay, là kiểu nông thôn được xây dựng khác biệt hẳn so với mô hình truyền thống ở tính tiên tiến về mọi mặt: sản xuất nông nghiệp của nông thôn mới phải bao gồm cơ cấu các ngành nghề mới với các điều kiện sản xuất nông nghiệp hiện đại hơn, việc ứng dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến phải được phổ biến rộng rãi, quy mô lớn, hiệu quả kinh tế cao, thu nhập của người dân ổn định, hạ tầng và các điều kiện sống hiện đại...

Từ đó, có thể hiểu "Nông thôn mới là khái niệm chỉ về sự thay đổi trong thực trạng diện mạo nông thôn, trong đó người nông dân đóng vai trò là chủ thể; với hệ thống chính sách quản lý của chính quyền nhà nước ở địa phương nhằm

đưa người nông dân tham gia tích cực vào quá trình lao động sản xuất trong sự nghiệp đổi mới phát triển chung để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, xây dựng các vùng quê nông thôn phát triển toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng... hướng tới sự phát triển bền vững bao trùm".

c) Khái niệm xây dựng Nông thôn mới

Xây dựng nông thôn mới là một chủ trương lớn của đảng và nhà nước nhằm bảo đảm nông thôn có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, có cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định; giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ, an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

Trong Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn: "Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường". [7]

d) Khái niệm quản lý nhà nước về kinh tế

Thuật ngữ "Quản lý nhà nước" được hiểu theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp.

Theo nghĩa rộng, quản lý nhà nước là sự chỉ huy, điều hành của các cơ quan nhà nước (lập pháp, hành pháp và tư pháp) để thực thi quyền lực Nhà nước thông qua các văn bản quy phạm pháp luật.

Theo nghĩa hẹp, quản lý nhà nước chủ yếu là quá trình tổ chức, điều hành của hệ thống cơ quan hành chính nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi của con người theo pháp luật, nhằm đạt được những mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ quản lý nhà nước. Đồng thời các cơ quan nhà nước còn thực hiện các hoạt

động có tính chấp hành, điều hành, hành chính nhà nước nhằm xây dựng, tổ chức bộ máy và củng cố chế độ công tác nội bộ của mình.

Như vậy, có thể hiểu: "Quản lý nhà nước là sự tác động của cơ quan quản lý nhà nước tới một số lĩnh vực nhất định nào đó để thực hiện các mục tiêu trong một thời kỳ nhất định.

Quản lý Nhà nước về kinh tế là sự tác động có tổ chức và bằng pháp quyền của Nhà nước lên nền kinh tế quốc dân nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực kinh tế trong và ngoài nước, các cơ hội có thể có, để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế đất nước đặt ra trong điều kiện hội nhập và mở rộng giao lưu quốc tế.

Theo nghĩa rộng, quản lý Nhà nước về kinh tế được thực hiện thông qua cả ba loại cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp của Nhà nước. Theo nghĩa hẹp, quản lý Nhà nước về kinh tế được hiểu như hoạt động quản lý có tính chất Nhà nước nhằm điều hành nền kinh tế, được thực hiện bởi cơ quan hành pháp (Chính phủ).

Trong quản lý nhà nước về kinh tế, Nhà nước sử dụng hệ thống các công cụ cần thiết để thực hiện chức năng quản lý của mình như công cụ định hướng (kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế...), công cụ kinh tế, tài chính tiền tệ (chính sách đầu tư, thuế, chi tiêu ngân sách, hệ thống ngân hàng, lãi suất, tín dụng...), công cụ pháp lý (pháp luật, các văn bản pháp quy...), các công cụ tổ chức và giáo dục...

Quản lý nhà nước về kinh tế được thực hiện ở nhiều cấp khác nhau: cấp trung ương, cấp địa phương (bao gồm cấp tỉnh, cấp huyện). Ở mỗi cấp quản lý, cơ quan quản lý được thực hiện những chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn nhất định theo quy định phân cấp quản lý. Việc phân cấp quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới được thực hiện theo nguyên tắc phân cấp quản lý nói chung.

e) Khái niệm quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới

Quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới chính

là việc các cơ quan chính quyền cấp tỉnh thực hiện các chức năng của mình để sử dụng có hiệu quả nhất các tiềm năng, các cơ hội nhằm đạt được mục đích ổn định và phát triển nông thôn mới.

Phân tích khái niệm này, có một số điểm cần lưu ý:

(1) Chủ thể quản lý là chính quyền cấp tỉnh bao gồm HĐND tỉnh và UBND tỉnh. Trong đó, Sở Nông nghiệp, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Văn hóa, Sở Du lịch, Sở Tài nguyên - Môi trường và các cơ quan thuộc UBND tỉnh thực hiện chức năng của UBND tỉnh về XD NTM ở những lĩnh vực cụ thể.

(2) Đối tượng quản lý là các vấn đề liên quan đến XD NTM các hoạt động liên quan đến thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Đó là một số hoạt động như thực hiện các công trình nông thôn mới; phát triển kinh tế; giải quyết các vấn đề về môi trường; cải tạo giao thông nông thôn; nâng cao đời sống văn hóa...

(3) Mục tiêu của quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới của chính quyền tỉnh là thực hiện các chức năng của các cơ quan chính quyền tỉnh để triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. XD NTM phải có hiệu quả, tạo sự đồng lòng từ người dân, hướng đến đối tượng thụ hưởng là người dân nông thôn.

(4) Cơ chế quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh gồm triển khai những cơ chế, chính sách của Chính quyền Trung ương được áp dụng chung cho cả nước và những cơ chế, chính sách của Chính quyền tỉnh áp dụng riêng cho địa bàn tỉnh.

1.1.2. Đặc điểm và vai trò của quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới

1.1.2.1. Đặc điểm quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới

Thứ nhất, quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới chịu sự điều chỉnh, giám sát của Nhà nước Trung ương.

Quan điểm của nhà nước trong xây dựng nông thôn mới là thống nhất, bảo đảm quản lý thống nhất của Chính phủ về thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, thanh tra, kiểm tra; đồng thời phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền cấp tỉnh trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn về xây dựng nông thôn mới theo quy định của pháp luật.

Đối với những vấn đề đã được phân cấp, chính quyền cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện; các bộ, ngành trung ương có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật hoặc trái với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực thì xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét.

Thứ hai, quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới thực hiện các cơ chế quản lý và chính sách của chính quyền tỉnh theo quy định phân cấp quản lý về xây dựng nông thôn mới.

Cơ chế quản lý và chính sách quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới được thực hiện trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương theo hình thức phân quyền, phân cấp. Việc xác định nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cấp chính quyền địa phương trong tổ chức và thực hiện hoạt động quản lý chính là cơ sở để phân quyền, phân cấp cho chính quyền địa phương (bao gồm HĐND và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương). Trong phạm vi của mình, HĐND và UBND cấp tỉnh có thể phân quyền, phân cấp, chuyển giao quyền hạn (quyền lực) của mình cho các cơ quan chuyên môn trực thuộc và UBND cấp huyện. UBND cấp huyện có thể phân cấp, phân quyền cho các cơ quan chuyên môn trực thuộc và UBND cấp xã. Tuy nhiên, để việc phân quyền, phân cấp mang lại hiệu quả, đòi hỏi nội dung phân quyền, phân cấp phải cụ thể, rõ ràng, minh bạch, khách quan và phù hợp với thực tế.

Thứ ba, quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn

mới mang đặc trưng riêng của địa phương.

Quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới được thực hiện trên cơ sở quy định của pháp luật; bảo đảm nguyên tắc quản lý nhà nước thống nhất, thông suốt, hiệu quả; tạo điều kiện để chính quyền các địa phương phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm; kết hợp nguyên tắc quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ; phân định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của bộ, ngành ở Trung ương và địa phương. Tuy nhiên, do mỗi địa phương ở những vùng địa lý khác nhau nên tất yếu có sự khác nhau về các yếu tố như khí hậu, văn hóa, phong tục, tập quán, sự phát triển kinh tế - xã hội... Do đó, quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới cần được thực hiện phù hợp với điều kiện, đặc thù ở nông thôn, đô thị, hải đảo... nhằm phát huy các tiềm năng, thế mạnh và khắc phục những hạn chế, khó khăn của địa phương.

Thứ tư, quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới được thực hiện trong mối quan hệ với Quản lý nhà nước của chính quyền các tỉnh khác trong vùng về xây dựng nông thôn mới.

Việt Nam được chia thành 8 vùng mang tính chất sinh thái nông nghiệp được quan tâm, mỗi vùng mang tính đặc trưng về kinh tế - kỹ thuật riêng và yếu tố của sự phát triển riêng. Quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới được thực hiện trong mối quan hệ với quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh trong vùng về xây dựng nông thôn mới nhằm sử dụng đồng bộ tất cả các loại tài nguyên thiên nhiên và nguồn lực kinh tế trong vùng; bảo vệ tài nguyên và môi trường. Đồng thời tổ chức sản xuất hợp lý trong vùng lãnh thổ, trên cơ sở sử dụng những tính ưu việt của tích tụ, chuyên môn hóa, hợp tác hóa và liên hiệp hóa sản xuất trong vùng. Song song với đó là tạo điều kiện trong quản lý dân số và lao động, phân bổ dân cư và chăm lo đời sống nhân dân; giải quyết những vấn đề văn hóa xã hội.

1.1.2.2. Vai trò quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới

Thứ nhất, quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn

mới góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất phù hợp.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã được Đảng và Nhà nước ta xác định là con đường tất yếu để Việt Nam nhanh thoát khỏi tình trạng lạc hậu, chậm phát triển, trở thành một quốc gia văn minh, hiện đại. Nội dung và yêu cầu cơ bản của chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là tăng nhanh tỷ trọng giá trị trong GDP của các ngành công nghiệp, xây dựng và thương mại - dịch vụ, đồng thời giảm dần tương đối tỷ trọng giá trị trong GDP của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp (gọi chung là nông nghiệp).

Vai trò của chính quyền tỉnh trong chuyển dịch cơ cấu được thể hiện trong một số nội dung như: tăng mạnh tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ trong GDP; phát triển mạnh các ngành nghề phi nông nghiệp; chuyển mạnh sang sản xuất các loại sản phẩm có thị trường và hiệu quả kinh tế cao; phát triển chăn nuôi với tốc độ và chất lượng cao; xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với việc chuyển giao công nghệ sản xuất, bảo quản và chế biến; rà soát, bổ sung, điều chỉnh lại quy hoạch sản xuất nông nghiệp theo hướng: phát huy lợi thế tự nhiên của từng vùng, lợi thế kinh tế của từng loại cây trồng, con gia súc, tăng tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ; Đưa nhanh khoa học công nghệ vào sản xuất; ứng dụng mạnh công nghệ sinh học và xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao; Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp và hợp tác xã đầu tư phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến nông, lâm thủy sản...

Thứ hai, quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn.

Về cơ bản, xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy xây dựng nông thôn mới. Đó cũng là yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh, mạnh và bền vững. Xuất phát từ

thực tiễn về nông thôn, nông nghiệp và căn cứ vào thực trạng kinh tế của tỉnh Nghệ An cũng như yêu cầu đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trong thời kỳ mới, đòi hỏi phải không ngừng phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là kết cấu hạ tầng nông thôn làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Quản lý nhà nước ở chính quyền tỉnh góp phần đổi mới cơ chế, chính sách để huy động được đa dạng các thành phần kinh tế, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng nông thôn; tăng tỷ lệ đầu tư cho phát triển hạ tầng nông thôn theo hướng đồng bộ, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất;

Thứ ba, quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh trong xây dựng nông thôn mới góp phần phát triển đời sống văn hóa, vật chất, tinh thần cho người dân nông thôn.

Cùng với kinh tế, văn hóa là nền tảng tinh thần, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển nông nghiệp, nông thôn. Phát huy truyền thống, bồi đắp các giá trị văn hóa mới, hướng đến cuộc sống yên vui, ấm no và hạnh phúc là mục tiêu xuyên suốt trong quá trình phát triển đời sống văn hóa cơ sở gắn với xây dựng nông thôn mới.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở nông thôn có vai trò quan trọng đến chất lượng đời sống văn hóa, thể thao của nhân dân, là nơi giữ vị trí nòng cốt trong tổ chức các hoạt động tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội của địa phương, đáp ứng được nhu cầu về hưởng thụ, sáng tạo văn hóa của nhân dân, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, từng bước khắc phục tình trạng chênh lệch về mức hưởng thụ văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của nhân dân ở các vùng miền, tạo nền tảng vững chắc xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Vì vậy nâng cao đời sống tinh thần cho nông dân, tạo môi trường văn hóa lành mạnh, tiên bộ ở nông thôn là vai trò căn bản nhằm xây dựng nông thôn mới của chính quyền tỉnh trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

Thứ tư, quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn

mới góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp, lưu thông hàng hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ ở nông thôn.

Quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về XD NTM nâng cao giá trị hàng hóa nông sản, đáp ứng nhu cầu của sản xuất, đời sống của nhân dân và phục vụ cho nhu cầu xây dựng cơ bản... Chính quyền tỉnh có vai trò đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống và dịch vụ. Khai thác và huy động hết công suất của những cơ sở công nghiệp hiện có, xây dựng thêm các cơ sở sản xuất mới phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (công cụ sản xuất, phân bón, thuốc trừ sâu...), chế biến nông sản phục vụ đời sống và xuất khẩu, sản xuất các mặt hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng... Song song với đó là khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống, mở mang nghề mới, phục vụ cho sản xuất, đời sống và xuất khẩu.

Ngoài ra chính quyền tỉnh còn có vai trò khuyến khích phát triển các cơ sở dịch vụ phục vụ cho yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân. Trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa, lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp sản xuất ra sản phẩm thô sẽ ngày càng giảm; đồng thời đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ vừa phục vụ cho sản xuất, đời sống, vừa khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lao động xã hội ở nông thôn dư thừa, tăng giá trị của nông sản hàng hóa.

Chính quyền tỉnh khuyến khích mọi thành phần kinh tế tư nhân trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào kinh doanh nông nghiệp, nhất là đầu tư vào công nghiệp phục vụ nông nghiệp, chế biến nông sản và xây dựng cơ sở hạ tầng, tìm thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa với mục tiêu phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững. Khai thác lợi thế của nền nông nghiệp địa phương để phát triển sản xuất hàng hóa lớn với năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao; nâng cao thu nhập và đời sống nông dân, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực; đẩy nhanh áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ hiện đại trong sản xuất, chế biến, bảo quản;

ưu tiên ứng dụng công nghệ sinh học để tạo nhiều giống cây trồng, vật nuôi và quy trình sản xuất đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao; quản lý chỉ đạo xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn phù hợp với yêu cầu mở rộng quy mô và chất lượng sản xuất hiện tại.

Thứ năm, quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới góp phần hạn chế tình trạng di dân tự do.

Di dân tự do là một hiện tượng kinh tế - xã hội mang tính quy luật, tồn tại song song với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Di dân tự do vừa có mặt tích cực, lại vừa để lại những hệ lụy to lớn. Nếu không có những biện pháp, hoặc chính sách kiểm soát quá trình đó một cách có hiệu quả thì những hệ lụy để lại sẽ hết sức khó lường.

Nguyên nhân chủ yếu thúc đẩy người dân di cư chủ yếu là lý do kinh tế. Người lao động di cư ra thành thị, khu công nghiệp là do lực đẩy từ nông thôn; đó là thiếu đất canh tác, năng suất lao động trong nông nghiệp, nông thôn thấp và bấp bênh. Để hạn chế tình trạng di dân tự do, vấn đề đặt ra là phải có những giải pháp thiết thực hướng đến mục tiêu cao nhất là xây dựng nông thôn thịnh vượng trên mọi vùng miền của địa bàn tỉnh; đề ra các quyết sách, tìm ra các giải pháp thực hiện tốt, bảo vệ tốt, phát triển tốt các lợi ích căn bản của đông đảo nông dân. Trên cơ sở đó, thực hiện quá trình cải biến một cách căn bản đời sống kinh tế - xã hội nông thôn Việt Nam theo hướng hiện đại.

Xây dựng nông thôn mới tăng cường tạo việc làm cho khu vực nông thôn, thực hiện chiến lược phát triển công nghiệp phân tán về khu vực nông thôn sẽ làm giảm dòng người lao động di cư này. Đồng thời điều kiện sinh sống, cơ sở hạ tầng, vật chất sinh hoạt đời sống khu dân cư ở địa bàn nông thôn được nâng cao cũng là một yếu tố chính đóng vai trò quyết định trong việc hạn chế tình trạng di dân tự do.

Thứ sáu, quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới góp phần bảo vệ môi trường.

Xây dựng nông thôn thân thiện với môi trường là một trong 19 tiêu chí về XDNTM, bao gồm các nội dung tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia; các cơ sở sản xuất - kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh - sạch - đẹp; nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch; chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định.

Nếu chính quyền tỉnh làm tốt công tác quản lý nhà nước của mình về các hoạt động nêu trên sẽ góp phần bảo vệ môi trường, thay đổi diện mạo nông thôn và nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống cho người dân vùng nông thôn.

1.1.2.3. Nguyên tắc của quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới

a) Nguyên tắc tập trung, dân chủ: Phải đảm bảo mối quan hệ chặt chẽ và tối ưu giữa tập trung dân chủ trong quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới. Tập trung phải trên cơ sở dân chủ, dân chủ phải thực hiện trong khuôn khổ tập trung.

Biểu hiện của tập trung thể hiện thông qua hệ thống kế hoạch, quy hoạch; thông qua hệ thống pháp luật và chính sách quản lý nhà nước và việc thực hiện chế độ một thủ trưởng ở tất cả các đơn vị; và thủ trưởng là người nhận trách nhiệm cao nhất trước cấp trên cũng như tập thể, cán bộ, người dân về toàn bộ hoạt động của đơn vị.

Biểu hiện của dân chủ thể hiện ở việc các đối tượng tham gia trực tiếp, gián tiếp đến hoạt động quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới của chính quyền tỉnh và mọi người dân được hưởng lợi từ chương trình XD NTM được tham gia ý kiến, kiến nghị các biện pháp thực thi và giám sát trong tất cả quá trình xây dựng các chỉ tiêu, kế hoạch, quy hoạch, phương án hành động; tuyên truyền, phổ biến mọi kế hoạch, quy hoạch, văn bản pháp luật có liên quan cho mọi người dân; ý kiến dân chủ của quần chúng trong việc xây dựng các phương án và biện pháp XD NTM có tầm quan trọng đặc biệt đối với vấn đề quản lý nhà

nước của chính quyền tỉnh về XD NTM; kết hợp quản lý theo ngành, theo địa phương và vùng lãnh thổ.

Nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của chính quyền tỉnh thể hiện ở các điểm:

- (1) Chính quyền cấp tỉnh phải phục tùng cơ quan Trung ương;
- (2) Thiếu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tập thể; các cá nhân phải phục tùng người chỉ huy trong các cơ quan chính quyền tổ chức theo chế độ thủ trưởng và trong điều hành công việc.

(3) Chính quyền cấp tỉnh quản lý tập trung thống nhất, kết hợp chặt chẽ với việc phân cấp hợp lý, để tăng cường và phát huy tính chủ động, sáng tạo của chính quyền địa phương và cơ sở.

b) Nguyên tắc thống nhất

Nguyên tắc này phản ánh mối quan hệ giữa chính quyền tỉnh và chính quyền các cấp. Thể hiện mối quan hệ giữa cơ quan quản lý cấp dưới đối với cấp trên và quan hệ đồng cấp trong việc thực thi chức năng quản lý nhà nước. Nguyên tắc này yêu cầu các cấp quản lý trong một cơ cấu tổ chức phải có sự thống nhất trong ra quyết định quản lý, tổ chức thực hiện quyết định và kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

Để thực hiện nguyên tắc này cần chủ thể quản lý phải quán triệt quan điểm quản lý, trao đổi thảo luận trong quá trình ra quyết định quản lý, phân công nhiệm vụ rõ ràng và hợp lý, giao ban định kỳ.

c) Nguyên tắc kết hợp hài hòa lợi ích

Quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh trong xây dựng nông thôn mới là nhằm hướng đến thực hiện mục tiêu chung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Để thực hiện mục tiêu này và đảm bảo cho việc phát triển lâu dài và bền vững thì chính quyền tỉnh phải nhận thức được hệ thống lợi ích và quan hệ lợi ích, đảm bảo thực hiện chúng một cách hài hòa; không chỉ thể hiện bằng giá trị vật chất, mà còn các giá trị tinh thần, văn hóa, xã hội.

Sự hài hòa của hệ thống lợi ích biểu hiện ở sự kết hợp hài hòa giữa 3 loại lợi ích là lợi ích xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân trên cơ sở các đòi hỏi của các quy luật khách quan; một số sự kết hợp hài hòa lợi ích lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần; lợi ích kinh tế và lợi ích chính trị, xã hội, môi trường; lợi ích chung và lợi ích riêng; lợi ích toàn cục - lợi ích bộ phận; lợi ích trước mắt - lợi ích lâu dài...

Sự hài hòa của quan hệ lợi ích thể hiện ở sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích của chính quyền và người dân; giữa lợi ích của các cơ quan chính quyền tỉnh với nhau; giữa lợi ích của người dân các địa phương với nhau...

Thứ nhất: Lợi ích cá nhân Thể hiện bằng các khoản thu nhập bằng tiền, quyền lợi về nhà ở, quyền nghỉ ngơi, giải trí, quyền được học tập,... Những lợi ích đó không chỉ đáp ứng nhu cầu riêng cho bản thân mà cho cả gia đình và tái tạo sức lao động.

Thứ hai: Lợi ích tập thể

(1) Lợi ích từng địa phương: lợi ích được hưởng của tập thể người dân theo từng địa phương, đòi hỏi cần được tạo điều kiện để họ phát huy tốt mặt mạnh, sớm khắc phục các mặt yếu kém, tiến tới xóa đi sự cách biệt, chênh lệch về mọi mặt giữa các vùng nông thôn, đưa chương trình XD NTM cả tỉnh cùng phát triển.

(2) Lợi ích chung của ngành sản xuất, kinh doanh: Lợi ích của từng ngành phải đảm bảo đầy đủ điều kiện kinh tế - kỹ thuật, văn hóa - xã hội cho ngành phát triển đúng với vị trí của ngành sản xuất - xã hội.

Thứ ba: Lợi ích toàn xã hội bao gồm các nguồn lực đáp ứng nguyện vọng và nhu cầu chung toàn xã hội mà mọi người dân, mọi ngành, mọi địa phương đều được hưởng và đều có nghĩa vụ thực hiện như: quốc phòng - an ninh, kinh tế - kỹ thuật, văn hóa, giáo dục... phục vụ cho toàn xã hội.

Để thực hiện được nguyên tắc này, chính quyền tỉnh phải thực hiện dân chủ trong việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chính sách; phải công bằng, công

khai và minh bạch trong việc phân bổ các giá trị và giải quyết các xung đột về vai trò và xung đột về lợi ích một cách khách quan.

Việc kết hợp giữa các lợi ích thỏa mãn đồng thời các lợi ích theo đúng nhu cầu, bảo đảm cho các lợi ích không đối lập nhau, cũng có tác dụng hỗ trợ, thúc đẩy nhau phát triển. Kết hợp hài hòa các loại ích có vị trí quan trọng trong quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới của chính quyền tỉnh vì nó đáp ứng các đòi hỏi cụ thể về quyền lợi của người dân.

d) Nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả

Tiết kiệm là hạn chế chi phí đến mức tối thiểu mà vẫn đảm bảo được hiệu quả tối đa. Trong XD NTM luôn đòi hỏi phải tiết kiệm các chi phí về tiền vốn hỗ trợ, vật liệu, sức lao động, thời gian... còn hiệu quả là kết quả cuối cùng của hoạt động được đo bằng giá trị (vật chất và tinh thần), thời gian (khoảng thời gian có giá trị), tác động (tác dụng tạo ra được các hoạt động tiếp theo như: việc làm, đời sống tinh thần...).

Tiết kiệm và hiệu quả là hai yếu tố quan trọng cần quan tâm của chính quyền tỉnh trong quản lý về xây dựng nông thôn mới và luôn đi đôi với nhau, vì vậy đây là thước đo để đánh giá kết quả cuối cùng của quản lý nhà nước; thể hiện tính khoa học của hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh trong xây dựng nông thôn mới.

Chính quyền tỉnh phối hợp một cách tối ưu các nguồn lực để thực hiện mục tiêu chung. Đó là sự kết hợp tối ưu, hiệu quả giữa các cơ quan chính quyền, giữa chính quyền tỉnh và người dân; giữa người dân ở các địa phương và giữa nhân lực với các nguồn lực khác.

Để thực hiện nguyên tắc này, chính quyền tỉnh phân công công việc, giao quyền cho đối tượng phù hợp; sử dụng hiệu quả các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực, tin lực); đầu tư có trọng điểm trong việc phát triển nhân lực; đầu tư công nghệ đáp ứng yêu cầu của công việc.

Việc vận dụng nguyên tắc này yêu cầu phải có tầm nhìn và vì lợi ích lâu

dài của toàn xã hội, không vì cục bộ một địa phương nhất định mà làm phương hại đến lợi ích chung.

e) Nguyên tắc công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình

(1) Nội dung công khai minh bạch:

Chính quyền tỉnh phải công khai, minh bạch thông tin về tổ chức, hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính quyền, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và các nội dung khác theo quy định của pháp luật. Việc công khai, minh bạch phải bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời theo trình tự, thủ tục do cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quy định và phù hợp với quy định của pháp luật.

Các văn bản pháp luật có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến nội dung xây dựng nông thôn mới cần phải trải qua giai đoạn tham vấn các đối tượng có liên quan trước khi thông qua.

Mọi hoạt động phải được công bố hoặc phổ biến, truyền tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, làm cho mọi người dân có thể tiếp cận được các quyết định của chính quyền tỉnh một cách dễ dàng.

Không gây rắc rối, không gây khó khăn cho người dân trong tiếp cận thông tin. Người đứng đầu ra quyết định có trách nhiệm giải trình và nhận trách nhiệm với các sai phạm trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước. Công khai, minh bạch tạo điều kiện cho mọi người dân và toàn xã hội tham gia giám sát hoạt động của chính quyền tỉnh; qua đó người dân sẽ ý thức được các quyền và nghĩa vụ của mình trong xây dựng Nông thôn mới để chủ động thực hiện theo các quy định của pháp luật, đồng thời cũng đòi hỏi chính quyền tỉnh và các cán bộ, công chức nhà nước thực hiện các quy định của luật pháp.

(2) Nội dung trách nhiệm giải trình:

Là trách nhiệm của cơ quan, của người đứng đầu cơ quan chính quyền tỉnh báo cáo, trình bày trước dân hoặc trước cơ quan, tổ chức đại diện của nhân dân (như Hội đồng nhân dân, các đoàn thể nhân dân...) về việc thực hiện chức

năng, nhiệm vụ được giao.

Đây cũng là một hoạt động thể hiện quyền giám sát của dân đối với hoạt động của chính quyền tỉnh, tránh được tình trạng khi có khuyết điểm, thiếu sót thường đùn đẩy, không rõ địa chỉ tổ chức hoặc cá nhân chịu trách nhiệm.

Nội dung giải trình không chỉ là trình bày những việc đã làm, nêu đúng được những ưu, khuyết điểm trong công tác của cơ quan nhà nước, nhất là trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Yêu cầu của việc giải trình là chân thực, khách quan, đúng sự thật, đúng trách nhiệm, không né tránh, đùn đẩy. Qua kết quả giải trình, có thể lấy ý kiến về sự tín nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cán bộ của chính quyền tỉnh; từ đó có thêm căn cứ trong việc đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức.

1.2. Nội dung và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới

1.2.1. Nội dung quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới

1.2.1.1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới

a) Xây dựng quy hoạch tổng thể xây dựng nông thôn mới của cả tỉnh

Quy hoạch XD NTM là một trong những nội dung cơ bản và là bước đi đầu tiên, quan trọng trong tổng thể nhiệm vụ XD NTM của chính quyền cấp tỉnh. Quy hoạch NTM là điều kiện tiên quyết, là cơ sở cho việc lập kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình, chỉnh trang, phát triển nông thôn. Do đó, để thực hiện thành công, chủ động XD NTM thì công tác lập quy hoạch cần được quan tâm đặc biệt. Quy hoạch đúng mức tạo ra sự thống nhất giữa tổng thể phát triển KT-XH, quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng, sử dụng đất, gắn chặt với quy hoạch phát triển KT-XH vùng, ngành, địa phương, là công cụ quản lý XD NTM theo hướng văn minh, hiện đại. Sự chính xác trong quy hoạch sẽ đảm bảo cho sự phát triển bền vững của toàn tỉnh.

Quy hoạch xây dựng NTM cho toàn tỉnh phải xuất phát từ thực tiễn của các địa phương trực thuộc và các tiêu chí NTM của trung ương ban hành, phải do xã làm là chính, có sự chỉ đạo hỗ trợ của huyện, tỉnh và đơn vị tư vấn. Người dân phải được tham gia ngay từ đầu, cán bộ xã, thôn, bản phải chủ động đề xuất cùng với sự hỗ trợ của huyện, tỉnh và đơn vị tư vấn khi lập kế hoạch.

Nội dung quy hoạch xây dựng NTM phải thể hiện rõ ràng các nội dung chính: quy hoạch không gian bố trí sử dụng đất, sản xuất, hạ tầng kinh tế, xã hội, khu dân cư. Trên cơ sở hiện trạng để điều chỉnh, bổ sung, xây dựng quy hoạch phù hợp với điều kiện KT-XH của từng vùng, miền, phong tục tập quán mỗi dân tộc và Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, tiêu chuẩn, quy chuẩn của các ngành, đồng thời phải phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển KT-XH của địa phương, kết nối với quy hoạch vùng, ngành, đáp ứng được yêu cầu trước mắt và lâu dài.

Ban Chỉ đạo XD NTM cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hướng dẫn, hỗ trợ các xã xây dựng quy hoạch NTM. Quy hoạch XD NTM cấp xã sau khi được UBND cấp huyện phê duyệt phải công khai rộng rãi trong cộng đồng dân cư; đồng thời tăng cường sự giám sát của người dân trong triển khai thực hiện.

b) Lập kế hoạch xây dựng nông thôn mới cho toàn tỉnh trong hàng năm và 5 năm

Thứ nhất, lập kế hoạch xây dựng nông thôn mới cho toàn tỉnh trong 5 năm:

Đây là hình thức chủ yếu của công tác kế hoạch hóa. Chức năng của lập kế hoạch trong hàng năm, 3 năm, 5 năm là cụ thể hóa chiến lược dài hạn, những phương hướng chủ yếu trong xây dựng nông thôn mới, những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả của nền sản xuất - xã hội. Các kế hoạch sẽ phải xác định được những chỉ tiêu cơ bản, định hướng cho quá trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh, xác định những lĩnh vực mà chính quyền tỉnh sẽ ưu tiên tập trung phát triển, xác định nguyên tắc hoạch định và xây dựng chính sách cụ thể để hướng

dẫn toàn bộ bộ máy chính quyền theo định hướng đã chọn.

Do đó, kế hoạch 5 năm là hình thức liên kết chính trong hệ thống kế hoạch và là hình thức chủ yếu của kế hoạch của chính quyền tỉnh. Kế hoạch 5 năm mang tính định hướng và dự báo. Vì vậy, công tác dự báo đặc biệt là dự báo trung hạn chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong việc lập kế hoạch. Các bước xây dựng kế hoạch 5 năm bao gồm:

Bước thứ nhất: Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu và các chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm trước.

Bước thứ hai: Dự báo các tình huống phát triển trong thời kỳ kế hoạch bao gồm các đánh giá các nguồn lực phát triển có thể khai thác đưa vào kế hoạch. Dự báo các tác động của các yếu tố liên quan từ đó khẳng định những thuận lợi và thách thức.

Bước thứ ba: Lựa chọn các phương án phát triển, phân tích từng phương án dựa trên việc dự báo các tình huống phát triển.

Bước thứ tư: Xây dựng hệ thống các quan điểm phát triển dựa vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bước thứ năm: Xác định các mục tiêu và chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới ở cấp vĩ mô.

Bước thứ sáu: Xây dựng các chương trình phát triển nhằm bảo đảm thực hiện mục tiêu.

Bước thứ bảy: Xây dựng hệ thống các giải pháp, các cơ chế chính sách để điều hành nền kinh tế bảo đảm thực hiện các mục tiêu.

Thứ hai, lập kế hoạch xây dựng nông thôn mới cho toàn tỉnh hàng năm:

Kế hoạch năm là cơ sở của sự chỉ đạo và điều hành chương trình XD NTM, là chương trình công tác cụ thể của các khâu chủ yếu trong XD NTM. Chức năng của kế hoạch này là phân phối các nguồn vật tư và tài chính nhằm bảo đảm hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức tham gia hoạt động xây dựng nông thôn mới; là xác định phương hướng sử dụng các nguồn lực của các

tổ chức trong quá trình hoạt động.

Kế hoạch hàng năm bảo đảm sự thực hiện tuần tự các nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm, đồng thời là công cụ để điều chỉnh các nhiệm vụ hàng năm của kế hoạch 5 năm có tính đến tình hình kinh tế chính trị hiện tại. Việc điều chỉnh những nhiệm vụ hàng năm không được làm ảnh hưởng đến những chỉ tiêu cuối cùng của kế hoạch 5 năm.

Là bộ phận cấu thành của kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm có vai trò độc lập nhất định. Kế hoạch hàng năm có thể bao hàm các chính sách linh hoạt phù hợp với những thay đổi trong và ngoài nước mà không dự kiến hết trong khi xây dựng kế hoạch 5 năm. Trong kế hoạch hàng năm, chính quyền tỉnh sử dụng triệt để nguyên tắc pháp lệnh và phân công cụ thể của xã hội. Thực chất của kế hoạch hàng năm là kế hoạch điều hành của chính quyền tỉnh nhằm thực hiện kế hoạch 5 năm, từng bước lượng hóa ở mức độ cho phép các mục tiêu XD NTM.

Kế hoạch hàng năm không chứa đựng những mục tiêu cụ thể chỉ bao gồm một hoặc một số chỉ tiêu được viết ra từ kế hoạch 5 năm. Tùy tình hình cụ thể về kinh tế - xã hội, chính quyền tỉnh sẽ xác định thứ tự ưu tiên của những mục tiêu này. Trong kế hoạch hàng năm, việc xây dựng các giải pháp chính sách cần dựa vào một mô hình phân tích chính sách. Mô hình này phải xác định được những yếu tố nào là yếu tố chính quyền tỉnh có thể tác động trực tiếp được, những yếu tố nào nằm ngoài sự tác động của chính quyền tỉnh để từ đó xác định những công cụ chính sách mà chính quyền tỉnh có thể sử dụng.

1.2.1.2. Tổ chức thực hiện cơ chế quản lý nhà nước của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh

a) Xây dựng chương trình hành động thực hiện chủ trương của cấp trên

Sau khi các cơ quan cấp Trung ương ban hành các cơ chế, chính sách về xây dựng nông thôn mới thì chính quyền cấp tỉnh phải xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện các cơ chế, chính sách của Nhà nước được áp dụng tại địa bàn tỉnh. Chương trình hành động phải nêu rõ được những nội dung

đề ra để các cơ quan chính quyền cấp tỉnh cần triển khai thực hiện. Những nội dung này phù hợp với thực tế, chức năng, nhiệm vụ, điều kiện, đồng thời đáp ứng được những yêu cầu, đòi hỏi của địa phương, cơ quan, đơn vị, ngành.

Chương trình hành động gồm các nội dung cơ bản sau: tên chương trình hoặc kế hoạch hành động; mục tiêu cần đạt được; các giải pháp, các điều kiện để thực hiện mục tiêu đã xác định; lộ trình thực hiện các công việc; công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết; phân công các bộ phận, cá nhân thực hiện; hướng dẫn theo hướng viết cụ thể, rõ ràng, chứ không chỉ định hướng như chủ trương của Trung ương. Việc xây dựng chương trình hành động được thảo luận dân chủ, rộng rãi bởi đó là những việc cần làm, sẽ làm của địa phương, cơ quan, ngành, đơn vị.

b) Tuyên truyền, phổ biến chính sách của Nhà nước tới người dân

Hệ thống văn bản về chính sách, pháp luật xây dựng nông thôn mới đã được ban hành, cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình MTQG XDNTM. Nhiều chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới đã được triển khai. Các Bộ, ngành đã chủ động ban hành các văn bản hướng dẫn, rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế. Chính quyền tỉnh đã chủ động ban hành các chính sách hỗ trợ đặc thù nhằm tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách của Nhà nước tới người dân có vai trò là cầu nối để đưa các chính sách của Nhà nước đến với mọi người dân, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức của người dân trong toàn xã hội về chính sách của Nhà nước; do vậy công tác này phải mang tính thường xuyên, liên tục và đòi hỏi sự nỗ lực phối hợp của các ngành trong quá trình quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới.

Người đứng đầu các cơ quan chính quyền là người giữ vai trò quan trọng trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách của Nhà nước tới người dân. Cần có sự quan tâm chỉ đạo của người đứng đầu từ khâu xây dựng kế hoạch đến

khâu tổ chức thực hiện để đưa công tác tuyên truyền vào nề nếp. Việc tuyên truyền, phổ biến chính sách của nhà nước phải đến được với đối tượng chính sách và mọi người dân tham gia thực thi.

Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến cần phải có một nguồn kinh phí phù hợp nhằm đảm bảo cho các hoạt động này đạt hiệu quả cao; cần tranh thủ sự hỗ trợ về kinh phí của các tổ chức, cá nhân quan tâm đến hoạt động tuyên truyền, phổ biến các chính sách của Nhà nước. Tập trung thực hiện tốt công tác sơ kết, tổng kết để đánh giá kết quả thực hiện và đề ra nội dung tuyên truyền cho thời gian tới.

Hoạt động tuyên truyền, phổ biến phải linh hoạt cho từng đối tượng cụ thể bằng nhiều phương thức đa dạng, phong phú, kết hợp nhiều loại hình tuyên truyền như: tổ chức hội nghị, sân khấu hóa, thi viết, phát tờ, tuyên truyền trên loa, tuyên truyền lưu động tại các địa phương...

c) Tổ chức thực thi các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân

Tổ chức thực thi các chính sách hỗ trợ của Nhà nước tới người dân là toàn bộ quá trình chuyển hóa các nội dung trong chính sách thành hoạt động của các cơ quan chính quyền cấp tỉnh thực hiện đối với người dân nhằm đạt được mục tiêu định hướng trong chính sách; trong đó bao gồm một số chính sách liên quan đến các nội dung như chính sách cấp xi măng, ống cống, hỗ trợ máy trộn bê tông... để người dân tự làm đường; chính sách hỗ trợ lãi suất, nâng mức cho vay để triển khai các chương trình, dự án xây dựng nông thôn mới; chính sách hỗ trợ lãi suất để đẩy nhanh ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp; chính sách hỗ trợ dồn điền, đổi thửa, mua máy móc nông nghiệp...

Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới gồm những bước cơ bản sau:

Bước thứ nhất là xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách xây

dựng nông thôn mới: Gồm kế hoạch về tổ chức, điều hành; kế hoạch cung cấp các nguồn vật lực; kế hoạch về thời gian triển khai thực hiện; kế hoạch kiểm tra, đôn đốc thực thi chính sách và dự kiến những nội quy, quy chế, về các biện pháp khen thưởng, kỷ luật trong quá trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Bước thứ hai là phổ biến, tuyên truyền chính sách cho các đối tượng chính sách và mọi người dân tham gia thực thi; cho mỗi cán bộ, công chức có trách nhiệm tổ chức thực thi. Công tác này được thực hiện thường xuyên và liên tục thông qua nhiều hình thức như trực tiếp tiếp xúc, trao đổi với các đối tượng tiếp nhận; gián tiếp qua các phương tiện thông tin đại chúng...

Bước thứ ba là phân công, phối hợp thực hiện chính sách: mỗi chính sách được thực thi trên phạm vi toàn tỉnh, số lượng cá nhân và tổ chức tham gia thực thi chính sách là rất lớn. Trong thực tế thường hay phân công cơ quan chủ trì và các cơ quan phối hợp thực hiện một chính sách cụ thể nào đó. Mỗi chính sách của các cơ quan chính quyền tỉnh có thể tác động đến lợi ích của một bộ phận dân cư, nhưng kết quả tác động lại liên quan đến nhiều yếu tố, quá trình thuộc các bộ phận khác nhau, nên cần phải phối hợp lại để đạt yêu cầu quản lý.

Bước thứ tư là thực hiện các biện pháp để duy trì, điều chỉnh, bổ sung chính sách: là làm cho chính sách tồn tại trong môi trường thực tế và phát huy tác dụng. Điều này đòi hỏi phải thường xuyên quan tâm tuyên truyền, vận động các đối tượng chính sách và toàn xã hội tích cực tham gia thực thi chính sách. Các cơ quan chính quyền tỉnh có thể kết hợp sử dụng các biện pháp hành chính để duy trì chính sách, tạo lập môi trường thuận lợi cho việc thực thi chính sách; tăng cường thực hiện dân chủ để mọi người dân mạnh dạn tham gia quản lý xã hội, trong đó tự giác chấp hành chính sách và tham gia tìm kiếm, đề xuất các biện pháp thực hiện mục tiêu, chủ động điều chỉnh chính sách cho phù hợp với hoàn cảnh mới. Các cơ quan chính quyền tỉnh chủ động điều chỉnh biện pháp, cơ chế chính sách để thực hiện có hiệu quả chính sách, miễn là không làm thay đổi

mục tiêu chính sách; nhưng phải theo một nguyên tắc đó là chỉ được điều chỉnh các biện pháp, cơ chế thực hiện mục tiêu, hoặc bổ sung, hoàn chỉnh mục tiêu theo yêu cầu thực tế. Nếu điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu nghĩa là làm thay đổi chính sách thì coi như chính sách không tồn tại.

1.2.1.3. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, cơ chế quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh

Trên cơ sở các văn bản của Trung ương, UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo XD NTM tỉnh cụ thể hóa bằng nhiều văn bản tiền đề, mang tính định hướng để các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện XD NTM. Cụ thể chính quyền tỉnh có thể ban hành một số chính sách về các nội dung như kế hoạch thực hiện CTMTQĐ XDNTM trên địa bàn tỉnh; nội dung, tiêu chí các xã đạt chuẩn NTM; kế hoạch tuyên truyền thực hiện XD NTM; hay là quy chế quản lý, điều hành thực hiện XD NTM trên địa bàn tỉnh...

1.2.1.4.. Thanh tra, kiểm tra và giám sát

Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực thi chính sách là một nội dung rất quan trọng trong quản lý nói chung và xây dựng nông thôn mới nói riêng.

Căn cứ để kiểm tra là kế hoạch triển khai thực hiện; quá trình theo dõi phát hiện, đánh giá khách quan về những điểm mạnh, điểm yếu của công tác tổ chức thực thi chính sách, giúp phát hiện những thiếu sót trong công tác lập kế hoạch tổ chức thực thi để điều chỉnh. Quá trình này bảo đảm phối hợp nhịp nhàng các hoạt động độc lập của các cơ quan, đối tượng thực thi chính sách, tạo ra sự tập trung thống nhất trong việc thực hiện mục tiêu chính sách; kịp thời khuyến khích cũng như nhân tố tích cực trong thực thi chính sách để tạo ra những phong trào thiết thực cho việc thực hiện mục tiêu. Đánh giá tổng kết rút kinh nghiệm việc thực thi của các đối tượng tham gia việc thực thi chính sách bao gồm các đối tượng thụ hưởng lợi ích trực tiếp và gián tiếp từ chính sách. Cơ sở để đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành thực thi chính sách trong các cơ quan chính quyền tỉnh là kế hoạch được giao và những nội quy, quy chế.

Kiểm tra là hoạt động thường xuyên của chính quyền tỉnh đối với chính quyền cấp dưới nhằm đánh giá mọi hoạt động của cấp dưới khi cần thiết hoặc kiểm tra cụ thể một quyết định nào đó. Hoạt động kiểm tra thực hiện trong quan hệ trực thuộc. Đối với kiểm tra XD NTM; khi thực hiện kiểm tra, các cơ quan chính quyền tỉnh, thủ trưởng cơ quan có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kỷ luật, biện pháp bồi thường thiệt hại vật chất hoặc áp dụng các biện pháp tác động tích cực tới đối tượng bị kiểm tra như khen thưởng về vật chất và tinh thần. Hoạt động kiểm tra trong quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới bao gồm kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chung và kiểm tra nội bộ.

Kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chung là kiểm tra của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đặc trưng của loại kiểm tra này là tính trực thuộc của đối tượng bị kiểm tra đối với cơ quan kiểm tra, do đó mang tính chất quyền lực - phục tùng. Ủy ban nhân dân tỉnh có thể kiểm tra bất kỳ một hoạt động nào của đối tượng bị quản lý, có thể tiến hành thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất khi phát hiện những vi phạm. Hoạt động kiểm tra XD NTM có thể tiến hành dưới nhiều hình thức như nghe báo cáo, đánh giá báo cáo của đối tượng kiểm tra, tự tổ chức các đoàn kiểm tra tổng hợp hoặc về từng vấn đề hoặc thông qua Thanh tra Sở.

Kiểm tra nội bộ là nhiệm vụ, chức năng của mọi cơ quan nhà nước; thường dùng để chỉ hoạt động kiểm tra trong nội bộ ngành, một cơ quan, một tổ chức do thủ trưởng cơ quan quản lý ngành và lĩnh vực, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị tiến hành. Hoạt động này tính chất trực thuộc chặt chẽ giữa chủ thể và đối tượng bị kiểm tra. Phạm vi kiểm tra bao quát mọi hoạt động, mọi vấn đề thuộc nhiệm vụ, chức năng của cơ quan, nhân viên dưới quyền. Thủ trưởng cơ quan có thể trực tiếp kiểm tra hoặc lập ra tổ chức giúp thủ trưởng kiểm tra, tiến hành kiểm tra thủ trưởng cơ quan hoặc tổ chức kiểm tra có quyền áp dụng mọi hình thức và biện pháp thuộc quyền hạn của thủ trưởng như khen thưởng cơ

quan, cá nhân có thành tích, kỷ luật cơ quan, tổ chức và cá nhân vi phạm, ra quyết định đình chỉ, bãi bỏ các quyết định sai trái của cấp dưới, đình chỉ hành vi vi phạm pháp luật, kỷ luật kẻ cả các biện pháp kiểm kê, kiểm soát, kê biên, niêm phong tài sản, tài liệu.

Giám sát là việc chủ thể giám sát, theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, trong việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý. Chức năng này xuất phát từ địa vị chính trị - pháp luật của Hội đồng nhân dân là cơ quan trực tiếp nhận quyền lực từ nhân dân, thay mặt nhân dân thực hiện mọi quyền của Nhà nước. Hội đồng nhân dân các cấp giám sát các hoạt động của Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân, các doanh nghiệp, cơ quan tổ chức trực thuộc mình cũng như trực thuộc cấp trên đóng tại địa phương. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về XD NTM được thực hiện thông qua các hình thức sau:

Thứ nhất: Thực hiện trên kỳ họp nghe báo cáo định kỳ về kết quả XD NTM của các cơ quan chính quyền và các cơ quan nhà nước khác, thảo luận và đánh giá các báo cáo đó.

Thứ hai: Thông qua quyền chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân với Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Sở và các thành viên khác của chính quyền tỉnh.

Thứ ba: Các Ủy viên Ban Thường trực của Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện quyền giám sát và trên các kỳ họp báo cáo các nội dung liên quan đến XD NTM trước Hội đồng nhân dân tỉnh về hoạt động của mình trong các bản báo cáo, thẩm tra, thuyết trình phạm vi giám sát.

Thứ tư: Thông qua đại biểu HDND tiếp xúc với cử tri, nghe yêu cầu kiến nghị, khiếu nại và tố cáo của cử tri về các nội dung liên quan đến XD NTM trên địa bàn tỉnh.

Thanh tra là các hoạt động của các cơ quan có chức năng như Thanh tra

chuyên ngành của các Sở. Cơ quan thanh tra và đối tượng bị thanh tra thường không có quan hệ trực thuộc. Nhưng cơ quan thanh tra do thủ trưởng các cơ quan hành chính thành lập, hoạt động với tư cách là cơ quan chức năng giúp thủ trưởng cùng cấp. Vì vậy, có thể coi hoạt động thanh tra ngành được cơ quan cấp trên tiến hành trong quan hệ đối với cơ quan trực thuộc. Trong quá trình thanh tra, cơ quan thanh tra có thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế để đảm bảo công tác thanh tra, kể cả các biện pháp trách nhiệm kỷ luật như tạm đình chỉ công tác và xử lý vi phạm hành chính, nhưng không có quyền sửa đổi, bãi bỏ quyết định của đối tượng bị thanh tra mà chỉ có quyền đình chỉ việc thi hành một loại quyết định hành chính trong những trường hợp đặc biệt, hoặc đình chỉ hành vi hành chính trái pháp luật.

Thanh tra nhà nước là cơ quan trực thuộc hệ thống hành pháp, có nhiệm vụ: (1) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ kế hoạch của nhà nước tại các cơ quan, tổ chức và cá nhân. (2) Xem xét, kiến nghị với cấp có thẩm quyền giải quyết hoặc giải quyết các khiếu nại, tố cáo. (3) Trong phạm vi của mình, chỉ đạo tổ chức và hoạt động thanh tra đối với cơ quan, tổ chức hữu quan. (4) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những vấn đề quản lý nhà nước cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các quy định phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước.

1.2.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới

1.2.2.1 Môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương

Môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội của mỗi địa phương đều có tính đặc thù riêng. Nó có thể mang những điểm thuận lợi cho công tác xây dựng NTM, mặt khác nó cũng tiềm ẩn những khó khăn, hạn chế kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Địa hình vùng đồng bằng hay trung du; điều kiện tự nhiên thuận lợi hay khó khăn cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, du lịch;...xuất

phát điểm của nền kinh tế; trình độ dân trí, mức sống của người dân của mỗi địa phương đều có tác động tích cực hoặc tiêu cực đến công tác xây dựng NTM. Vấn đề đặt ra là phải có cách để phát huy mặt tích cực và kiềm chế mặt tiêu cực của từng yếu tố.

1.2.2.2 Chính sách của chính quyền cấp trên

XDNTM là một chương trình tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng. Chương trình đã được sự quan tâm đông đảo của tất cả các tầng lớp nhân dân, của các cấp chính quyền, nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy định, hướng dẫn về việc thực hiện xây dựng NTM. Song song với đó là việc lồng ghép thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án mà nhà nước đầu tư, hỗ trợ như việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP; chương trình 134, 135, 661,... tập trung cho quy hoạch sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đầu tư hệ thống thủy lợi, cơ sở hạ tầng cho thâm canh... để tăng hiệu quả sản xuất. Có các chính sách ưu tiên đầu tư kinh phí khuyến nông trung ương và địa phương để xây dựng mô hình, tập huấn kỹ thuật; chính sách về hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản... Đặc biệt xuyên suốt là việc Ban chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 05/8/2008 về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn”. Việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG về XD NTM được xem như là chương trình hành động để thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU.

1.2.2.3. Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quần chúng

XDNTM là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, trong đó vai trò của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quần chúng là hết sức quan trọng. Cùng với chính quyền, MTTQ và các đoàn thể nhân dân chính là nơi tập hợp, đoàn kết, động viên các hội viên, đoàn viên và toàn thể nhân dân tích cực tham gia thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước do địa phương phát động, trong đó có chương trình chung sức XDNTM. Nội dung và phương thức hoạt

động của MTTQ và các đoàn thể nếu được đa dạng hóa, thiết thực và mang tính hiệu quả hơn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến XDNTM, qua đó sẽ hỗ trợ được Nhà nước trong Quản lý nhà nước về XD NTM.

1.2.2.4 Khả năng thực hiện, mức độ quan tâm của chính quyền địa phương trong xây dựng nông thôn mới

Chính quyền địa phương là thành phần trực tiếp tổ chức thực hiện xây dựng NTM. Chính vì vậy, trước hết các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương phải là người nhận thức rõ về XDNTM. Đây là một chương trình có tầm quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân địa bàn nông thôn.

Địa phương nào có đội ngũ lãnh đạo và cán bộ được đào tạo cơ bản, có chuyên môn, năng lực công tác là yếu tố thuận lợi cho việc lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân xây dựng NTM.

Các yếu tố về môi trường kinh tế - xã hội, các chính sách của nhà nước về xây dựng NTM, các yếu tố điều kiện tự nhiên của địa phương chỉ là tiền đề cho việc xây dựng NTM, còn xây dựng thành công ít hay nhiều, thấp hay cao lại chính do con người biết vận dụng các điều kiện ấy để thực hiện. Và quan trọng là đội ngũ chính quyền địa phương, người trực tiếp lãnh đạo tổ chức thực hiện Chương trình.

Chủ trương, chính sách, quan điểm của địa phương về xây dựng NTM có thể xem là những bước đi đầu tiên nổi bật cho Chương trình. Có được những chủ trương chính sách như các chính sách đất đai (dồn điền đổi thửa), chính sách về phát triển cây con đặc sản, chính sách về hỗ trợ vay vốn sản xuất... có tác động mang tính tích cực tới nhận thức cũng như hành động của người dân trong xây dựng NTM.

1.2.2.5. Bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới ở cấp tỉnh

XDNTM là một chương trình tổng hợp bao gồm mọi mặt công tác của

Đảng, Nhà nước về NNNDNT. Để thực hiện nội dung đó, Nhà nước phải đóng vai trò chỉ đạo, điều hành quá trình hoạch định và thực thi chính sách, xây dựng đề án, cơ chế, tạo hành lang pháp lý, hỗ trợ vốn, kỹ thuật, nguồn lực, tạo điều kiện và kích thích tinh thần nhân dân thực hiện; nhân dân tự nguyện tham gia, chủ động trong thực thi và hoạch định chính sách trong việc thực hiện các tiêu chí về XDNTM.

XDNTM là một vấn đề phức tạp vì liên quan đến nhiều ngành, nhiều chính sách và hoạt động có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến khu vực nông thôn và đời sống của người dân. Việc triển khai XDNTM mới là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó vai trò chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp đóng vai trò nòng cốt, có tính chất quyết định. Chính vì vậy, nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp, nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực thực tiễn của đội ngũ cán bộ thực thi nhiệm vụ là vấn đề chính được quan tâm, chú trọng.

Các chính sách đối với nông dân phải đảm bảo lợi ích, phát huy dân chủ và mọi tiềm năng của nông dân trong XDNTM. Thực hiện có hiệu quả giữa chính sách kinh tế, chính sách xã hội, an sinh xã hội trong quá trình PT nền kinh tế bền vững. Các địa phương cần lựa chọn các tiêu chí để ưu tiên thực hiện nhằm giải quyết các vấn đề bức xúc về phát triển KT-XH của địa phương, hình thành sớm các tiêu chí có điều kiện thuận lợi để thực hiện.

1.2.2.6. Sự tham gia chủ động, tích cực của người dân nông thôn

Sự tham gia trong xây dựng nông thôn mới của người dân được thể hiện ở dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng. Điều này hoàn toàn phù hợp với quan điểm của Bác Hồ và của đảng ta là “lấy dân làm gốc”. Người dân là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới, họ tham gia từ khâu điều tra khảo sát thực tế, lập quy hoạch, xây dựng kế hoạch thực hiện cho từng năm và của cả quá trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương, họ vừa là người thực hiện đồng thời là người quản lý, giám sát trong suốt quá trình xây dựng nông thôn mới ở

địa phương.

Vì vậy nhà nước cần có các cơ chế, chính sách để tạo điều kiện, động viên, khuyến khích họ thực hiện vai trò của mình trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

Sự tham gia của người dân vào việc xây dựng nông thôn mới được coi như nhân tố quan trọng, quyết định sự thành bại của việc áp dụng phương pháp tiếp cận phát triển dựa vào nội lực và do cộng đồng làm chủ trong thí điểm mô hình. Khi tham gia vào quá trình xây dựng nông thôn mới với sự hỗ trợ của Nhà nước, người dân tại các cộng đồng dân cư nông thôn sẽ từng bước được tăng cường kỹ năng, năng lực về quản lý nhằm tận dụng triệt để các nguồn lực tại chỗ và bên ngoài. Khi xem xét quá trình tham gia của người dân trong các hoạt động trong phát triển nông thôn, vai trò của người dân ở đây được thể hiện: Dân biết, dân bàn, dân đóng góp, dân làm, dân kiểm tra, dân quản lý và dân hưởng lợi. Như vậy, vai trò của người dân vẫn theo một trật tự nhất định, các trật tự ở đây hoàn toàn phù hợp với quan điểm của Đảng và Chính quyền là “lấy dân làm gốc”. Các nội dung đó có thể được hiểu:

Dân biết: là quyền lợi, nghĩa vụ và sự hiểu biết của người nông dân về những kiến thức bản địa có thể đóng góp vào quá trình quy hoạch nông thôn, quá trình khảo sát thiết kế các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Mặt khác, người dân có điều kiện tham gia hiệu quả hơn vào các giai đoạn sau của quá trình xây dựng công trình. Người dân nắm được thông tin đầy đủ về công trình mà họ tham gia như: mục đích xây dựng công trình, quy mô công trình, các yêu cầu đóng góp từ cộng đồng, trách nhiệm và quyền lợi của cộng đồng người dân được hưởng lợi.

Dân bàn: bao gồm sự tham gia ý kiến của người dân liên quan đến kế hoạch phát triển sản xuất, liên quan đến các giải pháp, mọi hoạt động của nông dân trên địa bàn như: bàn luận mở ra một hướng sản xuất mới, đầu tư xây dựng công trình phúc lợi công cộng, các giải pháp thiết kế, phương thức khai thác

công trình, tổ chức quản lý công trình, các mức đóng góp và các định mức chi tiêu từ các nguồn thu, phương thức quản lý tài chính,... trong nội bộ cộng đồng dân cư hưởng lợi.

Dân đóng góp: là một yếu tố không chỉ ở phạm trù vật chất, tiền bạc mà còn ở cả phạm trù nhận thức về quyền sở hữu và trách nhiệm, tăng tính tự giác của từng người dân trong cộng đồng. Hình thức đóng góp có thể bằng tiền, sức lao động, vật tư tại chỗ hoặc đóng góp bằng trí tuệ.

Dân làm: chính là sự tham gia lao động trực tiếp từ người dân vào các hoạt động phát triển nông thôn như: đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các hoạt động của các nhóm khuyến nông, khuyến lâm, nhóm tín dụng tiết kiệm và những công việc liên quan đến tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng công trình. Người dân trực tiếp tham gia vào quá trình cụ thể trong việc lập kế hoạch có sự tham gia cho từng hoạt động thi công, quản lý và duy tu bảo dưỡng, từ những việc tham gia đó đã tạo cơ hội cho người dân có việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

Dân kiểm tra: có nghĩa là thông qua các chương trình, hoạt động có sự giám sát và đánh giá của người dân, để thực hiện các quy chế dân chủ cơ sở của Đảng và Nhà nước nói chung và nâng cao hiệu quả chất lượng công trình. Ở những công trình có nhiều bên tham gia, sự kiểm tra, giám sát của cộng đồng hưởng lợi có tác động tích cực trực tiếp đến chất lượng công trình và tính minh bạch trong việc sử dụng các nguồn lực của Nhà nước và của người dân vào xây dựng, quản lý và vận hành công trình. Việc kiểm tra có thể được tiến hành ở tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư trên các khía cạnh kỹ thuật cũng như tài chính.

Dân quản lý: đó là các thành quả của các hoạt động mà người dân đã tham gia. Các công trình sau khi xây dựng xong cần được quản lý trực tiếp của một tổ chức do nông dân hưởng lợi lập ra để tránh tình trạng không rõ ràng về chủ sở hữu công trình. Việc tổ chức của người dân tham gia duy tu, bảo dưỡng

công trình nhằm nâng cao tuổi thọ và phát huy tối đa hiệu quả trong việc sử dụng công trình.

Dân hưởng lợi: chính là lợi ích mà các hoạt động mang lại, tuy nhiên cần chia ra các nhóm hưởng lợi ích trực tiếp và nhóm hưởng lợi gián tiếp. Nhóm hưởng lợi trực tiếp là nhóm thụ hưởng các lợi ích từ các hoạt động như thu nhập tăng thêm của năng suất cây trồng do thực hiện thâm canh, tăng vụ, áp dụng các giống mới, các kỹ thuật tiên tiến, phòng trừ dịch bệnh và các hoạt động tài chính, tín dụng... Nhóm hưởng lợi gián tiếp là nhóm thụ hưởng thành quả của các hoạt động đó, để hưởng lợi từ mức độ cải thiện môi trường sinh thái, học hỏi nhóm hưởng lợi trực tiếp từ các mô hình nhân rộng, mức độ tham gia vào thị trường để tăng thu nhập.

1.2.2.7. Phong tục tập quán, văn hóa địa phương nơi xây dựng nông thôn mới

Nghệ An có nhiều xã, bản làng ở vùng núi, vùng sâu vùng xa và quan hệ tập quán của các dân tộc, người dân ở mỗi nơi mỗi khác, phương tiện đi lại còn thiếu và yếu, trình độ dân trí không đồng đều và là trở ngại, khó khăn trong quá trình xây dựng NTM. Tư tưởng ỷ lại, hẹp hòi tư lợi ở một số nơi tuy không nhiều nhưng sẽ khó khăn cho việc hoàn thành các tiêu chí theo quy định xây dựng nông thôn mới. Rút kinh nghiệm từ một số làng xã đi đầu trong việc xây dựng đường giao thông liên thôn bằng bê-tông, có thể thấy, đoàn kết vừa là di sản tinh thần vừa là động lực vươn lên, vì lợi ích cộng đồng.

Trong thực tế nông dân Nghệ An đã có nhiều điển hình tốt vì tập thể, vì phúc lợi xã hội đã hiến đất, hiến nhà, tiền của, công sức để làm đường giao thông làng, xã. Tuy nhiên vấn đề có nên loại bỏ những di tích chưa được xếp hạng, bị chôn lán hoặc nằm trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới là vấn đề đặt ra ở một số huyện có nhiều di tích văn hóa. Điều này đòi hỏi phải có sự thảo luận dân chủ trong xây dựng nông thôn mới mà nhận thức của cộng đồng, sự đồng cảm giữa người dân và cán bộ trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng

phong trào ở cơ sở chiếm yếu tố quyết định. Từ đó đưa ra được các cơ chế chính sách, biện pháp, cách làm về việc đưa phong trào xây dựng nông thôn mới phát triển hài hòa giữa hưởng thụ văn hóa với hưởng thụ vật chất ở nông thôn; tìm kiếm giải pháp xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển du lịch cộng đồng, thông qua bảo tồn và phát huy tác dụng di sản trong du lịch Nghệ An.

1.2.2.8 Nguồn lực tài chính xây dựng nông thôn mới

Trong CTMTQG XDNTM giai đoạn 2010-2020 thì vốn và nguồn vốn để thực hiện Chương trình là rất quan trọng. Cụ thể: nguồn vốn ngân sách chiếm khoảng 40%, vốn tín dụng khoảng 30%, vốn từ các doanh nghiệp, HTX và các loại hình kinh tế khác khoảng 20%, huy động đóng góp của cộng đồng dân cư khoảng 10%. Tuy nhiên, thực tế triển khai thực hiện chương trình, ngoài những kết quả tích cực thì cho thấy: Nguồn vốn từ ngân sách TW hỗ trợ còn chưa đảm bảo theo cam kết, nguồn vốn hỗ trợ chuyển về còn chậm đã ảnh hưởng đến kế hoạch và tiến độ triển khai thực hiện; nguồn vốn huy động từ dân cư có xu hướng tăng ở những năm đầu thực hiện nhưng sau đó giảm mạnh; nguồn vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp ở các địa phương và trong cùng địa phương giữa các xã là khác nhau. Cơ chế huy động vốn của các địa phương chưa đủ lực để thu hút sự tham gia của các chủ thể kinh tế, đặc biệt là huy động từ khu vực doanh nghiệp.

Vốn là điều kiện quan trọng để thực hiện tốt CTXDNTM, và quá trình thực hiện sẽ còn rất nhiều thứ phát sinh cần đến vốn. Nếu không chuẩn bị tốt nguồn vốn ngay từ bây giờ sẽ ảnh hưởng đến tiến độ mà Chương trình đã đề ra.

1.2.2.9 Vai trò của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Để xây dựng nông thôn mới rất cần "bàn tay" của doanh nghiệp nhằm tăng giá trị lao động, giá trị sản xuất ở khu vực nông thôn. Theo báo cáo của các huyện và các xã tiêu biểu trong xây dựng nông thôn mới của tỉnh cho thấy, nơi nào thu hút được doanh nghiệp về đầu tư thì nơi đó kinh tế phát triển nhanh, thu nhập của người dân được nâng cao.

Với những địa phương có lợi thế phát triển các khu công nghiệp, đưa doanh nghiệp về đầu tư xây dựng khu công nghiệp, phát triển ngành nghề công nghiệp như may mặc, chế biến, gia công sản xuất... cũng là hướng phát triển vừa giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân nông thôn, vừa góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động; góp phần giải quyết được bài toán thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo giữa thành thị và nông thôn, bài toán "ly nông bất ly hương" của lao động nông thôn.

1.3. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương trong nước và những bài học rút ra cho tỉnh Nghệ An

1.3.1. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương trong nước

1.3.1.1. Kinh nghiệm của tỉnh Hà Tĩnh

Hà Tĩnh nằm ở vùng kinh tế trọng điểm miền Trung Việt Nam, với diện tích đất liền 6.054,85 km² và trên 18.000 km² biển, có đầy đủ vùng miền Đô thị, Đồng bằng, Miền núi, Ven biển v.v... với hơn 1,3 triệu dân cần cù, sáng tạo, chịu thương, chịu khó, phía Bắc giáp với tỉnh Nghệ An, phía Nam với tỉnh Quảng Bình, phía Tây với Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào 143 km và phía Đông có bờ biển đẹp với những dải cát trắng mịn chạy dài 137 km.

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, Hà Tĩnh gặp nhiều khó khăn, điểm xuất phát thấp, số tiêu chí bình quân của các xã mới đạt 4,1 tiêu chí/xã, không có xã đạt trên 10 tiêu chí và có đến 120 xã đạt dưới 5 tiêu chí... Sau 8 năm thực hiện, Chương trình đạt kết quả khá cao và toàn diện, từng bước đi vào chiều sâu, được Trung ương đánh giá là điểm sáng trong xây dựng nông thôn mới.

Thứ nhất: Đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình so với Quyết định 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ

- Bình quân số tiêu chí/xã: đạt 16,5 tiêu chí/xã (đạt 97,63% KH trung

ương giao đến năm 2020).

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 135 xã, chiếm 59,2% tổng số xã (vượt 9,2% so KH trung ương giao đến năm 2020).

- Về huyện đạt chuẩn nông thôn mới: Huyện Nghi Xuân được Trung ương công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2018, TP Hà Tĩnh hoàn thành 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (vượt chỉ tiêu so KH trung ương giao đến năm 2020); huyện Đức Thọ phấn đấu đạt chuẩn vào năm 2019; một số huyện như Can Lộc, Vũ Quang, Lộc Hà, Cẩm Xuyên đang phấn đấu đạt chuẩn trong giai đoạn 2016-2020. Dự kiến đến năm 2020 sẽ có 3-4 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Không còn xã dưới 11 tiêu chí.

Thứ hai: Đánh giá công tác quản lý, điều hành thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của các cơ quan chính quyền tỉnh Hà Tĩnh

Hà Tĩnh sớm thành lập Bộ máy chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình nông thôn mới cấp tỉnh từ năm 2010 với đầy đủ các thành phần trong hệ thống chính trị và từng bước kiện toàn, đảm bảo chuyên trách, chuyên nghiệp, chuyên sâu, phù hợp với yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình và hướng dẫn của Trung ương (Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Thông báo số 322/TB-VPCP ngày 12/10/2016 của Văn phòng Chính phủ; Nghị quyết số 32/2016/QH14 của Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 23/11/2016; Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh: Là cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu giúp UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo nông thôn mới tỉnh quản lý, điều phối và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Văn phòng có 01 Chánh Văn phòng; 01 Phó Chánh Văn phòng; 3 phòng chuyên môn: Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Điều phối, Nghiệp vụ và Phòng Kế hoạch, Giám sát, Truyền thông. Hiện

Sở Nội vụ đang tham mưu UBND tỉnh bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Điều phối NTM tỉnh là "Điều phối, tham mưu, theo dõi, tổng hợp việc thực hiện xây dựng Nông thôn mới và đô thị văn minh trên địa bàn tỉnh".

"Tạo sự thống nhất trong hành động" là khẩu hiệu hành động được chính quyền từ thôn, xã, huyện đến tỉnh Hà Tĩnh quán triệt thường xuyên. Theo đó, chủ trương hành động của chính quyền tỉnh Hà Tĩnh là muốn tạo được sự thống nhất, đồng bộ trong xây dựng nông thôn mới, xây dựng khu dân cư kiểu mẫu, vườn kiểu mẫu thì tỉnh phải thường xuyên, định kỳ xuống họp giao ban với huyện, các cấp còn lại cũng thực hiện phần việc tương đương với cấp dưới để rút kinh nghiệm, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, học tập cách làm hay giữa các địa phương; từ cán bộ lãnh đạo của Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh cho đến các cơ quan chuyên môn phải năng động, chủ động, thường xuyên bám, nắm cơ sở, xuống *"3 cùng: cùng ăn, cùng ở, cùng lao động"* với người dân để kịp thời giải quyết những công việc phát sinh.

Trong quá trình triển khai tổ chức, chỉ đạo thực hiện CTMTQG XDNTM; bắt đầu từ năm 2012, tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành thêm tiêu chí số 20. Đây là bộ tiêu chí riêng của tỉnh Hà Tĩnh, trong đó có 10 tiêu chí về *"Xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu"*, gọi ngắn gọn là *"Khu dân cư kiểu mẫu"*; và 5 tiêu chí về *"Xây dựng vườn nông thôn mới"*, gọi ngắn gọn là *"Vườn kiểu mẫu"*. Việc tỉnh Hà Tĩnh hình thành thêm *"tiêu chí thứ 20"* trong xây dựng nông thôn mới bước đầu đã góp phần nâng cao ý thức, nhận thức của người dân trong phát triển kinh tế vườn, chỉnh trang nhà ở, xây dựng hàng rào xanh, bảo vệ môi trường. Đồng thời làm thay đổi gần như cơ bản bộ mặt nông thôn ở các khu dân cư từ hạ tầng đến cảnh quan môi trường. Bên cạnh việc xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng - xã hội, các giá trị văn hóa truyền thống được khôi phục, phát huy, tình làng nghĩa xóm trong cộng đồng được coi trọng; nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường nâng lên rõ rệt, bước đầu hình thành nét văn hóa cộng đồng nông thôn mới văn minh, hiện đại. Các khu *"Vườn kiểu mẫu"*

đã làm thay đổi tập quán của người dân từ sản xuất truyền thống tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa, kết nối thị trường; khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng đất vườn và tận dụng được lao động nhàn rỗi. Các “*Vườn kiểu mẫu*” được lựa chọn, xây dựng dần trở thành mô hình tiêu biểu, không chỉ góp phần bổ sung, nâng cấp các tiêu chí mà còn tạo ra mô hình mẫu trong phương pháp, cách làm, góp phần nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

1.3.1.2. Kinh nghiệm của tỉnh Thanh Hóa

Thanh Hóa là một tỉnh lớn về cả diện tích và dân số, đứng thứ 5 về diện tích và thứ 3 về dân số trong số các đơn vị hành chính tỉnh trực thuộc nhà nước, cũng là một trong những địa điểm sinh sống đầu tiên của Người Việt cổ; là tỉnh chuyển tiếp giữa miền Bắc và miền Trung Việt Nam trên nhiều phương diện. Về hành chính, Thanh Hóa là tỉnh cực bắc Trung Bộ, tiếp giáp với Tây Bắc Bộ và đồng bằng Bắc Bộ. Về địa chất, miền núi Thanh Hóa là sự nối dài của Tây Bắc Bộ trong khi đồng bằng Thanh Hóa là đồng bằng lớn nhất Trung Bộ, ngoài ra một phần nhỏ (phía bắc huyện Nga Sơn) thuộc đồng bằng châu thổ sông Hồng. Về khí hậu, Thanh Hóa vừa có kiểu khí hậu của miền Bắc lại vừa mang những hình thái khí hậu của miền Trung.

Thanh Hóa bao gồm 2 thành phố trực thuộc tỉnh, 1 thị xã và 24 huyện, với diện tích 11.133,4 km² và số dân 3.712.600 người với 7 dân tộc Kinh, Mường, Thái, H'mông, Dao, Thổ, Khơ-mú, trong đó có khoảng 855.000 người sống ở thành thị. Thanh Hóa có 2,16 triệu người trong độ tuổi lao động, chiếm tỷ lệ 58,8% dân số toàn tỉnh, lao động đã qua đào tạo chiếm 27%, trong đó lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên chiếm 5,4%. Thanh Hóa nằm ở vĩ tuyến 19°18' Bắc đến 20°40' Bắc, kinh tuyến 104°22' Đông đến 106°05' Đông. Phía bắc giáp ba tỉnh: Sơn La, Hòa Bình và Ninh Bình; phía nam và tây nam giáp tỉnh Nghệ An; phía tây giáp tỉnh Hòa Bình, nước Lào với đường biên giới 192 km; phía đông Thanh Hóa mở ra phần giữa của vịnh Bắc Bộ thuộc Biển

Đông với bờ biển dài hơn 102 km. Diện tích tự nhiên của Thanh Hóa là 11.106 km², chia làm 3 vùng: đồng bằng ven biển, trung du, miền núi. Thanh Hóa có thêm lục địa rộng 18.000 km².

Với đặc thù là tỉnh nông nghiệp, Thanh Hóa đã chủ trương thực hiện xây dựng NTM gắn với phát triển nông nghiệp, gắn với xây dựng NTM với xây dựng Thanh Hóa trở thành tỉnh kiểu mẫu. Ngay từ khi triển khai, Thanh Hóa là một trong 9 tỉnh, thành trong cả nước do Bí thư cấp ủy làm Trưởng Ban Chỉ đạo, nhờ đó, đã có sự tập trung chỉ đạo quyết liệt và tạo được sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị. Trong điều kiện là tỉnh rộng, nhiều xã miền núi đặc biệt khó khăn, Thanh Hóa đã ban hành tiêu chí thôn, bản NTM để triển khai thực hiện xây dựng NTM từ thôn, bản đối với những xã khó khăn, chưa có điều kiện thực hiện xây dựng NTM quy mô xã. Đây là cách làm sáng tạo, phù hợp với các địa phương miền núi của tỉnh, được nhân dân đồng tình. Trong điều kiện nguồn ngân sách còn hạn chế, nhưng những năm qua, Thanh Hóa đã ban hành tương đối đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách cho phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM và các chính sách hỗ trợ, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống của người dân nông thôn. Thực hiện chủ trương hỗ trợ xi măng, để lại nguồn thu từ cấp quyền sử dụng đất cho các xã trong xây dựng NTM, nhờ đó đã huy động thêm nhiều nguồn lực cho xây dựng NTM. Đặc biệt, có được những kết quả nêu trên, ngay từ ngày đầu triển khai, Thanh Hóa đã tập trung chỉ đạo thực hiện tốt từ công tác chỉ đạo, điều hành, tuyên truyền, tập huấn, lập quy hoạch đến xây dựng đề án. Với phương châm vừa chỉ đạo vừa thực hiện kiểm điểm, vừa triển khai trên diện rộng, vừa xây dựng xã NTM, vừa thực hiện xây dựng thôn, bản NTM, phân định rõ việc gì hộ gia đình làm, việc gì thôn, bản, xã làm, việc gì nhà nước cần định hướng và hỗ trợ.

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, sự tham gia của toàn xã hội, đáp ứng được nguyện vọng của người dân nông thôn, xã NTM đã được hình thành ở nhiều địa phương trên

địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Nhận thức của phần lớn cán bộ và nhân dân về xây dựng NTM đã có chuyển biến rõ rệt; Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM thực sự đã trở thành phong trào sâu rộng, có sức lan tỏa. Dân chủ cơ sở ngày càng được phát huy, ý thức trách nhiệm, làm chủ của người dân đối với chương trình xây dựng NTM từng bước được nâng cao. Nhờ đó đã có nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả, góp phần huy động được nhiều nguồn lực đóng góp cho xây dựng NTM. Cuộc sống người dân nông thôn được cải thiện rõ nét, số hộ nghèo giảm đáng kể; hạ tầng kinh tế, xã hội nông thôn được tăng cường, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của cư dân nông thôn; nhiều mô hình phát triển sản xuất theo hướng kinh tế hàng hóa, đem lại hiệu quả. Các hoạt động văn hóa - thể thao và học tập trong cộng đồng được khôi phục, duy trì và phát triển, y tế giáo dục tiếp tục được chăm lo, môi trường nông thôn đã từng bước được cải thiện, an ninh trật tự và an toàn xã hội được đảm bảo, bộ mặt nông thôn đã có nhiều khởi sắc.

1.3.2. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất: Cần làm tốt công tác tuyên truyền sâu rộng để nâng cao nhận thức trong cộng đồng dân cư về mục đích yêu cầu, nội dung, phương pháp và tổ chức thực hiện, các cơ chế chính sách của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới. Xây dựng Nông thôn mới phải thật sự do người dân nông thôn làm chủ thể, huy động nội lực là chính, có sự hỗ trợ một phần của Nhà nước, doanh nghiệp mới thành công và bền vững.

Thứ hai: Coi trọng công tác xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt trong các cơ quan chính quyền tỉnh, đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới; thực tế nơi nào có cán bộ tốt, nơi đó có phong trào mạnh.

Thứ ba: Trong quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới việc nâng cao thu nhập cho người dân là tiền đề để thực hiện các tiêu chí khác, nên các cơ quan chính quyền của tỉnh, cần có cách làm chủ động, sáng tạo, phù hợp với điều kiện và đặc điểm của từng địa phương.

Thứ tư: Trong quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới phải đa dạng hóa các nguồn lực, đa dạng hóa cách làm, tận dụng các tiềm năng, lựa chọn các nội dung, mức độ huy động phù hợp với sức dân để xây dựng nông thôn mới theo phương châm "*Huy động nguồn lực từ cộng đồng là quyết định, sự tham gia của doanh nghiệp và xã hội là quan trọng, sự hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước là cần thiết*". Tận dụng các lợi thế về nguồn lực của các địa phương, nhất là nguồn lực con người.

Thứ năm: Cần có sự tập trung chỉ đạo cụ thể, liên tục, đồng bộ và huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị. Thực tế cho thấy ở đâu có phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thì ở đó Chương trình đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả cao.

Thứ sáu: Việc ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn chỉ đạo, cơ chế chính sách thiết thực, kịp thời tạo cho cơ sở chủ động trong quá trình thực hiện; Đối với vốn hỗ trợ từ ngân sách, nên giành phần lớn cho phát triển sản xuất, trong đó chú trọng hỗ trợ lãi suất tiền vay, nhằm đưa vào sản xuất một lượng vốn lớn.

Thứ bảy: Phải lấy tinh thần thi đua, cạnh tranh lành mạnh, kích cầu làm phương châm chủ đạo trong xây dựng nông thôn mới; làm tốt công tác sơ kết, tổng kết, thi đua khen thưởng, nhân rộng mô hình, ghi danh, ghi công kịp thời.

Kết luận Chương 1

Chương 1 hệ thống hóa và làm rõ thêm những vấn đề về xây dựng nông thôn mới và quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới, trong đó phân tích khái niệm quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới và một số khái niệm liên quan, vai trò, nguyên tắc và nội dung quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới. Đây là những vấn đề lý luận làm nền tảng cho việc phân tích thực trạng quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An tại chương 2 tiếp theo.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH NGHỆ AN

2.1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của nông thôn tỉnh Nghệ An

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của nông thôn tỉnh Nghệ An

2.1.1.1. Đặc điểm tự nhiên

a) Vị trí địa lý

Nghệ An nằm ở vị trí trung tâm của vùng Bắc Trung Bộ, có tọa độ địa lý từ 18°35' đến 20° vĩ độ Bắc và từ 103°50' đến 105°40' kinh độ Đông, cách thủ đô Hà Nội 297 km về phía Bắc, cách cố đô Huế 360 km về phía Nam. Diện tích đất tự nhiên là 16.490,7 km², chiếm 5,1% diện tích tự nhiên cả nước; dân số 2.929 nghìn người, chiếm 3,4% dân số cả nước (năm 2010). Về mặt hành chính, tỉnh có 17 huyện, 1 thành phố và 3 thị xã, với 479 xã, phường và thị trấn.

Nghệ An giáp tỉnh Thanh Hóa ở phía Bắc, tỉnh Hà Tĩnh ở phía Nam, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ở phía Tây với 419 km đường biên giới và 82 km bờ biển ở phía Đông. Vị trí này tạo cho Nghệ An có vai trò quan trọng trong mối giao lưu kinh tế - xã hội Bắc - Nam, xây dựng và phát triển kinh tế biển, mở rộng hợp tác quốc tế và trao đổi hàng hóa với các nước ASEAN thông qua các cửa khẩu. Với vị trí như vậy, Nghệ An có diện tích lớn nhất cả nước với đầy đủ các dạng địa hình: núi, trung du, đồng bằng, ven biển, biển thuận lợi phát triển một kinh tế khu vực nông thôn đa dạng.

b) Địa hình

Nghệ An nằm ở Đông Bắc dãy Trường Sơn, địa hình đa dạng, phức tạp và bị chia cắt bởi các hệ thống đồi núi, sông suối, hướng nghiêng từ Tây - Bắc xuống Đông - Nam. Đỉnh núi cao nhất là đỉnh Puxailaileng (2.711m) ở huyện Kỳ Sơn. Thấp nhất là vùng đồng bằng huyện Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Yên

Thành, có nơi chỉ cao 0,2m so với mặt nước biển (xã Quỳnh Thanh, huyện Quỳnh Lưu). Địa hình Nghệ An có 2 dạng chủ yếu: trung du miền núi và đồng bằng ven biển.

Diện tích tự nhiên của vùng trung du miền núi là 13.749,2 km², chiếm 83,4% diện tích đất tự nhiên của tỉnh. Hệ thống núi cao ở phía Tây, và Tây Bắc thuộc hệ thống núi Trường Sơn, có độ cao trung bình 600 - 700m, độ dốc trên 25°. Vùng trung du có độ cao trung bình từ 100 - 200m, độ dốc từ 15 - 20°. Vùng trung du miền núi chia làm 2 tiểu vùng:

- Tiểu vùng Tây Nam nằm ở phía Tây Nam của tỉnh, thuộc địa bàn 5 huyện: Kỳ Sơn, Con Cuông, Tương Dương, Thanh Chương và Anh Sơn. Đây là vùng có địa hình phức tạp, chủ yếu là núi trung bình và cao, tập trung dọc biên giới Việt - Lào, thuộc huyện Kỳ Sơn và Tương Dương, một số đỉnh cao trên 2000 m (Puxailaileng 2.711m).

- Tiểu vùng Tây Bắc nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh, thuộc địa bàn 5 huyện và 1 thị xã: Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Nghĩa Đàn, Tân Kỳ và thị xã Thái Hòa. So với tiểu vùng Tây Nam, địa hình ít phức tạp hơn, phần lớn là đồi và núi thấp, với độ cao trung bình từ 500 - 1.000 m.

Vùng trung du miền núi thích hợp để phát triển ngành lâm nghiệp và hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su, chè, hồ tiêu... cũng như các loại cây công nghiệp ngắn ngày như đậu, lạc, thuốc lá... Với địa hình rộng lớn có khả năng hình thành các trang trại, vùng chuyên canh quy mô lớn.

Vùng đồng bằng ven biển của Nghệ An có diện tích tự nhiên là 2.741,5 km², chiếm 16,6% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, gồm 7 huyện, 2 thị xã và 1 thành phố: Nam Đàn, Yên Thành, Đô Lương, Hưng Nguyên, Quỳnh Lưu, Nghi Lộc, Diễn Châu, thị xã Cửa Lò, thị xã Hoàng Mai và thành phố Vinh. Địa hình của vùng khá đồng nhất, chủ yếu là đồng bằng, độ cao trung bình từ 5 - 20m, xen kẽ một số ngọn đồi thấp nằm rải rác ở huyện Đô Lương, Nam Đàn, Hưng Nguyên.

Đất trong vùng chủ yếu là đất phù sa, đất pha cát, chạy theo dọc bờ biển có các vùng sinh lầy, vùng đất cát, các bãi sù vẹt, bãi bồi. Địa hình vùng đồng bằng thuận lợi để phát triển các loại hình trang trại, vùng chuyên canh cây công nghiệp ngắn ngày, vùng tập trung nuôi trồng thủy sản.

Tuy nhiên, địa hình cũng là một trở ngại lớn cho việc phát triển mạng lưới giao thông đường bộ, đặc biệt là các tuyến giao thông vùng trung du và miền núi, gây khó khăn cho phát triển lâm nghiệp và bảo vệ đất đai khỏi bị xói mòn, gây lũ lụt cho nhiều vùng trong tỉnh. Các dòng sông hẹp và dốc, nhiều nhà máy thủy điện gây khó khăn cho phát triển vận tải đường sông và hạn chế khả năng điều hoà nguồn nước mặn trong các mùa phục vụ cho canh tác nông nghiệp.

Với diện tích rộng, địa hình đa dạng, dân cư đông, kết cấu KT - XH phong phú, nhiều tiềm năng về kinh tế và lao động đã tạo cho tỉnh Nghệ An những lợi thế trong quá trình phát triển. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đối mặt với nhiều khó khăn, bất cập như: đầu mối cơ sở quá nhiều, khu vực miền núi cách trở, điều kiện giao lưu, phát triển hạn chế. Trình độ dân trí không đồng đều, nhiều nơi phong tục, tập quán sản xuất và sinh hoạt lạc hậu, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số và vùng đồng bào theo đạo...

Do vậy, trong lãnh đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới cần phải có những chủ trương, giải pháp có tính thống nhất vĩ mô, nhưng đồng thời phải tính đến yếu tố đặc thù của khu vực, vùng, miền cụ thể.

2.1.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Nghệ An là tỉnh có tổng sản phẩm GDP khá lớn, xu hướng GDP tăng lên hàng năm cho thấy tốc độ phát triển của Nghệ An là tương đối tốt. Năm 2018 đã đạt đến 80.971 tỷ đồng, thu ngân sách đạt hơn 13.800 tỷ VNĐ cho thấy những thay đổi khá lớn về kinh tế Nghệ An.

Cơ cấu GDP thay đổi theo hướng phù hợp với xu thế phát triển. Tỷ trọng ngành dịch vụ tăng lên so với ngành nông nghiệp và công nghiệp, cho thấy kinh tế Nghệ An đang có những bước chuyển dịch phù hợp.

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2018 (theo giá so sánh 2010) ước đạt 80.971 tỷ đồng, tăng 8,77% so cùng kỳ. Trong đó, khu vực nông, lâm, thủy sản ước đạt 16.802 tỷ đồng, tăng 5,04%; khu vực công nghiệp - xây dựng ước đạt 24.615 tỷ đồng, tăng 15,04% (riêng công nghiệp 15.359 tỷ đồng, tăng 18,78%); khu vực dịch vụ ước đạt 35.649 tỷ đồng, tăng 6,96%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước đạt 3.906 tỷ đồng, tăng 4,96% cùng kỳ. Tốc độ tăng trưởng năm nay cao hơn tốc độ tăng trưởng của những năm gần đây (tốc độ tăng trưởng bình quân cả nước ước tăng 6,7%). GRDP bình quân đầu người năm 2018 ước đạt 38 triệu đồng/Kế hoạch 35-36 triệu đồng.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực: Tỷ trọng khu vực nông, lâm, ngư nghiệp giảm từ 21,79% năm 2017 xuống còn 20,5% năm 2018; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng từ 31,39% lên 34,25%; khu vực dịch vụ tiếp tục tăng trưởng và đạt tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế (45,25%).

Thu ngân sách 10 tháng thực hiện 10.903,6 tỷ đồng, đạt 85,9% dự toán, tăng 14,5% cùng kỳ; trong đó: Thu nội địa thực hiện 9.529 tỷ đồng, đạt 83,4% dự toán, tăng 12,7% cùng kỳ (riêng Thu tiền sử dụng đất 2.331,45 tỷ đồng, bằng 116,6% dự toán, tăng 43% cùng kỳ); Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu thực hiện 1.374,6 tỷ đồng, đạt 109,1% dự toán, tăng 28,2% so với cùng kỳ. Ước thu ngân sách cả năm 2018 đạt khoảng 13.141,6 tỷ đồng, đạt 103,6% dự toán.

Chi ngân sách 10 tháng thực hiện 19.074,013 tỷ đồng, đạt 80,2% dự toán, trong đó, chi đầu tư phát triển 5.131,44 tỷ đồng, đạt 87,5% dự toán, chi thường xuyên 13.672,57 tỷ đồng, đạt 78% dự toán, chi dự phòng 270 tỷ đồng, đạt 69,3% dự toán, chi trả nợ gốc 242,377 tỷ đồng, đạt 57,6% dự toán. Ước cả năm 2018 chi ngân sách đạt 24.764,63 tỷ đồng, đạt 104,1% dự toán.

Tuy nhiên, với đặc điểm của một tỉnh đi lên từ nền kinh tế thuần nông, ít giao thương, công nghiệp, thương mại chậm phát triển, nên trong cách nghĩ, cách làm còn không ít hạn chế. Đó là tư tưởng bảo thủ, cục bộ, khép kín, ngại đổi mới; cách làm nguyên tắc, máy móc, chủ nghĩa kinh nghiệm hoặc xu hướng

nóng vội, chủ quan, duy ý chí. Vẫn còn một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm tư cách, không hoàn thành nhiệm vụ; còn biểu hiện *"tư duy nhiệm kỳ"*, *"bệnh thành tích"*, không chịu trách nhiệm với những việc mình làm; tư tưởng tự thoả mãn, cảm chùng, níu kéo, cục bộ địa phương. Vẫn còn một số cán bộ, đảng viên có tư tưởng *"chọn việc"*, *"chọn chỗ"* thuận lợi; né tránh, đùn đẩy những nhiệm vụ, địa bàn khó khăn, phức tạp cho người khác.

Theo số liệu được Ban Dân vận Tỉnh ủy Nghệ An cung cấp thì hiện nay Tỉnh Nghệ An có 11 huyện, thị xã khu vực miền núi và 7 huyện, thị xã có xã miền núi, với 252 xã, thị trấn miền núi; có 107 xã và 1.188 thôn, bản đặc biệt khó khăn; 27 xã tiếp giáp với nước bạn Lào với chiều dài 419 km đường biên. Dân số miền núi có 1.221.418 người, riêng đồng bào các dân tộc thiểu số có 466.577 người, chiếm 15,36% dân số toàn tỉnh và chiếm 38,2% dân số trên địa bàn miền núi, gồm 5 dân tộc có đông người sinh sống (*Thái; Thổ; Khơ Mú; Mông; Ođú*).

Tuy nhiên, trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Tình hình đời sống sinh hoạt của nhân dân còn nhiều khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa và các khu tái định cư của thủy điện Bản Vẽ, thủy điện Hòa Na, tỷ lệ đói nghèo còn cao, thu nhập bình quân đầu người thấp. Một bộ phận không nhỏ lao động dân tộc thiểu số thiếu việc làm ổn định, một số khác còn tâm lý trông chờ ỷ lại vào chính sách ưu đãi của Nhà nước, không biết tự mình vươn lên để làm giàu chính đáng, số khác do ốm đau bệnh tật, thiếu kiến thức, không biết việc, ngại khó, ngại khổ... Tình trạng thiếu đất ở, thiếu đất sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu nước sản xuất chậm được khắc phục.

2.1.2. Bộ máy quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An

Cấp tỉnh: Thực hiện quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng NTM giai đoạn

2016 - 2020 và Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp; UBND tỉnh đã kiện toàn lại Ban chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới do đ/c Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiêm Chánh Văn phòng và thành lập Ban Tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM do đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban. Hầu hết các sở, ban ngành và tổ chức chính trị - xã hội đã cử lãnh đạo, công chức tham gia làm thành viên của Ban chỉ đạo và Văn phòng Điều phối để chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ do Trưởng ban và Chánh Văn phòng Điều phối phân công.

Trong đó HĐND thực hiện chức năng quyết định những vấn đề quan trọng trong xây dựng nông thôn mới ở địa phương như lập đề án quy hoạch và trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt của cấp có thẩm quyền HĐND các cấp quyết định kế hoạch tổ chức thực hiện hàng năm và cho từng nhiệm kỳ cụ thể, bao gồm các nhiệm vụ cụ thể, mức huy động sức dân, các doanh nghiệp cùng với việc sử dụng nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho hiệu quả. Kèm theo đó HĐND thực hiện chức năng giám sát việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương. Trong xây dựng nông thôn mới triển khai thực hiện rất nhiều nhiệm vụ trên cùng một thời điểm, một địa bàn từ công tác tuyên truyền, vận động, huy động sức dân, khảo sát thực tế, lập quy hoạch, kế hoạch, triển khai thực hiện các chương trình dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển KT - XH... vì vậy rất cần sự giám sát của nhân dân và của Hội đồng nhân dân các cấp.

Đối với UBND thực hiện chức năng quản lý, tổ chức chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp; ban hành các cơ chế chính sách để cụ thể hóa cơ chế chính sách của cấp trên vào điều kiện cụ thể của địa phương mình nhằm thực hiện tốt

chủ trương, chính sách của cấp trên; kiểm tra, đánh giá, sơ tổng kết quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

2.2. Thực trạng xây dựng nông thôn mới và quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An giai đoạn 2010 - 2019

2.2.1. Thực trạng xây dựng nông thôn mới ở Nghệ An

2.2.1.1 Kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình

a) Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

- *Xây dựng đường giao thông nông thôn*: Từ năm 2010 đến nay toàn tỉnh đã xây dựng, nâng cấp được 10.160,4 km đường giao thông nông thôn các loại, với tổng kinh phí 13.071,19 tỷ đồng.

Xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế hỗ trợ xi măng: UBND tỉnh đã giao chỉ tiêu hỗ trợ xi măng làm đường GTNT thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới với tổng số xi măng đã cấp từ khi thực hiện chương trình đến nay là 668.376 tấn, đến nay đã làm 651.561/668.376 tấn tương đương 3.623 km/3.719 km kế hoạch (đạt 97,4% kế hoạch); Tỉnh đã chi ngân sách thực hiện chính sách hỗ trợ xi măng đến nay là 893.761 tỷ đồng (cả chi phí vận chuyển) trong đó đã thanh toán 791,376 tỷ đồng; dư nợ 102,385 tỷ đồng. Đến nay cả tỉnh đã có 285/431 xã đạt tiêu chí số 2 giao thông, đạt 66,13%.

- *Thủy lợi*: Từ năm 2010 đến nay các địa phương đã xây dựng, nâng cấp được 3.272 km kênh mương các loại, cải tạo nâng cấp hàng trăm công trình thủy lợi như bờ bao, cống, trạm bơm phục vụ tưới tiêu, với tổng số tiền là 3.544,197 tỷ đồng. Đến nay có 383/431 xã đạt tiêu chí số 3 Thủy lợi chiếm 88,7%.

- *Điện*: Giai đoạn 2011-2015, đã xây dựng, nâng cấp được 3.602,2 km hệ thống đường điện các loại; Giai đoạn 2016 - 2018, toàn tỉnh đã xây dựng, nâng cấp thêm được 1.553,5 km hệ thống đường điện các loại. Lũy kế từ khi thực hiện chương trình đến nay, đã xây dựng, nâng cấp được 5.155,7 km đường điện các loại với tổng kinh phí là 2.859,68 tỷ đồng và có 385/431 xã đạt tiêu chí số 4

Điện, đạt 89,3%).

- *Trường học*: Bằng vốn dân góp và lồng ghép các Chương trình đã xây dựng mới thêm 289 trường, đến nay toàn tỉnh có 1104/1.519 trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia với tổng kinh phí là 3.382,368 triệu đồng, trong đó: Trường mầm non 355/500 trường; tiểu học 468/540 trường; trung học cơ sở 235/409 trường; phổ thông trung học 46/70 trường, có 347/431 xã đạt tiêu chí số 5 Trường học, đạt 80,5%.

- *Nhà văn hóa*: Toàn tỉnh đã xây dựng được 681 nhà văn hóa đạt chuẩn, với tổng kinh phí là 2.179,34 tỷ đồng (gồm 120 nhà văn hoá xã, 561 nhà văn hoá thôn), đến nay đã có 300/431 xã đạt tiêu chí số 6 Cơ sở vật chất văn hoá, đạt 69,6%.

- *Cơ sở hạ tầng thương mại*: Xây dựng, nâng cấp được 78 chợ nông thôn, với tổng kinh phí là 5.012,124 tỷ đồng và đến nay có 372/431 xã đạt tiêu chí số 7 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, đạt 86,3%.

Bảng 2.1. Tổng hợp kết quả thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2019

TT	Mục tiêu	ĐVT	Kết quả đến 31/12/2015	Kết quả đến 31/12/2018	Kết quả đến 30/9/2019
1	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã	%	11,7	15,37	15,96
2	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã nghèo, đặc biệt khó khăn	%	11,40	12,95	13,03
3	Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã	Xã			
	Số xã đạt 19 tiêu chí đã có QĐ công nhận		109	218	225
	Số xã đạt 19 tiêu chí				259
	Số xã đạt 18 tiêu chí		4	6	6

	Số xã đạt 17 tiêu chí		11	7	7
	Số xã đạt 16 tiêu chí		13	21	12
	Số xã đạt 15 tiêu chí		27	29	16
	Số xã đạt 14 tiêu chí		25	20	17
	Số xã đạt 13 tiêu chí		14	16	14
	Số xã đạt 12 tiêu chí		26	16	14
	Số xã đạt 11 tiêu chí		16	16	11
	Số xã đạt 10 tiêu chí		34	15	15
	Số xã đạt 09 tiêu chí		22	11	11
	Số xã đạt 08 tiêu chí		28	13	19
	Số xã đạt 07 tiêu chí		32	25	14
	Số xã đạt 06 tiêu chí		30	11	9
	Số xã đạt 05 tiêu chí		13	7	7
	Số xã đạt 04 tiêu chí		10		
	Số xã đạt 03 tiêu chí		17		
	Số xã đạt 02 tiêu chí				
	Số xã đạt 01 tiêu chí				
4	Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí	Xã			Tổng cộng:
	Số xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch		431	431	431
	Số xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông		135	260	285
	Số xã đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi		200	363	383
	Số xã đạt tiêu chí số 4 về Điện		329	385	385
	Số xã đạt tiêu chí số 5 về Trường học		224	323	347
	Số xã đạt tiêu chí số 6 về CSVCVH		151	266	300
	Số xã đạt tiêu chí số 7 về Hạ tầng thương mại nông thôn		218	341	372
	Số xã đạt tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông		402	398	396
	Số xã đạt tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư		304	333	338

	Số xã đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập		299	326	332
	Số xã đạt tiêu chí số 11 về Hộ nghèo		194	303	318
	Số xã đạt tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm		316	390	395
	Số xã đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất		298	353	356
	Số xã đạt tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo		311	389	414
	Số xã đạt tiêu chí số 15 về Y tế		314	388	396
	Số xã đạt tiêu chí số 16 về Văn hoá		187	302	322
	Số xã đạt tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm		200	299	314
	Số xã đạt tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật		357	353	371
	Số xã đạt tiêu chí số 19 Quốc phòng và An ninh		418	423	424
5	Một số chỉ tiêu cơ bản				
	Thu nhập bình quân khu vực nông thôn/người/năm	Triệu đồng	19,6	27,5	28,5
	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	10,28	5,54	4,0
	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	81,75	88	90,0
	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia	%	77	81	84,5

(Nguồn: Báo cáo số 283/BC-VPDP ngày 01/7/2019 của Văn phòng Điều phối Chương trình Nông thôn mới tỉnh Nghệ An về kết quả thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 -2019 trên địa bàn tỉnh Nghệ An).

b) Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

Tập trung thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp với trọng tâm là đầu tư phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực và có lợi thế của tỉnh. Trong lĩnh vực trồng trọt, cây lúa vẫn chiếm ưu thế cả về năng suất, chất lượng; sản xuất lúa theo cánh đồng lớn đã có bước phát triển nhất định và đem lại hiệu quả cao cho cả người nông dân và doanh nghiệp đây được xem là mô hình liên kết có hiệu quả, bền vững từ sản xuất đến tiêu thụ, là hạt nhân để nhân rộng. Các vùng chăn nuôi tập trung của tỉnh được hình thành theo hướng trang trại và gia trại đã cơ bản kiểm soát được dịch bệnh.

Tỉnh đã và đang triển khai thực hiện một số mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, như: ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau an toàn...; đồng thời tăng cường hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất, nhiều đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển nông nghiệp đã được triển khai áp dụng và bước đầu đã chọn tạo được một số giống, dòng có năng suất cao, chất lượng tốt, phù hợp với điều kiện địa phương và dự báo biến đổi khí hậu.

Chương trình đã hỗ trợ xây dựng được 1.309 mô hình, trong đó có 763 mô hình đạt hiệu quả cao, có tính nhân rộng (chiếm 58%). Điển hình mô hình sản xuất có ứng dụng công nghệ như: mô hình rau màu tại xã Nam Anh, Nam Xuân, mô hình trồng cây ăn quả sử dụng công nghệ tưới nhỏ giọt tại các xã Nam Lộc, Nam Thanh; mô hình nuôi dê sinh sản tại các xã Nam Hưng, Nam Thái, Nam Nghĩa, Nam Thượng, Nam Lộc, Nam Thanh; Mô hình nuôi gà ác liên kết tại xã Nam Nghĩa;..., đặc biệt đã xây dựng được một số mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản xuất rau, củ, quả trong nhà lưới tại các xã Nam Anh, Nam Phúc, Kim Liên, Hùng Tiến, Nam Cát, Nghi Liên... Mô hình Chuỗi liên kết Chăn nuôi tiêu thụ sản phẩm gà Thanh Chương, Sản xuất rau an toàn trong nhà lưới của huyện Đô Lương, TX Hoàng Mai, thành phố Vinh; sản xuất

rau củ quả theo tiêu chuẩn Vietgap của huyện Nghi Lộc; nuôi lợn đen của huyện Quế Phong, nuôi bò sinh sản của huyện Con Cuông; nuôi gà liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm đạt tiêu chuẩn Vietgap tại huyện Yên Thành. xử lý rác thải tại xã Hạnh Lâm (Thanh Chương), xã Tân Hương (Tân Kỳ); xây dựng vườn chuẩn tại xã Kim Liên (Nam Đàn), xã Trung Sơn (Đô Lương).

Bảng 2.2: Kết quả thực hiện chỉ tiêu Giảm nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Ước thực hiện năm 2019	Kế hoạch 2020
1	Tổng số hộ của toàn tỉnh	Hộ	936.975	937.850	943.570
2	Số hộ nghèo	Hộ	51.949	37.479	29.200
3	Tỷ lệ hộ nghèo	%	5,54	4,00	3,00
4	Số hộ được cứu đói trong năm	Hộ	32.941	42.410	40.290
5	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2,00	1,54	1,00
6	Số hộ cận nghèo	Nghìn hộ	81.669	77.669	74.169
7	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	8,72	8,28	7,86
8	Số hộ thoát nghèo	Nghìn hộ	18.039	14.500	9.500
9	Số hộ tái nghèo	Nghìn hộ	1.188	750	520

(Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 ngày 27/11/2019 của UBND tỉnh Nghệ An).

Năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo là 12,01%, đến nay giảm xuống còn 5,54%, ước cuối năm 2020 giảm còn 3%; Thu nhập khu vực Nông thôn năm 2010 là 12 triệu đồng/người/năm, năm 2015 chỉ đạt 19,6 triệu đồng/người/năm, đến nay đạt khoảng 28,5 triệu đồng/người/năm, ước thực hiện đến cuối năm 2020 đạt 30,5 triệu đồng/người/năm.

Đến nay, đã có 332/431 xã đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập, chiếm 77%; 318/431 xã đạt tiêu chí số 11 Tỷ lệ hộ nghèo, chiếm 73,7%; 395/431 xã đạt tiêu chí số 12 Lao động có việc làm, chiếm 91,65%, 356/431 xã đạt tiêu chí về Tổ chức sản xuất chiếm 82,9%.

c) Phát triển giáo dục ở nông thôn

Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tiếp tục được duy trì tốt. Tỉnh đã

triển khai thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ và Thông tư số 07/2016/TT-BDGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, ứng dụng phần mềm phổ cập giáo dục trực tuyến để cập nhật dữ liệu phổ cập, thiết lập các loại hồ sơ, bảng biểu thống kê số liệu phổ cập giáo dục, xoá mù chữ. Đến nay có 431/431 xã hoàn thành công tác phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và công tác xoá mù chữ: trong đó, Số xã đạt chuẩn xoá mù mức độ 1 là 431/431, đạt tỷ lệ 100%; Số xã đạt chuẩn xoá mù mức độ 2 là 422/431, đạt tỷ lệ 97,9%; 20/20 huyện thành thị (có xã) đạt chuẩn xoá mù chữ. Số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2: 431/431 xã, đạt 100%; Số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3: 400/431 xã, đạt 92,8%; Số huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2: 20/20 huyện, thành phố, thị xã (có xã), đạt 100%; Số huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3: 15/20 huyện, thành phố, thị xã, đạt 75%; Số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1: 431/431 xã, đạt 100%; Số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2: 218/431 xã, đạt 50,58%; Số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3: 168/431 xã, đạt 38,98%; Số huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1: 20/20 huyện, thành phố, thị xã (có xã), đạt 100%; Số huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2: 12/20 huyện, thành phố, thị xã, đạt 60%. Đến nay, có 414/431 xã đạt tiêu chí số 14 Giáo dục và đào tạo, chiếm 96,05%.

d) Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khoẻ người dân nông thôn

Trong những năm qua được sự đầu tư từ nhiều nguồn vốn khác nhau các trạm y tế vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh đã được xây dựng nhà trạm và mua sắm trang thiết bị y tế đồng bộ, đảm bảo diện tích và quy mô nhà trạm. Bên cạnh đó, công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực luôn được ngành Y tế quan tâm đầu tư nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám

chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân và sự phát triển của khoa học kỹ thuật hiện đại. Nguồn nhân lực của trạm cũng được đào tạo nâng cao để phục vụ tốt chuyên môn.

Bảng 2.3: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về phát triển Y tế - Xã hội và Bảo hiểm xã hội

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Ước thực hiện năm 2019	Kế hoạch 2020
1	Số cơ sở y tế:	Cơ sở	517	531	531
	Trong đó				
	+ Bệnh viện công	Cơ sở	49	49	49
	+ Bệnh viện tư	Cơ sở	14	14	14
2	Số giường bệnh/1 vạn dân	Giường	28	34	34,4
3	Số bác sĩ/1 vạn dân	Bác sĩ	7,9	8,2	8,5
4	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ làm việc	%	90	90	90
5	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	89	90	90,6
6	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	<17	17	16,8
7	Số xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	Xã, phường	402	426	450
8	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	%	83,75	88,75	93,75
9	Tỷ lệ số người tham gia BHXH/LLLĐ	%	14,72	15,09	16,09
10	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	87,91	90,13	90,60

(Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 ngày 27/11/2019 của UBND tỉnh Nghệ An).

Hiện nay đối với vùng nông thôn toàn tỉnh có trên 90% trạm y tế có bác sĩ, hầu hết các trạm đều có nữ hộ sinh trung học, y sĩ sản nhi. 100% nhân viên y tế thôn bản đều đã qua đào tạo. Đồng thời, thông qua việc thực hiện xây dựng xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế đã tạo điều kiện tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hệ thống y tế tuyến xã, góp phần nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân, giảm tải cho cơ sở khám chữa bệnh tuyến trên, giảm bớt chi phí cho người bệnh.

Cùng với việc hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân được nâng cao rõ rệt. Công tác phòng chống dịch, bệnh truyền nhiễm được triển khai rộng khắp từ tuyến tỉnh đến xã.

- Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế hàng năm được tăng lên, tính đến nay đã đạt khoảng gần 90%.

- Công tác phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em được tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, cụ thể: củng cố tình hình nhân lực tham gia công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản và phòng chống suy dinh dưỡng; giám sát nâng cao chất lượng quản lý, triển khai các hoạt động tại tuyến cơ sở. Đến nay, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi (cân nặng theo tuổi) ước còn 17%.

Tính đến nay đã có 396/431 trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia, đạt 91,6%.

e) Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn

Trong những năm qua, chính quyền tỉnh đã tiếp tục chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh tổ chức thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với xây dựng Nông thôn mới đã động viên, khơi dậy tinh thần đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, chung sức xây dựng Nông thôn mới trong các tầng lớp nhân dân. Phong trào xây dựng xã văn hóa, thôn, bản văn hóa, gia đình văn hóa ngày càng phát triển sâu rộng. Các hệ thống thiết chế văn hóa ở cơ sở từng bước được xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao quần chúng được đẩy mạnh và ngày càng đa dạng. Nhiều hoạt động bảo vệ và phát huy văn hóa truyền thống được đẩy mạnh. Sinh hoạt cộng đồng đã được quan tâm thực hiện và từng bước đi vào nề nếp. Đến nay, có 322/431 xã đạt tiêu chí Văn hóa, chiếm 74,7%.

f) Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề

Công tác bảo vệ môi trường ở các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn được chú trọng. Các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh đều thực hiện tốt việc lập phương án BVMT (bảo vệ môi trường) và ký cam kết BVMT hàng

năm với chính quyền cơ sở. Số cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn nông thôn đạt tiêu chuẩn về môi trường tăng đáng kể; tình trạng xả thải trực tiếp ra môi trường từng bước được hạn chế. Công tác xây dựng và bảo vệ, giữ gìn môi trường nông thôn xanh - sạch - đẹp được các cấp, các ngành tích cực triển khai. Vì vậy việc xây dựng và bảo vệ, giữ gìn môi trường nông thôn xanh - sạch - đẹp là nhiệm vụ chung của mọi người và toàn xã hội.

Bảng 2.4: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về Môi trường

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Ước thực hiện năm 2019	Kế hoạch 2020
1	Tỷ lệ dự án đầu tư ngoài khu kinh tế và các khu công nghiệp được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường	%	31	34	37
2	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh có quy mô xả thải lớn theo quy định đầu tư hệ thống quan trắc môi trường tự động	%	54	70	100
3	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh được thanh, kiểm tra, hướng dẫn về công tác bảo vệ môi trường (thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường)	%	76	89	100
4	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý STNMT đạt quy chuẩn môi trường (thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường)	%	56,6	88	93
5	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được đưa ra khỏi danh mục	%	54,5	71	85
6	Tỷ lệ làng nghề được khuyến khích phát triển đảm bảo môi trường	%	55	78	80
7	Tỷ lệ thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại trong hoạt động sản xuất kinh doanh (số liệu của Sở TNMT)	%	80	90,6	92
8	Tỷ lệ điểm ô nhiễm tồn dư hóa chất bảo vệ thực vật được điều tra, khoanh vùng, lập dự án xử lý	%	30	28	100

(Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 ngày 27/11/2019 của UBND tỉnh Nghệ An).

Tỷ lệ người dân sử dụng nước hợp vệ sinh theo quy chuẩn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định 2570/QĐ-BNN đạt 84,5%; Tỷ lệ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn số 02/QĐ-BYT của bộ Y tế đạt 45%.

Đến nay đã có 314/431 xã đạt tiêu chí số 17 Môi trường và an toàn thực phẩm, đạt 72,85%.

Nông thôn mới đã trở thành hiện thực: Hệ thống hạ tầng nông thôn phát triển mạnh mẽ, làm thay đổi bộ mặt nhiều vùng nông thôn nhất là các vùng khó khăn. Điều kiện sống cả về vật chất lẫn tinh thần của đại bộ phận cư dân nông thôn được nâng cao rõ rệt. Sản xuất nông nghiệp hàng hóa được coi trọng và có chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

2.2.1.2 Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 - 2019

Tổng nguồn vốn huy động giai đoạn 2010-2019 đạt 56.081,586 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ trực tiếp thực hiện Chương trình 6.553,721 tỷ đồng, chiếm 11,69%
- + Vốn ngân sách Trung ương là 2.658,72 tỷ đồng;
- + Vốn ngân sách địa phương là 3.895,001 tỷ đồng;
- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án là 10.599,995 tỷ đồng, chiếm 18,9%;
- Vốn doanh nghiệp là 2.780,667 tỷ đồng, chiếm 4,96%;
- Vốn tín dụng là 26.937,643 tỷ đồng, chiếm 48,03%;
- Vốn nhân dân đóng góp là 9.209,56 tỷ đồng, chiếm 16,42%. Trong đó:
 - + Đóng góp bằng tiền mặt là 6.188,315 tỷ đồng;
 - + Huy động được trên 6.376.697 ngày công lao động;
 - + Nhân dân đã hiến trên 6.858.208 m² đất;
 - + Đóng góp vật tư, vật liệu, máy móc,... được quy đổi bằng tiền được trên 66,364 tỷ đồng

2.2.1.3 Kết quả xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình

Tại thời điểm tháng 9/2016, trên địa bàn tỉnh Nghệ An còn nợ xây dựng cơ bản trong thực hiện chương trình NTM là 751 tỷ đồng; Hiện nay, số nợ đọng trong xây dựng NTM gần 42 tỷ đồng (Tỉnh đang giao UBND các huyện rà soát có báo cáo cụ thể; Riêng nguồn vốn chương trình Trung ương cấp năm 2018 đã ưu tiên trả nợ gần 176,224 tỷ đồng).

2.2.2. Thực trạng quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2010 - 2019

2.2.2.1. Thực trạng xây dựng quy hoạch, kế hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới

Thực hiện Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020; căn cứ kế hoạch phát triển KT - XH của tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 và các giai đoạn tiếp theo, UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2010 - 2020 với mục tiêu tổng quát là xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc và Xứ Nghệ; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao theo định hướng XHCN.

Mục tiêu cụ thể theo từng giai đoạn của Kế hoạch này bao gồm:

- Đến hết năm 2011: Hoàn thành công tác quy hoạch Nông thôn mới theo Quyết định số 193/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;
- Đến năm 2015: 20% số xã, tương đương 90 xã đạt tiêu chuẩn Nông thôn mới theo tiêu chí tại Quyết định 491/QĐ-TTg;
- Đến năm 2020: 50% số xã, tương đương 229 xã đạt tiêu chuẩn Nông thôn mới theo tiêu chí tại Quyết định 491/QĐ-TTg.

Tiêu chí xây dựng nông thôn của Nghệ An: Đối với các xã đồng bằng và miền núi khu vực I áp dụng theo tiêu chí của các xã thuộc khu vực Bắc Trung bộ theo quyết định 491/QĐ-TTg; đối với các xã miền núi khu vực II và III áp dụng theo tiêu chí các xã thuộc khu vực miền núi phía bắc.

Qua thực tế triển khai, việc đòi hỏi hợp nhất 3 loại hình quy hoạch (quy hoạch xây dựng, quy hoạch sản xuất và quy hoạch sử dụng đất) trong 1 đồ án quy hoạch xây dựng xã NTM nhằm đảm bảo tính thống nhất, hiệu quả trong việc lập và quản lý quy hoạch trên địa bàn xã là hết sức cần thiết. Ngày 28/10/2011 Bộ Xây dựng ban hành Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã NTM nhằm đáp ứng yêu cầu này.

Cho đến nay tỉ lệ số xã trên toàn tỉnh được phê duyệt quy hoạch xây dựng xã NTM đã đạt mức 100%. Nhìn chung chất lượng các đồ án quy hoạch xây dựng xã NTM còn chưa tốt, nhưng đã đáp ứng được yêu cầu là cơ sở cho việc xây dựng các Đề án xây dựng NTM xã trong giai đoạn trước mắt. Phục vụ tốt cho công tác xây dựng NTM theo Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020.

2.2.2.2. Thực trạng tổ chức thực hiện cơ chế chung của Nhà nước về quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh

Để triển khai xây dựng nông thôn mới, Thủ tướng Chính phủ cũng như các Bộ, ngành đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, văn bản hướng dẫn thực hiện

các cơ chế, chính sách, nội dung xây dựng nông thôn mới. Các Bộ, ngành Trung ương đã chủ động rà soát và ban hành các quy định, văn bản hướng dẫn chuyên ngành, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế (sửa đổi, hướng dẫn tiêu chí trạm y tế của Bộ Y tế, tiêu chuẩn quốc gia về đường giao thông nông thôn - Bộ Giao thông vận tải; tiêu chí chợ - Bộ Công thương; tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch...).

Để thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước Trung ương, UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành các văn bản về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện XDNTM trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó quy định rõ nhiệm vụ của các cơ quan chính quyền cấp tỉnh.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhiệm vụ:

- Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ và hiệu quả Chương trình khoa học công nghệ, phục vụ xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 theo Quyết định số 27/QĐ-TTg ngày 05/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng Bộ tài liệu chuẩn để sử dụng cho đào tạo bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp; bổ sung, hoàn thiện Sổ tay hướng dẫn xây dựng Nông thôn mới cấp xã.

- Tổ chức thực hiện tốt, có hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã được tỉnh phê duyệt.

- Nghiên cứu, xây dựng và triển khai một số mô hình về bảo vệ môi trường cấp xã, nhất là xử lý rác thải phù hợp với từng vùng để rút kinh nghiệm và nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn các ngành, các địa phương lồng ghép Chương trình xây dựng Nông thôn mới vào kế hoạch hàng năm.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành tăng cường vận động nguồn vốn của các tổ chức tài chính quốc tế để hỗ trợ, đầu tư cho Chương trình xây dựng Nông thôn mới.

Sở Tài chính có nhiệm vụ:

- Trên cơ sở quy định của Trung ương, tham mưu bố trí vốn từ ngân sách địa phương để thực hiện XD NTM, trong đó có tỷ lệ tối thiểu ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) bố trí thực hiện XD NTM phù hợp với điều kiện thực tế.

- Trên cơ sở quy định của Trung ương, nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh ban hành quy định về lập và sử dụng quỹ xây dựng Nông thôn mới ở địa phương.

Nhiệm vụ của Sở Giao thông vận tải là:

- Hướng dẫn, chỉ đạo về mặt kỹ thuật trong làm đường giao thông bằng xi măng theo chính sách của tỉnh. Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện về mặt kỹ thuật, chất lượng công trình giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành để lồng ghép các chương trình, dự án do ngành mình phụ trách để đầu tư, hỗ trợ theo các nội dung, tiêu chí quy định cho các xã đăng ký đạt chuẩn năm hàng năm theo kế hoạch của tỉnh.

Sở Xây dựng có các nhiệm vụ sau:

- Triển khai hướng dẫn của Bộ Xây dựng khi có văn bản Hướng dẫn về tiêu chí nhà ở dân cư của Bộ tiêu chí quốc gia về Nông thôn mới theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Kiểm tra, tháo gỡ những vướng mắc của địa phương trong quá trình thực hiện công tác quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết.

- Hướng dẫn việc rà soát điều chỉnh bổ sung quy hoạch, đảm bảo chất lượng và phù hợp với yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện các nhiệm vụ:

- Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương, chủ trì thiết kế trình ban hành mẫu “*Bảng công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới*” của tỉnh để tổ chức thực hiện.

- Tăng cường công tác phổ biến, truyền thông về văn hóa Nông thôn mới; đẩy mạnh hoạt động thể thao, văn nghệ trên địa bàn thôn, xã; xây dựng mô hình

thôn, bản đạt chuẩn văn hóa nông thôn.

Sở Nội vụ thực hiện một số nhiệm vụ:

- Cụ thể hóa nội dung, tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo công chức xã (Đề án theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ) gắn với bổ sung kiến thức xây dựng nông thôn mới cho cán bộ cơ sở.

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện các thủ tục thi đua khen thưởng; tổng hợp danh sách và đề xuất khen thưởng đối với xã đạt chuẩn Nông thôn mới; nghiên cứu đề xuất hình thức tôn vinh những hộ gia đình, cá nhân, tập thể, doanh nghiệp có đóng góp lớn cho xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn tỉnh để kịp thời khen thưởng vào dịp sơ kết cuối năm.

Nhiệm vụ của Sở Thông tin và Truyền thông là chỉ đạo các Báo, Đài tăng cường thông tin, tuyên truyền về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới.

Trên cơ sở các quy định của cơ quan quản lý Chính phủ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất chính sách phát triển hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn, chính sách hỗ trợ khuyến khích nông dân mua bảo hiểm y tế; bảo hiểm nông nghiệp; chính sách bảo hiểm xã hội đối với nông dân.

Công an tỉnh tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp đấu tranh ngăn chặn tệ nạn xã hội, nâng cao chất lượng an ninh nông thôn, đảm bảo cuộc sống thanh bình, an toàn cho người dân nông thôn, giúp họ yên tâm sản xuất, xây dựng nông thôn mới.

Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Nghệ An có nhiệm vụ đôn đốc các tổ chức tín dụng triển khai thực hiện Quyết định số 1555/QĐ-NHNN ngày 07/8/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc Kế hoạch hành động của Ngành Ngân hàng thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới” nhằm hỗ trợ, đầu tư cho các địa phương theo tinh thần Văn bản số 738/NGA-HCNS ngày 04/9/2012 của Ngân hàng Nhà nước Chi

nhánh tỉnh Nghệ An về việc thông báo danh sách tổ chức tín dụng đăng ký hỗ trợ địa phương xây dựng Nông thôn mới.

2.2.2.3. Thực trạng xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, cơ chế quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh

a) Ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành

Trong giai đoạn 2011 - 2015, một số văn bản chính sách đã được ban hành như:

- Hội đồng nhân dân tỉnh: ban hành Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 về chính sách khuyến khích hỗ trợ trong xây dựng Nông thôn mới tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2015-2020.

- UBND tỉnh: Tháng 8/2010 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 3875/QĐ-UBND-NN về Kế hoạch thực hiện Chương trình; Ngày 15/10/2013 UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 539/UBND-KH về kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TU ngày 24/7/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về Chương trình xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2011-2020; 01 Chỉ thị về việc tăng cường đẩy mạnh xây dựng Nông thôn mới. Đã ban hành 04 Quyết định về cơ chế hỗ trợ xi măng làm đường bê tông giao thông nông thôn; Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 12/01/2015 Ban hành tạm thời Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới kiểu mẫu, ngoài ra đã ban hành 91 Quyết định, 61 văn bản chỉ đạo các loại, ban hành 01 Hướng dẫn và 01 cơ chế chính sách trong xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2015- 2020.

- Các Sở ban ngành: Tùy theo chuyên môn của mình đã ban hành các hướng dẫn chuyên ngành để giúp các địa phương thực hiện chương trình như: Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành 68 văn bản các loại, Ban hành 01 Hướng dẫn số 2536/HD.NN.KHTC hướng dẫn xây dựng kế hoạch 2 năm và 5 năm xây dựng Nông thôn mới; ban hành văn bản số 1115/SNN-KHTC về triển khai chủ

trương xây dựng mô hình phát triển sản xuất và “cánh đồng mẫu lớn” trong xây dựng Nông thôn mới; hàng tháng lên kế hoạch cho Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình để chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện chương trình; Phối hợp tổ chức tổng kết cuộc thi viết về đề tài Nông thôn mới; Sở Tài chính đã ban hành Hướng dẫn số 2308/STC-HX về thanh quyết toán công trình đường giao thông hỗ trợ xi măng; Hướng dẫn số 1563/STC-HX hướng dẫn về việc quyết toán công trình đường giao thông nông thôn theo chính sách hỗ trợ xi măng của tỉnh thực hiện chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới; Sở Xây dựng ban hành Hướng dẫn 1750/HD-SXD về quy hoạch Nông thôn mới; Sở Giao thông Vận tải ban hành Hướng dẫn số 1095/SGTVT/TLTĐ về thiết kế - thi công giao thông nông thôn có lớp mặt là bê tông xi măng; Hướng dẫn số 885/SGTVT/CLTĐ của Sở Giao thông vận tải về việc hướng dẫn phương pháp quản lý, bảo trì đường giao thông nông thôn có lớp bề mặt là bê tông xi măng trên địa bàn tỉnh Nghệ An và ban hành hướng dẫn số 1440/SGTVT-TĐCT hướng dẫn về thiết kế thi công đường giao thông nông thôn có lớp mặt là bê tông xi măng trên địa bàn tỉnh Nghệ An; các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Công thương, Văn hóa Thể thao và Du lịch,... ban hành hướng dẫn thực hiện các tiêu chí thuộc lĩnh vực chuyên ngành phụ trách,...

- Các huyện, thành, thị đã có nghị quyết chuyên đề, kế hoạch xây dựng Nông thôn mới và ban hành nhiều văn bản để triển khai thực hiện Chương trình.

Trong giai đoạn 2016-2019, UBND tỉnh đã ban hành một số văn bản chính sách về xây dựng nông thôn mới.

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 6076/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Xây dựng Nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 về việc ban hành các nội dung, tiêu chí xã đạt chuẩn Nông thôn mới của tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 2337/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản Nông thôn mới áp dụng trên địa bàn

các xã miền núi tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2017-2020 thay thế quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 28/3/2016; Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 về phê duyệt Kế hoạch tuyên truyền thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Nghệ An chung sức xây dựng Nông thôn mới" giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 của UBND tỉnh Ban hành quy chế, quản lý điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Quyết định số 5067/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2018-2020; Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 8/10/2018 về việc quy trình tổ chức thực hiện vườn chuẩn Nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018-2020; Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng Khu dân cư Nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2019-2020.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung các tiêu chí Nông thôn mới có liên quan, bổ sung các văn bản phù hợp với quy định của Trung ương hướng dẫn thực hiện, đánh giá mức độ hoàn thành các tiêu chí và thành phần hồ sơ phục vụ công tác thẩm tra, thẩm định xã đạt chuẩn Nông thôn mới trong năm.

b) Ban hành các chính sách hỗ trợ thực hiện chương trình

Nghệ An đã tập trung triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương đối với các Chương trình MTQG, triển khai thực hiện đồng bộ các cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, đã ban hành và tổ chức thực hiện tốt các chính sách như quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về chính sách khuyến khích hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn

2015-2020; kết quả cụ thể như sau:

+ Chính sách hỗ trợ xi măng: Từ năm 2012 đến hết năm 2018, tỉnh đã hỗ trợ gần 617.826 tấn xi măng giá trị hơn 863,144 tỷ đồng (cả chi phí vận chuyển) để nhân dân làm được gần 3.430 km đường giao thông nông thôn; trong đó, từ năm 2016 đến nay đã hỗ trợ 158.052 tấn, thành tiền 241,88 tỷ đồng tương đương 897 km.

+ Thưởng các xã đạt chuẩn NTM mỗi xã một công trình phúc lợi trị giá 500 triệu đồng; thưởng các huyện, thành phố, thị xã đạt chuẩn NTM với mức: 1,5 tỷ đồng đối với thành phố, thị xã và 02 tỷ đồng đối với các huyện để xây dựng 01 công trình phúc lợi.

c) Cơ chế điều phối, phối hợp và cơ chế phân cấp quản lý, điều hành thực hiện Chương trình.

Công tác điều phối, phối hợp thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An thời gian qua được các ngành, các cấp, cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. Các thành viên Ban Tổ chức thực hiện Chương trình theo nhiệm vụ được phân công đã bám sát vào các nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao; tham mưu kịp thời, có hiệu quả cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Ban chỉ đạo các giải pháp, biện pháp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Đã tổ chức triển khai trên địa bàn; giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình trên địa bàn tỉnh; phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và các ban, ngành trong việc tổ chức thực hiện chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở. Kịp thời ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện chương trình trên địa bàn tỉnh. Cơ quan thường trực Chương trình đã phối hợp với các Sở, ban ngành định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát việc phân bổ và sử dụng nguồn vốn ngân sách trực tiếp hỗ trợ thực hiện chương trình.

Hàng năm, tổng hợp kết quả phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước của

chương trình trên địa bàn tỉnh theo từng nội dung để báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương, UBND tỉnh. Đồng thời phối hợp với các địa phương kiểm tra giám sát việc thực hiện chương trình trên địa bàn, do vậy công tác chỉ đạo, điều hành phối hợp thực hiện chương trình triển khai đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở.

2.2.2.4. Phân tích thực trạng thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và giám sát

Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện XD NTM được các địa phương thực hiện một cách thường xuyên, nhất là giám sát cộng đồng để thực hiện ở tất cả các nội dung, công việc, công trình; Ban Chỉ đạo NTM tỉnh duy trì việc kiểm tra, làm việc tại cơ sở (bình quân ít nhất 01 huyện/1 tháng) và họp giao ban hàng tháng, kịp thời giải quyết vướng mắc, khó khăn; các Đoàn công tác của Tỉnh ủy duy trì, bám sát, chỉ đạo cơ sở; HĐND tỉnh tổ chức các đợt giám sát chuyên đề về nông thôn mới; tỉnh ban hành kế hoạch giám sát thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; Văn phòng Điều phối NTM tỉnh và các sở ngành thường xuyên cử cán bộ trực tiếp xuống cơ sở chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra tiến độ thực hiện Chương trình; Đoàn liên ngành của tỉnh hàng năm kiểm tra, soát xét các xã phấn đấu đạt chuẩn trong năm, xã đã đạt chuẩn, xã có số tiêu chí đạt chuẩn thấp; ngoài ra Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên cũng đã phát huy tốt vai trò giám sát, phản biện trong thực hiện các chính sách. Qua kiểm tra, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở, phát hiện những cách làm sáng tạo, mô hình tốt để nhân rộng; có biện pháp xử lý, chấn chỉnh đảm bảo Chương trình đúng hướng. Việc cập nhập, đánh giá kết quả thực hiện của các địa phương không chỉ được phản ánh qua văn bản, mà còn được cập nhập thông qua phần mềm Bộ Chỉ số (chi tiết kết quả, khối lượng thực hiện trong kỳ, mức độ đạt chuẩn của từng xã), hiện nay Nghệ An đang xây dựng Bản đồ số nông thôn mới.

2.3. Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An

2.3.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

2.3.1.1. Kết quả đạt được theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới

Sau 8 năm thực hiện chương trình số tiêu chí của các xã tăng khá, bình quân từ 3,64 tiêu chí/xã năm 2010, đến 30/7/2018 đã đạt 14,68 tiêu chí/xã tăng 11,04 tiêu chí/xã.

Trong đó, trong giai đoạn 2011 - 2015, số tiêu chí bình quân đã tăng được 8,63 tiêu chí/xã. Giai đoạn 2016 - 2018, số tiêu chí bình quân đã tăng được 2,41 tiêu chí/xã

Đến hết năm 2018, toàn tỉnh đã có 218/431 xã đạt chuẩn nông thôn mới được UBND tỉnh công nhận, chiếm 50,58% (cao hơn bình quân chung cả nước hiện có 4.144 xã đạt chuẩn NTM chiếm 46,48%). Trong 218 xã NTM có 4 xã thuộc huyện nghèo 30a; 2 xã biên giới; có 30 xã có đồng bào dân tộc thiểu số; 83 xã có đồng bào giáo dân. Có 72 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 16,7%; 93 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 21,6%; 85 xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 19,7%; Không còn xã dưới 5 tiêu chí.

Có 03 đơn vị cấp huyện gồm Thị xã Thái Hoà, thành phố Vinh, huyện Nam Đàn đạt chuẩn nông thôn mới.

Trong đó, giai đoạn 2011-2015 có 109 xã đạt chuẩn nông thôn mới và 01 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Giai đoạn 2016 - 2018 có thêm có 109 xã đạt chuẩn nông thôn mới và 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- *Xây dựng xã Nông thôn mới kiểu mẫu*: Nghệ An đã ban hành tạm thời bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu, với chỉ tiêu, tiêu chí cao hơn bộ tiêu chí của Trung ương để chỉ đạo các xã đã đạt chuẩn phấn đấu nâng cao các tiêu chí, xây dựng thành xã Nông thôn mới kiểu mẫu. Hiện nay, đang thí điểm xây

dựng 3 xã nông thôn mới kiểu mẫu, gồm: xã Sơn Thành (Yên Thành), xã Kim Liên (Nam Đàn) và xã Quỳnh Đôi (Quỳnh Lưu). Các xã đã rà soát, bổ sung quy hoạch; Xây dựng kế hoạch hoàn thiện, nâng cao chất lượng các nội dung, các tiêu chí cao hơn, mỗi xã có 2 - 3 tiêu chí kiểu mẫu đại diện cho vùng miền, lĩnh vực.

- Xây dựng Nông thôn mới cấp thôn, bản

Qua 03 năm thực hiện chương trình nông thôn mới thôn (bản) trên địa bàn 11 huyện miền núi, đã có 667 thôn (bản) được UBND các huyện công nhận (Trong đó có 570 thôn, bản thuộc các xã miền núi khó khăn đã được công nhận đạt chuẩn NTM; Có 97 thôn bản ở các xã chưa được công nhận đạt chuẩn NTM). Nhìn chung các thôn (bản) đã chủ động sửa chữa và làm mới được nhiều nhà vệ sinh, xây dựng chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, hình thành mới được 35 mô hình phát triển sản xuất, nâng cấp nhà cửa sạch sẽ khang trang, 105 hộ chỉnh trang hàng rào, trồng cây xanh quanh nhà, công tác vệ sinh môi trường được cải thiện, qua tuyên truyền, vận động nhân dân đã ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với cuộc sống nên đã chủ động tham gia vệ sinh nhà cửa, quét dọn đường làng ngõ xóm, khơi thông cống rãnh, thu dọn rác thải sinh hoạt,...

Do vậy, việc ban hành Bộ tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 đã tạo ra điểm nhấn mới trong xây dựng nông thôn mới của tỉnh, người dân đã chủ động trong thực hiện các nội dung, phần việc của mình, không trông chờ, ỷ lại vào nhà nước; tình làng nghĩa xóm được gắn kết nhau hơn trong mỗi cuộc họp thôn (bản) trong mỗi buổi lao động vệ sinh môi trường đường làng, ngõ xóm... từ đó đã góp phần quan trọng trong việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt một cách bền vững. Đặc biệt đã tạo sự lan tỏa từ thôn này sang thôn khác để có sự cạnh tranh để thúc đẩy phát triển.

*** Đánh giá chung**

a) Chương trình đã làm thay đổi nhận thức của đa số cán bộ và người dân,

lôi cuốn họ vào xây dựng nông thôn mới. Từ chỗ số đông còn thụ động còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào đầu tư của nhà nước chuyển sang chủ động, tự tin tham gia tích cực vào xây dựng nông thôn mới. Xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào rộng khắp cả tỉnh.

b) Đã xây dựng và ban hành các chính sách một cách kịp thời, sát đúng với thực tiễn của tỉnh nhà để vận hành chương trình. Nhiều địa phương đã cụ thể hóa các chính sách của tỉnh, của Trung ương, chủ động ban hành cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện của địa phương. Cơ chế trao quyền tự quyết cho cộng đồng thôn (bản) đã phát huy sự năng động, sáng tạo của các địa phương, sự tham gia của người dân tạo nên sức mạnh to lớn của chương trình. Sự hỗ trợ của nhà nước tuy hạn chế nhưng cơ bản đã sử dụng có hiệu quả cao, kết hợp với sự đóng góp của nhân dân.

c) Chuyển sang thực hiện Bộ tiêu chí mới theo Quyết định 1980/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; trong đó có nhiều tiêu chí yêu cầu cao hơn so với bộ tiêu chí cũ nhưng các địa phương đã quan tâm, chỉ đạo quyết liệt đã đạt và vượt kế hoạch đề ra.

d) Tính chủ động, sáng tạo trong phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo và làm giàu ở một số địa phương đã được nâng lên; Trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đã có nhiều bước tiến mới về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng hàng hóa và áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, nhiều mô hình mới, đã và đang được nhân rộng phát huy hiệu quả, giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích không ngừng tăng lên. Kinh tế nông thôn dần chuyển dịch theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Các làng nghề chế biến nông sản được hình thành và mở rộng, tạo thêm việc làm tại chỗ cho người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh giảm nghèo bền vững ở nông thôn.

2.3.1.2. Nguyên nhân của những kết quả đã đạt được

a) Các cấp ủy đảng đã kịp thời ban hành các chỉ thị, nghị quyết chuyên đề,

định hướng tổ chức thực hiện việc điều tra khảo sát ban đầu, xây dựng quy hoạch tổng thể và xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm, 3 năm, 5 năm và xuyên suốt quá trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn đồng thời thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát.

b) Hội đồng nhân dân và UBND các cấp đã kịp thời thành lập và đề nghị cấp ủy cùng cấp thành lập ban chỉ đạo, bộ phận giúp việc, ban hành cơ chế chính sách, phê duyệt chương trình, đề án, kế hoạch, bố trí vốn và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ, đúc rút kinh nghiệm.

c) Các tổ chức chính trị xã hội và quần chúng nhân dân đã tích cực tham gia ban chỉ đạo, vận động quần chúng nhân dân thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo chức nhiệm vụ của tổ chức và nhiệm vụ được ban chỉ đạo cùng cấp phân công; đảm nhận chỉ đạo và tổ chức thực hiện một số đề án, nhiệm vụ cụ thể trên địa bàn.

d) Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân đã được tiến hành thường xuyên, liên tục, với nhiều hình thức phong phú, đa dạng như tổ chức hội nghị, hội thảo, phát hành tờ rơi, sổ tay xây dựng nông thôn mới, tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương, sự kết hợp sức mạnh giữa đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân thực hiện.

e) Công tác tham mưu chỉ đạo của cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện đã đi vào nề nếp có tính chuyên môn cao, đã kịp thời thẩm tra xác định được các nhiệm vụ cụ thể của từng địa phương đơn vị, tham mưu công tác phân công chỉ đạo, phân bổ nguồn vốn, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát kịp thời, thông qua đó đã phát hiện được các nhân tố điển hình tiên tiến để nhân diện rộng, kịp thời uốn nắn các sai sót.

f) Các doanh nghiệp trong và ngoài địa bàn tỉnh đã có nhiều đóng góp công sức tiền của giúp đỡ các thôn bản, xã thực hiện chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

g) Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng Nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở đạt chuẩn được quan tâm, nhiều huyện đã thực hiện có hiệu quả công tác tuyển dụng, bố trí sử dụng và luân chuyển, tăng cường cán bộ về xã... Do đó, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đã đủ về số lượng có bước trưởng thành nhanh về chất lượng, năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và kỹ năng vận động quần chúng được nâng lên, hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của chính quyền cấp xã đã được nâng lên rõ rệt. Vai trò hạt nhân trong lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tổ chức cơ sở đảng tiếp tục được giữ vững. Trong quá trình triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới, hầu hết cấp ủy đảng cơ sở đã chủ động lựa chọn những vấn đề bức xúc, nổi cộm để bàn bạc, thảo luận trong cấp ủy và xây dựng thành nghị quyết chuyên đề để lãnh đạo thực hiện có kết quả. Nhờ vậy uy tín của Đảng ngày càng được nâng cao; sự phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị cấp xã trong xây dựng nông thôn mới ngày càng cụ thể và hiệu quả, tạo sự nhất trí, đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị. Đến nay có 348/431 xã đạt tiêu chí số 18 Hệ thống tổ chức chính trị và tiếp cận pháp luật, chiếm 80,7%.

h) Đã hình thành bộ máy chỉ đạo và tham mưu giúp việc đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, hoạt động ngày càng chuyên nghiệp, là nòng cốt tổ chức thực hiện chương trình với hiệu quả cao, chất lượng. Đội ngũ vận hành chương trình, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cơ sở cấp tỉnh, cấp huyện đã có tiến bộ rõ rệt, nhận thức đầy đủ hơn và chỉ đạo chương trình có hiệu quả hơn, nhất là trong việc xây dựng đề án, dự án, vận động quần chúng và tổ chức thực hiện đề án, dự án, thực hiện dân chủ ở nông thôn.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

2.3.2.1. Những hạn chế

- Mặc dù đạt và vượt mục tiêu của Nghị quyết Tỉnh ủy đề ra, là một trong những tỉnh có xã đạt nông thôn mới nhiều nhất cả nước, nhưng còn có sự chênh lệch khá lớn về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới giữa các vùng, miền: Số xã đạt chuẩn nông thôn mới ở 9 huyện đồng bằng là 130/228 xã (57%) thì 11 huyện miền núi chỉ có 51/203 xã (đạt 25%). Trong đó có 2 huyện là Kỳ Sơn và Quế Phong chưa có xã nào đạt chuẩn Nông thôn mới.

- Hầu hết các đồ án quy hoạch xây dựng xã NTM đều được lập theo Thông tư số 09/2010/TT-BXD ngày 04/8/2010 của Bộ Xây dựng quy định việc lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới và có bổ sung một số nội dung về quy hoạch sản xuất, quy hoạch sử dụng đất được quy định trong Thông tư Liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28/10/2011 của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới. Tuy nhiên việc xây dựng quy hoạch thực hiện nông thôn mới của các xã chủ yếu do các cơ quan tư vấn làm là chính, người dân và chính quyền cấp xã chưa thực sự vào cuộc vì vậy chất lượng các đồ án quy hoạch chưa sát thực tế, tính khả thi không cao. Một số bản đồ án chưa thể hiện rõ các yêu cầu quy hoạch xây dựng NTM theo tinh thần Nghị quyết 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và thiếu tính liên kết vùng trong các mặt tổ chức sản xuất hàng hóa lớn, xây dựng hạ tầng khung, xây dựng NTM gắn với phát triển đô thị, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn cấp huyện, tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, tiết kiệm trong đầu tư cơ sở hạ tầng và nâng cao điều kiện sống người dân nông thôn gắn với điều kiện sống người dân đô thị. Nhìn chung các đồ án quy hoạch xây dựng xã NTM mới đáp ứng được yêu cầu trước mắt, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển lâu dài trên địa bàn xã.

- Một số xã chưa được định hướng lộ trình phát triển cụ thể, chủ yếu đang tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là giao thông nông thôn, nhưng một số nội dung như phát triển sản xuất, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân, bảo vệ môi trường chưa được quan tâm đúng mức.

- Chính quyền tỉnh mới chỉ tập trung chỉ đạo các địa phương chú trọng thực hiện các nội dung tiêu chí về nông thôn mới do cấp xã đảm nhận, chưa thực sự quan tâm đầy đủ việc thực hiện các nội dung ở cấp thôn, bản và hộ gia đình.

- Nguồn lực để đầu tư xây dựng nông thôn mới cho các xã chưa đáp ứng với nhu cầu, chủ yếu phụ thuộc vào nguồn vốn ngân sách do chính quyền cấp tỉnh quyết định. Kết quả huy động các nguồn lực khác cho xây dựng nông thôn của chính quyền tỉnh mới còn rất hạn chế. Công tác lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cũng còn gặp nhiều khó khăn. Vận động doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn còn ít.

- Công tác chỉ đạo một số địa phương chưa sát sao, tạo sự thiếu chủ động trong việc chuẩn bị hồ sơ thủ tục đối với các công trình xây dựng cơ bản; chậm bàn giao mặt bằng cho các đơn vị thi công, công tác chuẩn bị hồ sơ thủ tục đầu tư theo quy định Luật đầu tư công địa phương còn lúng túng nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai, tỷ lệ giải ngân vốn trong năm của các công trình còn thấp.

- Phong trào thi đua trong nhân dân, giữa các thôn, bản, các xã và các địa phương ở một số nơi chưa trở thành động lực thúc đẩy. Một số địa phương còn thiếu quyết tâm chính trị trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới.

- Một số địa phương còn nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới làm ảnh hưởng đến tính bền vững của chương trình.

2.3.2.2. Nguyên nhân

- Một số cấp ủy đảng còn lúng túng trong việc lãnh đạo xây dựng nông thôn mới, việc ban hành các chỉ thị, nghị quyết lãnh đạo việc xây dựng nông

thôn mới chưa sát với thực tế của địa phương, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết chưa quyết liệt, công tác kiểm tra giám sát chưa kịp thời.

- Hội đồng nhân dân và UBND ở một số nơi nhất là cấp xã còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, xem việc xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ của cấp trên, của các doanh nghiệp; phân công nhiệm vụ cho các tổ chức thành viên chưa hợp lý, xác định các nhiệm vụ trọng tâm trong từng thời kỳ chưa rõ; công tác chỉ đạo chưa quyết liệt, có biểu hiện dãn trải, nể nang trong bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ.

- Một số tổ chức đoàn thể chưa xác định rõ trách nhiệm của tổ chức mình trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, lúng túng trong chọn việc làm và cách làm, có tư tưởng trông chờ ỷ lại. Hiệu quả của việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công chưa cao, chưa đoàn kết tập hợp được đông đảo đoàn viên, hội viên tham gia tích cực vào quá trình xây dựng nông thôn mới.

- Vai trò người dân chưa được thể hiện rõ, nhiều người chưa xác định được mình là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới, vì vậy chưa tự giác thực hiện, thậm chí cá biệt có trường hợp làm cản trở việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

- Bên cạnh nhiều doanh nghiệp đi đầu đóng góp sức người sức của vào xây dựng nông thôn mới thì vẫn còn nhiều doanh nghiệp đang đứng ngoài cuộc, hoặc làm cản trở việc xây dựng nông thôn mới thông qua việc nhận thầu, nhận đỡ đầu xây dựng các công trình, dự án nhưng không đảm bảo tiến độ, chất lượng.

Kết luận Chương 2

Chương 2 giới thiệu khái quát về quá trình triển khai và thực hiện quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh Nghệ An về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An, phân tích, đánh giá thực trạng xây dựng nông thôn mới và quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới, xác định

những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An.

Những hạn chế đó cần được khắc phục để có thể hoàn thiện quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An trong thời kỳ tới đây. Những giải pháp khắc phục hạn chế, hoàn thiện quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An sẽ được đề xuất trong Chương 3.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH NGHỆ AN VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2025

3.1. Phương hướng và mục tiêu xây dựng nông thôn mới đến năm 2025

3.1.1. Phương hướng và mục tiêu xây dựng nông thôn mới của cả nước đến năm 2025

3.1.1.1. Phương hướng xây dựng nông thôn mới của cả nước đến năm 2025

Một là, nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp và cả hệ thống chính trị trong xây dựng nông thôn mới, nhất là vai trò của người đứng đầu, phải xem xây dựng nông thôn mới là một cuộc cách mạng, một nhiệm vụ chính trị trọng tâm cần thực hiện kiên trì, kiên nhẫn, thường xuyên và liên tục, phải xác định xây dựng nông thôn mới "*có điểm khởi đầu, nhưng không có điểm kết thúc*". Các ngành, các cấp phải quán triệt quan điểm xây dựng nông thôn mới với 19 tiêu chí chính là thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; vừa là mục tiêu, yêu cầu của phát triển bền vững, vừa là chủ trương có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp cách mạng và mang tính nhân văn sâu sắc của Đảng, Nhà nước.

Hai là, tiếp tục triển khai sâu rộng và thiết thực Phong trào thi đua "*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*" từ Trung ương đến cơ sở với nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp thực tiễn, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai phong trào thi đua giai đoạn 2020 - 2025; chú trọng phát huy sức sáng tạo của các tầng lớp nhân dân; tạo sự đồng thuận của toàn xã hội, gắn phong trào thi đua với tiếp tục đẩy mạnh việc "*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*", cuộc vận động "*Toàn dân đoàn*

kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và các phong trào thi đua khác trên địa bàn cả nước; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trong tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân chung sức xây dựng nông thôn mới thiết thực, hiệu quả hơn, tránh bệnh phô trương, chạy theo thành tích. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới của từng cơ quan, cá nhân là một chỉ tiêu quan trọng trong đánh giá thi đua và khen thưởng hàng năm. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền từ Trung ương đến địa phương về Chương trình xây dựng nông thôn mới, mở thêm các chuyên trang, chuyên mục, thêm thời lượng để phổ biến, phát hiện và biểu dương các mô hình hay, cách làm mới, các điển hình tiên tiến.

Ba là, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương tập trung rà soát lại tất cả các cơ chế, chính sách để thực hiện Chương trình hiệu quả; có cơ chế, chính sách thích hợp và đủ mạnh để thực sự khuyến khích việc ứng dụng khoa học - công nghệ, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn phát triển sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; chú trọng công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp thu hút nhiều lao động nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động và kinh tế nông thôn; đẩy mạnh hỗ trợ xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản, ấp ở vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng bãi ngang ven biển theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Bốn là, tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn, nhất là việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng và đảm bảo vệ sinh an toàn sản phẩm đồng thời thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung hỗ trợ hình thành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững với quy mô sản xuất hàng hoá lớn đối với các nhóm sản phẩm chủ lực (cấp xã - huyện, cấp tỉnh và cấp quốc gia); đẩy mạnh chuyển đổi sang mô hình hợp tác xã kiểu mới theo Luật Hợp tác xã năm 2012; triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình

OCOP), nhằm tạo ra các sản phẩm chủ lực ở mỗi làng, xã có sự hỗ trợ của Nhà nước trong đánh giá, xếp hạng sản phẩm, gắn “sao” cho các sản phẩm để hỗ trợ tiêu thụ hiệu quả hơn, nhưng phải đặc biệt chú trọng tạo dựng được “sao” trong lòng dân, tạo được niềm tin của người dân đối với chất lượng các sản phẩm.

Năm là, các địa phương cần quan tâm chỉ đạo thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và quá trình đô thị hóa một cách hợp lý, phù hợp với tình hình thực tiễn từng vùng, miền, thích ứng với biến đổi khí hậu; khắc phục triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường đang có chiều hướng gia tăng, ảnh hưởng nguy hại đến đời sống của người dân nông thôn, đặc biệt là việc xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, vấn đề cung cấp nước sạch cho người dân nông thôn, nhất là ở các vùng chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu...

Sáu là, đối với việc thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới, từng địa phương phải xác định rõ tiêu chí bức xúc, trọng tâm để tập trung chỉ đạo, trong đó chú trọng các tiêu chí về đời sống người dân, an ninh, an toàn xã hội, văn hoá, môi trường và sự vững mạnh của hệ thống chính trị. Thực hiện nghiêm túc việc xem xét, công nhận xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới, đảm bảo thực chất, khách quan, nhất là về tiêu chí môi trường để tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua. Đối với các xã, huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới, cần tập trung rà soát, xây dựng tiêu chí nông thôn mới ở mức cao hơn, nâng cao chất lượng các tiêu chí để tiếp tục xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 691/QĐ-TTg. Riêng đối với cấp thôn, các tỉnh, thành phố chủ động ban hành tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu và tổ chức triển khai, đánh giá, công nhận, tạo nền tảng cho việc xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

Bảy là, tiếp tục tăng cường và đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để thực hiện Chương trình. Trong quá trình triển khai, ngoài nguồn vốn ngân sách

Trung ương đã cam kết, Chính phủ sẽ tập trung tìm nguồn lực khác, kể cả nguồn vốn vay từ các tổ chức tài chính quốc tế để bổ sung thêm; các địa phương chủ động lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn và các chương trình phát triển bền vững của Liên hợp quốc; huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp; tăng cường các hình thức hợp tác công tư và xã hội hóa để thu hút đầu tư vào bảo vệ và xử lý môi trường, giao thông nông thôn, hạ tầng thương mại, cung cấp nước sạch, dịch vụ văn hóa - thể thao, dịch vụ y tế; có giải pháp khắc phục, hạn chế vấn đề nợ đọng xây dựng cơ bản sai quy định trên địa bàn nông thôn, công khai các khoản đóng góp của dân theo nguyên tắc tự nguyện và do hội đồng nhân dân xã thông qua, không được huy động quá sức dân.

Tóm lại, chú trọng kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia ở các cấp địa phương, trong đó Trưởng Ban Chỉ đạo là Bí thư cấp ủy hoặc Chủ tịch UBND cùng cấp. Kiện toàn và nâng cao năng lực bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, triển khai thực hiện Chương trình OCOP theo hướng chuyên trách, chuyên nghiệp. Bố trí đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách về xây dựng nông thôn mới phải giỏi về chuyên môn, có tâm huyết để đáp ứng yêu cầu công việc, nhưng đảm bảo nguyên tắc không làm tăng phát sinh biên chế của từng cấp, từng ngành.

Chín là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới; tiếp tục phát huy vai trò phản biện, giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư đối với xây dựng nông thôn mới. Định kỳ, MTTQ các cấp tổ chức điều tra, đánh giá sự hài lòng của người dân đối với tiến độ và kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

3.1.1.2. Mục tiêu xây dựng nông thôn mới của cả nước đến năm 2025

(1) Cấp tỉnh: cả nước có ít nhất 15 tỉnh được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (*Miền núi phía Bắc: 01 tỉnh, Đồng*

bằng sông Hồng: 08 tỉnh, Bắc Trung Bộ: 01 tỉnh, Nam Trung Bộ: 01 tỉnh, Tây Nguyên: 01 tỉnh; Đông Nam Bộ: 04 tỉnh, Đồng bằng sông Cửu Long: 04 tỉnh);

(2) Cấp huyện: cả nước có 40% huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (*Miền núi phía Bắc: 20%, Đồng bằng sông Hồng: 80%, Bắc Trung Bộ: 30%, Nam Trung Bộ: 30%, Tây Nguyên: 20%; Đông Nam Bộ: 70%, Đồng bằng sông Cửu Long: 35%*), mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM; trong đó, có ít nhất 10% số huyện đạt chuẩn được công nhận là huyện NTM nâng cao và kiểu mẫu;

(3) Cấp xã: 80% số xã đạt chuẩn NTM (*Miền núi phía Bắc: 60%, Đồng bằng sông Hồng: 99%, Bắc Trung Bộ: 87%, Nam Trung Bộ: 80%, Tây Nguyên: 68%; Đông Nam Bộ: 95%, Đồng bằng sông Cửu Long: 80%*), trong đó có ít nhất 30% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; không còn xã dưới 10 tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2021-2025;

(4) Cấp thôn: 80% số thôn, bản, ấp thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được công nhận đạt chuẩn NTM theo các tiêu chí NTM áp dụng đối với cấp thôn theo quy định;

(5) Các công trình hạ tầng thiết yếu (giao thông, điện, nước, trường học, trạm y tế) đảm bảo đồng bộ, liên thông và thích ứng với biến đổi khí hậu.

(6) Chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn được nâng cao, thu nhập bình quân của người dân nông thôn trong vùng đến năm 2025 tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2020.

Trong xây dựng Nông thôn mới, sau năm 2020 phải đặc biệt chú trọng phát huy vai trò của chính quyền cấp huyện, nhất là trong chuyển đổi cơ cấu sản xuất, xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, kết nối với nông thôn và đô thị, các chuỗi liên kết sản xuất hỗ trợ nông dân, công tác bảo vệ môi trường (nhất là xử lý chất thải rắn, nước thải,...). Tập trung thực hiện

hiệu quả các nội dung của Chương trình:

Thứ nhất: Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó:

- Tập trung đẩy nhanh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ và an toàn sinh học; xây dựng vùng nguyên liệu nông sản tập trung gắn với cấp mã vùng trồng, mã vạch sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn quản lý chất lượng (VietGap, GlobalGap) và truy xuất nguồn gốc đối với tất cả các sản phẩm nông nghiệp;

- Đẩy mạnh hơn nữa việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; chú trọng ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất; xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất; nhân rộng các mô hình kinh tế hiệu quả đang có ở các địa phương.

- Phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, tăng cường khâu bảo quản và chế biến hàng nông sản; hình thành hệ thống trung tâm kết nối, xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm gắn với chuỗi các Chợ đầu mối hoặc trung tâm cung ứng hàng nông sản hiện đại, sàn giao dịch nông sản;

- Tiếp tục phát triển các sản phẩm đặc sản, thế mạnh của địa phương theo Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” gắn với xây dựng thương hiệu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm và xuất khẩu;

- Phát triển và nhân rộng các mô hình du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới (hình thành các tour, tuyến du lịch nông thôn); hình thành các trung tâm phát triển văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch nông thôn;

- Thực hiện chính sách thu hút, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào các địa phương (theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, Nghị định số 116/2018/NĐ-CP, Nghị định số 58/2018/NĐ-CP của Chính phủ...), trong đó, tập trung thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào chế biến nông sản và lĩnh vực phi nông nghiệp, tạo nhiều việc làm cho lao động nông thôn (dệt may, da giày...).

Thứ hai là hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng cơ bản ở nông thôn:

- Nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng nông thôn theo hướng đáp ứng yêu cầu, nâng cao số lượng đáp ứng yêu cầu (cao hơn so với mức đạt chuẩn), đi sâu vào chất lượng và bền vững (nâng cao mức yêu cầu của tiêu chí và các yêu cầu ngoài quy định của tiêu chí).

- Chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển đô thị; kết nối liên xã, huyện; mở rộng và hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng trung tâm cấp huyện, trong đó, chú trọng đầu tư hình thành và phát triển hệ thống cung ứng, kết nối nông sản hiện đại cấp huyện; ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu.

Thứ ba là nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, bài trừ tệ nạn xã hội để nâng cao đời sống tinh thần và an ninh nông thôn. Giữ gìn và phát huy sự đa dạng, phong phú về văn hóa của các dân tộc; chú trọng trùng tu, bảo dưỡng các di tích lịch sử, công trình văn hóa hiện có ở các địa phương, làm cơ sở để nhân rộng các mô hình du lịch trải nghiệm, du lịch khám phá ở các vùng nông thôn.

Thứ tư là tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn (tăng tỷ lệ chất thải rắn, nước thải sinh hoạt, bao gói thuốc BVTV được phân loại, thu gom và xử lý), tái sử dụng chất thải nông nghiệp đảm bảo đúng quy định về vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm, cải tạo cảnh quan môi trường; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm xanh, sạch, đẹp làm tiền đề cho phát triển du lịch nông thôn.

Thứ năm là phát huy vai trò của nhân dân trong giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn. Triển khai các giải pháp mạnh để kiểm chế và xử lý triệt để tội phạm liên quan đến ma túy, truyền đạo trái phép; đẩy nhanh tiến độ triển khai chủ trương đưa lực lượng công an chính quy

về làm công an xã, nhất là ở những khu vực trọng yếu, các điểm nóng, phức tạp; đồng thời, nhân rộng và phát huy hiệu quả các mô hình tự quản đảm bảo giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn.

Đồng thời với việc chú trọng thực hiện một số nội dung của chương trình, chính quyền các cấp cần phải tăng cường thực hiện hiệu quả các giải pháp huy động nguồn lực thực hiện Chương trình như:

- Thực hiện lồng ghép, thống nhất cơ chế đầu tư, hỗ trợ trên cùng địa bàn theo cơ chế của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; có chính sách hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho các đơn vị cấp huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM.

- Huy động tối đa nguồn lực của địa phương (tỉnh, huyện, xã) để tổ chức triển khai Chương trình, trong đó, tiếp tục triển khai cơ chế cho cấp xã giữ lại tiền đầu giá sử dụng đất để đầu tư cho xây dựng nông thôn mới.

- Đề xuất có cơ chế quy định mức tỷ lệ tối thiểu trong ngân sách địa phương (cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) bố trí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Ngoài nguồn vốn từ ngân sách nhà nước các cấp, tiếp tục khuyến khích các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới; vận động nhân dân tự nguyện tham gia đóng góp kinh phí, ngày công lao động, hiến đất,... để tập trung phát triển hệ thống hạ tầng cơ bản (giao thông, thủy lợi, nước sạch, môi trường, công trình văn hóa,...) ở nông thôn.

Tiếp tục giữ vững và củng cố hệ thống Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp theo hướng chuyên nghiệp hóa, chuyên môn hóa, đồng thời nghiên cứu đổi mới, nâng cao năng lực và hiệu quả tham mưu.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng quản lý chặt chẽ việc sử dụng các nguồn lực thực hiện Chương trình (bao gồm nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác);

tiếp tục phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng nông thôn mới.

3.1.2. Phương hướng và mục tiêu xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An giai đoạn đến năm 2025

3.1.2.1. Phương hướng xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An giai đoạn đến năm 2025

a) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động và thi đua xây dựng Nông thôn mới

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về Chương trình xây dựng nông thôn mới với nhiều hình thức đa dạng, phong phú đến các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân; Đổi mới nội dung tuyên truyền nhằm góp phần nâng cao nhận thức về chương trình và vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới.

- Chú trọng nâng cao chất lượng thông tin về mô hình hiệu quả, những kinh nghiệm, nhân tố điển hình, tích cực trong xây dựng nông thôn mới. Kịp thời nhân rộng và phát huy các sáng kiến, kinh nghiệm hay tạo ra những chuyển biến tích cực, hiệu quả trong triển khai xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục tăng cường tham quan, học hỏi kinh nghiệm giữa các địa phương, giới thiệu các mô hình điển hình, cách làm sáng tạo trong xây dựng nông thôn mới.

- Thúc đẩy phong trào xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, bền vững, theo hướng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo bộ tiêu chí được phê duyệt Quyết định 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tuyên truyền vận động các xã, bản đã đạt chuẩn Nông thôn mới, phấn đấu nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng xã, bản nông thôn mới kiểu mẫu và tham gia cuộc thi “Xã nông thôn mới đẹp và bản nông thôn mới đẹp” do tỉnh phát động.

b) Tập trung huy động, lồng ghép các nguồn lực để xây dựng, nâng cấp

hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội khu vực nông thôn

Ưu tiên bố trí ngân sách trung ương và địa phương các cấp và huy động, lồng ghép các nguồn lực thực hiện Chương trình; Đảm bảo tất cả các xã trên địa bàn được bố trí nguồn lực thực hiện, trong đó ưu tiên cho các xã đặc biệt khó khăn và các xã phấn đấu đạt chuẩn trong giai đoạn đến năm 2025 và ưu tiên bố trí để phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

c) Phát triển sản xuất, gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân

- Tiếp tục triển khai xây dựng các mô hình phát triển sản xuất hàng hóa có quy mô lớn, hiệu quả kinh tế cao gắn chế biến với tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ thành lập mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp hiện có; hỗ trợ các HTX thực hiện các mô hình ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh trong sản xuất, thương mại các sản phẩm truyền thống, sản phẩm có lợi thế khu vực nông thôn; Đẩy mạnh việc thành lập, củng cố hoạt động của các Hợp tác xã nông nghiệp gắn với việc hình thành các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Xác định Hợp tác xã là cầu nối quan trọng trong sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm giữa các Doanh nghiệp và người nông dân.

- Tổng hợp các mô hình hiệu quả, các sản phẩm truyền thống, sản phẩm có lợi thế của các địa phương để hỗ trợ quảng bá, giới thiệu sản phẩm và nhân rộng các địa phương góp phần thực hiện tốt đề án mỗi xã một sản phẩm (OCOP) theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân khu vực nông thôn.

- Đẩy mạnh việc đưa cơ giới vào sản xuất, chuyển nhanh sang sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, áp dụng công nghệ cao, gắn tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chế biến với tiêu thụ sản phẩm, để đạt hiệu quả kinh tế cao.

- Lập đề án, xây dựng mô hình sản xuất các loại nông sản chủ lực theo

quy trình ứng dụng công nghệ cao, để người dân trong xã thăm quan, học tập, nhân rộng mô hình. Tăng cường và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với tổ chức sản xuất, tạo việc làm, bao tiêu sản phẩm cho các làng nghề... Qua đó, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn.

d) Phát triển mạnh giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường

- Tạo sự chuyển biến tốt trong việc xây dựng và thực hiện thiết chế văn hóa cơ sở, các quy ước, hương ước trong tất cả các xã. Đẩy mạnh phong trào xây dựng làng, xã văn hóa. Từng bước hoàn thiện hệ thống các công trình văn hóa, thể thao trên địa bàn xã; bảo tồn và tôn tạo các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể,... tập trung cao cho công tác giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đảm bảo vệ sinh môi trường xanh - sạch - đẹp, di dời chuồng trại ra khỏi khu dân cư, xây dựng các công trình vệ sinh; năm 2025 có trên 95% số dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh,...

- Các Hội, đoàn thể tiếp tục vận động, hướng dẫn, tổ chức cho mỗi hộ dân tích cực tham gia: tự cải tạo, chỉnh trang nơi ăn, ở văn minh, hợp vệ sinh; xây dựng, sửa sang hàng rào bằng các vật liệu hiện có ở địa phương (*hàng rào bằng cây xanh*); cải tạo ao, vườn để có cảnh quan đẹp xây dựng vườn chuẩn nông thôn mới có thu nhập; tự đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước thải khu dân cư...

e) Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn

- Xây dựng các tổ tự quản, cụm tuyến an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội; coi trọng công tác cán bộ, phải đảm bảo yêu cầu đạt chuẩn; khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở xã. Đến năm 2025, phân đấu 100% đơn vị đạt tiêu chuẩn cơ sở an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu; 100% xã ổn định chính trị.

- Tập trung sức lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự vào

cuộc của hệ thống chính trị, coi đây là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm của địa phương. Đồng thời, phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành để kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện theo tiến độ hàng quý, năm.

- Xây dựng và ban hành các Nghị quyết chuyên đề, các đề án, dự án để thực hiện xây dựng nông thôn mới; trước mắt cần chọn khâu đột phá phù hợp với tình hình địa phương để thực hiện trong thời gian tới.

- Duy trì tốt chế độ giao ban, báo cáo hàng tháng, quý để kịp thời nắm bắt tiến độ, kiến nghị giải quyết những khó khăn, vướng mắc từ cơ sở.

f) Chú trọng công tác đào tạo, tập huấn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác nông thôn mới tại các cấp, nhất là cán bộ xã, thôn nhằm nâng cao kỹ năng thực hiện Chương trình. Xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên có kinh nghiệm và am hiểu về xây dựng nông thôn mới để đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho những năm tiếp theo;

- Nâng cao hiệu quả lập kế hoạch có sự tham gia của người dân, phát huy quyền làm chủ của người dân trong xây dựng nông thôn mới.

- Nâng cao năng lực tham mưu, giúp việc của Văn phòng điều phối cho Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới các huyện, thành phố, thị xã. Nâng cao hiệu quả phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa Văn phòng điều phối cấp huyện và Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh;

g) Về cơ chế chính sách

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách từ tỉnh đến cơ sở. Các địa phương, đơn vị tùy tình hình thực tế để ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện các nội dung chương trình. Đặc biệt quan tâm cơ chế chính sách đối với vườn chuẩn nông thôn mới; các xã xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và thôn (bản) xây dựng nông thôn mới ở các xã miền núi khó khăn.

h) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện chương trình

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh phong trào thi đua, quyết tâm hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức phong trào thi đua “*Nghệ An chung sức xây dựng nông thôn mới*” giai đoạn 2016 - 2020.

- Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức đoàn thể xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện các nội dung về xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng các nội dung tuyên truyền thực hiện các tiêu chí sử dụng ít kinh phí.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt đề án “Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 27 xã khu vực biên giới tỉnh Nghệ An nhằm phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh giai đoạn 2017-2020” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 61/QĐ-TTg ngày 12/01/2018.

- Tiếp tục thực hiện tốt Quyết định số 1385/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020.

- Tiếp tục chỉ đạo rà soát các xã đạt chuẩn Nông thôn mới giai đoạn 2011-2018 triển khai kế hoạch duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt.

- Làm tốt công tác sơ kết đánh giá, biểu dương, khen thưởng kịp thời các đơn vị cá nhân tiêu biểu trong thực hiện xây dựng nông thôn mới để tuyên truyền và nhân rộng.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát xây dựng nông thôn mới; Tăng cường vai trò tham gia của người dân trong việc huy động nguồn lực, công tác kiểm tra, giám sát triển khai kế hoạch thực hiện, kiểm tra giám sát chất lượng các hoạt động thực hiện xây dựng nông thôn mới ở cơ sở. Thực hiện tốt công tác dân chủ trong xây dựng nông thôn mới.

- Ban chỉ đạo các cấp tăng cường kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn

xây dựng các tiêu chí còn thiếu để giúp địa phương hoàn thành về đích nông thôn mới.

i) Thực hiện tốt việc lựa chọn các xã về đích đến năm 2025

Rà soát lại các xã có khả năng đạt chuẩn trong giai đoạn 2025 để lựa chọn đưa vào kế hoạch theo hướng ưu tiên các xã đạt được nhiều tiêu chí hơn. Đồng thời Ban chỉ đạo tỉnh làm việc với ban chỉ đạo các huyện, thị xã để rà soát, xác định và chỉ đạo các xã đạt chuẩn NTM các năm 2019 đến 2025.

3.1.2.2. Mục tiêu xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An, giai đoạn đến năm 2025

Đến năm 2025, Nghệ An phấn đấu có thêm ít nhất 158 xã đạt chuẩn nông thôn mới; nâng tổng số xã đạt chuẩn đến cuối năm 2025 là 376/431 xã (đạt tỷ lệ 87,24%).

Các xã chưa đạt chuẩn tăng thêm ít nhất 5 tiêu chí trở lên, bình quân chung toàn tỉnh đạt 16 tiêu chí/xã.

- Có thêm năm đơn vị cấp huyện đạt chuẩn Nông thôn mới.
- Có thêm 75 thôn, bản thuộc các huyện miền núi đạt chuẩn NTM theo bộ tiêu chí của tỉnh;
- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng 3 xã NTM kiểu mẫu theo Đề án đã được phê duyệt; trong đó cả 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (Sơn Thành, Quỳnh Đôi, Kim Liên).
- Thực hiện Đề án xây dựng huyện Nam Đàn thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu theo chỉ đạo của Trung ương.
- Tiếp tục thực hiện tốt đề án “*Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 27 xã khu vực biên giới tỉnh Nghệ An nhằm phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh giai đoạn 2017-2020*”.
- Tiếp tục thực hiện tốt Quyết định số 1385/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực

biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An đến năm 2025

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch xây dựng nông thôn mới

3.2.1.1. Giải pháp về hoàn thiện quy hoạch xây dựng nông thôn

Về quy hoạch xây dựng vùng huyện, cần hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện cụ thể huyện đạt tiêu chí quy hoạch khi có quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014. Đồ án quy hoạch vùng huyện cần đảm bảo yêu cầu phát triển lâu dài, đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp gắn với các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá lớn; hệ thống kho tàng, trại sản xuất tập trung cấp huyện, liên xã; phát triển nông thôn gắn với phát triển đô thị bằng việc tổ chức, định hướng hệ thống trung tâm nông thôn cấp huyện trên cơ sở liên kết các cụm công nghiệp, các trung tâm dịch vụ thương mại và dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp; xác định các khu vực sản xuất phi nông nghiệp theo hướng tập trung để thuận tiện phục vụ, xử lý môi trường và đầu tư cơ sở hạ tầng; từng bước nâng cao điều kiện sống của người dân nông thôn tiệm cận với điều kiện sống của người dân đô thị, đảm bảo phát triển bền vững. Xác định, tổ chức hệ thống điểm dân cư nông thôn, xác định cụ thể các điểm dân cư nông thôn tập trung phát triển (cho phát triển dân cư mới).

Chính quyền tỉnh cần phải tích cực rà soát đánh giá quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đánh giá hiệu quả công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn đối với đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn cấp xã; nghiên cứu, hướng dẫn các địa phương đẩy mạnh công tác cắm mốc quy hoạch theo quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới được duyệt. Đánh giá việc lập và thực hiện quy hoạch để kịp thời khắc phục những hạn chế, khiếm khuyết trong công tác

quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

Triển khai việc đào tạo nâng cao năng lực của địa phương trong công tác lập, thẩm định và quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới; chỉ đạo thực hiện các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho gần cán bộ tại các địa phương trong toàn tỉnh về công tác quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng cho công chức địa chính - xây dựng - nông nghiệp và môi trường xã. Việc làm này sẽ góp phần nâng cao nhận thức và kinh nghiệm cho các cán bộ quản lý ở địa phương cũng như năng lực cho các cá nhân, đơn vị tư vấn trong việc lập quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới; đồng thời, đã chủ động theo dõi, kiểm tra, giám sát việc xây dựng NTM giai đoạn 2020-2025 và báo cáo với Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới về những kết quả và vướng mắc cần nghiên cứu, tháo gỡ cho địa phương.

Giải pháp về hoàn thiện quy hoạch cảnh quan trong xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu

Một số giải pháp cơ bản về hoàn thiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trong giai đoạn 2020 - 2025:

Thứ nhất, định hướng không gian quy hoạch cảnh quan nông thôn phải chú trọng đến bảo tồn, chỉnh trang các không gian làng, xã vốn có trước đây. Căn cứ điều kiện địa lý của từng vùng, mỗi địa phương để lập quy hoạch, xây dựng cảnh quan bảo đảm phù hợp, nhưng vẫn tạo nên sự hài hòa và thân thiện với môi trường.

Thứ hai, xác định các khu vực cảnh quan trọng tâm để tạo điểm nhấn và nét độc đáo riêng có đối với mỗi xã nông thôn mới nâng cao cũng như nông thôn mới kiểu mẫu.

Thứ ba, gắn kết các thị trấn, thị tứ, điểm dân cư tập trung trên địa bàn huyện hoặc liên huyện với các điểm sản xuất, dịch vụ từ nông nghiệp. Tạo điều kiện cho quá trình đô thị hoá tại chỗ, phát triển dân cư phi nông nghiệp trên địa

bàn cấp huyện, xã.

Thứ tư, định hướng mạng lưới hạ tầng khung phục vụ sản xuất và liên kết giữa địa bàn sản xuất với khu dân cư, giữa các khu dân cư với nhau trên địa bàn cấp huyện.

Thứ năm, có định hướng bảo vệ và gìn giữ những nét truyền thống của thôn bản xưa, tạo dựng cảnh quan xanh - sạch - đẹp phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng thôn, xã. Theo Luật Kiến trúc mới được Quốc hội ban hành ngày 13/6/2019, tại khoản 2 điều 11 thì kiến trúc nông thôn phải đáp ứng yêu cầu sau: (1) Bảo đảm kế thừa giá trị kiến trúc truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc; (2) Ưu tiên sử dụng vật liệu xây dựng địa phương và giải pháp kỹ thuật xây dựng tiên tiến; (3) Bảo đảm tiêu chuẩn về nhà ở, không gian sống, không gian văn hóa phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán sinh hoạt, thuần phong mỹ tục của cộng đồng các dân tộc; (4) Đối với khu vực thường xảy ra thiên tai, khuyến khích áp dụng mẫu thiết kế kiến trúc cho công trình công cộng và nhà ở nông thôn bảo đảm yêu cầu về thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.

3.2.1.2. Giải pháp thực hiện Đề án “Xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện”

Xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện là hướng tới hình thành môi trường dân cư và cơ sở hạ tầng trên địa bàn cấp huyện phù hợp với tiến trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, cơ cấu lại nông nghiệp và nâng cao điều kiện sống người dân nông thôn. Đề án sẽ giúp hình thành các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất theo hướng tái cơ cấu nông nghiệp và phục vụ dân sinh gắn với các vùng sản xuất hàng hoá lớn trên địa bàn huyện và từng tiểu vùng trong huyện, làm tiền đề cho phát triển đô thị nhỏ trên địa bàn cấp huyện. Định hướng phát triển các khu chức năng, cơ sở hạ tầng tại các huyện có tốc độ đô thị hoá cao (thuộc các đô thị lớn) để vừa đảm bảo yêu cầu xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2020-2025; đồng thời, hạn chế đầu tư lãng phí hoặc gây bất cập cho quá trình phát triển đô thị tại các khu vực có tốc

độ đô thị hoá cao.

Ngoài ra, cần nghiên cứu xây dựng khung định hướng và giải pháp phát triển trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn. Đề xuất quy trình thực hiện quy hoạch xây dựng trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn. Nội dung bao gồm đánh giá, nghiên cứu các nội dung để xây dựng khung định hướng về chức năng và giải pháp quy hoạch trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn, xây dựng quy trình thực hiện quy hoạch xây dựng trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn và đề xuất các nội dung hướng dẫn các địa phương. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng khung đánh giá kết quả thực hiện Quyết định 676/QĐ-TTg với mục tiêu nghiên cứu cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tế xây dựng tiêu chí đánh giá tình hình xây dựng huyện nông thôn mới gắn với quá trình đô thị hóa; xây dựng khung đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 676/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức thực hiện cơ chế quản lý nhà nước của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính ở các cấp theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc thực hiện chỉ đạo của cơ quan hành cấp trên và người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Tập trung cao việc chỉ đạo theo chương trình, kế hoạch đề các cấp, các ngành chủ động trong xử lý công việc, tránh chồng chéo, thụ động. Tăng cường công tác chỉ đạo, đốc thúc, kiểm tra, thanh tra thực hiện nhiệm vụ đề ra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ.

Xây dựng chính quyền phục vụ, tập trung vào tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, đưa vào nề nếp việc kiểm điểm tiến độ và kết quả thực hiện chương trình công tác đã đề ra theo cơ chế điều hành. Phân công trách nhiệm chỉ đạo cụ thể, toàn diện của từng cá nhân lãnh đạo. Nắm bắt các thông tin và kiến nghị từ cơ sở để có thông tin, biện pháp xử lý và giải quyết kịp thời.

Các cấp, các ngành rà soát, đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020 để đề ra giải pháp tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện kế hoạch ở mức cao nhất; tiến hành xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025. Tiếp tục thực hiện đồng bộ 05 nhiệm vụ trọng tâm, 10 giải pháp chủ yếu đã được xác định trong Quyết định số 2355/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển kinh tế - xã hội miền Tây Nghệ An; Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 17/8/2018 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/10/2017 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới đất liền kết hợp với tăng cường và củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Tập trung rà soát các chính sách đã ban hành để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và quy định của pháp luật; bãi bỏ hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền bãi bỏ các chính sách không hiệu quả để tập trung nguồn lực thực hiện các chính sách trọng tâm, trọng điểm. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực, nhất là tập trung chấn chỉnh, khắc phục những sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý xây dựng nông thôn mới như: quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường, giải phóng mặt bằng, lĩnh vực y tế, giáo dục, thu phí, lệ phí, các loại quỹ...

Tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp luật, cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng NTM theo hướng tiếp tục sáp nhập các chương trình, dự án có cùng nội dung đầu tư, nội dung hỗ trợ trên địa bàn nông thôn với xây dựng NTM nhằm thống nhất cơ chế, chính sách hỗ trợ các địa phương triển khai hiệu quả các nội dung của xây dựng NTM, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư các nguồn lực, đảm bảo không chồng chéo, lãng phí nguồn lực. Rà soát, cập nhật và ban hành bộ tiêu chí về NTM (cấp thôn, bản, xã, huyện) phù hợp với từng giai đoạn. Ban hành hệ thống cơ chế chính sách đồng bộ và linh hoạt ở cấp tỉnh và phù hợp với từng nhóm địa phương (phần đầu đạt chuẩn, đã đạt chuẩn, phần đầu đạt kiểu mẫu); ban

hành Kế hoạch thực hiện Phong trào “Cả tỉnh chung sức xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025” do Thủ tướng Chính phủ phát động; tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình KHCN phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân và cán bộ công chức trong các sở, ban, ngành cấp tỉnh về mục đích ý nghĩa của việc xây dựng nông thôn mới, các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước các cấp về xây dựng NTM để mỗi người tự giác thực hiện và giúp nhau thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ của mình. Phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các phương tiện thông tin đại chúng trong việc giám sát cán bộ, công chức, phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; cổ vũ, động viên phong trào tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng. Làm tốt công tác dân vận; tuyên truyền vận động, tạo đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng nông thôn mới và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Kịp thời tuyên truyền các giải pháp của Chính phủ, UBND tỉnh trong điều hành kế hoạch xây dựng nông thôn mới cũng như phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường tổ chức đối thoại và tiếp nhận các ý kiến phản biện chính sách để tạo sự đồng thuận cao và phát huy sức mạnh của toàn xã hội trong việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

Xây dựng Chương trình hành động (kế hoạch) cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước vào điều kiện cụ thể của từng ngành, địa bàn để tổ chức thực hiện, nhất là các chủ trương của tỉnh về hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn, kênh mương nội đồng, hỗ trợ kinh phí phát triển kinh tế hộ gia đình...

3.2.3. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, cơ chế quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh

Trên cơ sở khung cơ chế, chính sách của Trung ương và điều kiện thực tế, chính quyền tỉnh cần chủ động nghiên cứu, vận dụng ban hành các cơ chế, chính

sách hỗ trợ đặc thù để tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng xây dựng NTM: NTM ven đô gắn với đô thị hoá; NTM gắn với du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái; NTM gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn; NTM vùng khu vực biên giới, vùng bãi ngang ven biển, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, NTM thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu...

Chính quyền tỉnh cần có chính sách huy động các nguồn lực để đầu tư thực hiện xây dựng nông thôn mới, theo đó cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Tiếp tục ưu tiên ngân sách các cấp cho thực hiện xây dựng NTM, hình thành các khoản ngân sách đối ứng, “vốn môi”, kích hoạt, huy động nguồn lực xã hội, phát triển đối tác công tư, hợp tác công tư (PPC, PPP), khuyến khích tư nhân đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung và tập trung thực hiện có hiệu quả các chính sách tín dụng, theo hướng: Mở rộng tín dụng cả về nguồn vốn, phạm vi và hình thức hoạt động, đơn giản hóa thủ tục, linh hoạt về mức vay; đào tạo, hướng dẫn người dân lập phương án sản xuất, kinh doanh theo quy hoạch, các dự án phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương..., nhằm giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả và kích cầu nguồn vốn tín dụng.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ mọi rào cản, với tinh thần cắt giảm 1/3 thủ tục và 1/2 thời gian xử lý, nhất là các thủ tục về đầu tư, đất đai... tạo bước đột phá thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, chuyển giao khoa học, công nghệ, phát triển liên kết sản xuất với các HTX, THT, hộ nông dân.

- Hoàn thiện cơ chế phát huy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng, huy động nguồn lực tại chỗ của người dân, trước hết là trong việc đầu tư phát triển kinh tế, chỉnh trang nhà cửa, hạ tầng, xây dựng Khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu.

- Thực hiện đa dạng các hình thức đỡ đầu, tài trợ xây dựng nông thôn mới, phân đầu 100% các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới đều có tổ chức, đơn

vị đỡ đầu, tài trợ, ưu tiên các xã đăng ký đạt chuẩn sớm và các xã khó khăn. Tiếp tục kêu gọi các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, con em xa quê chung sức hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới, nhất là các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn, tổng công ty, các doanh nghiệp đang có các hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh...

Xác định định hướng lộ trình xây dựng, phát triển nông thôn mới theo từng nhóm địa phương

- *Đối với các xã đã đạt chuẩn:* Tiếp tục tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế, hoàn thiện mô hình mẫu theo các tiêu chí, nhân rộng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, cải tạo cảnh quan môi trường, hình thành các giá trị văn hóa cộng đồng nông thôn mới,... nâng cao đời sống mọi mặt cho người dân, mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, phấn đấu xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- *Đối với nhóm xã phấn đấu đạt chuẩn:* Xây dựng khung kế hoạch, lộ trình thực hiện các tiêu chí theo quy định đạt chuẩn; cân đối nguồn lực, tập trung chỉ đạo xây dựng các mô hình, phát triển doanh nghiệp, THT, HTX, liên kết sản xuất, xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu, những nội dung, tiêu chí khối lượng thực hiện còn lớn,... đạt chuẩn thực chất, bền vững 19 tiêu chí.

- *Đối với các xã dưới 10 tiêu chí:* Tập trung tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên và người dân, huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc; tổ chức rà soát, đánh giá thực chất mức độ đạt các tiêu chí, lập khung kế hoạch, tập trung chỉ đạo phát triển mô hình sản xuất, ưu tiên thực hiện các tiêu chí gần đạt, cần ít nguồn lực, tiêu chí thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh.

- *Đối với nhóm xã còn lại:* Rút bài học kinh nghiệm các xã đi trước, chủ động huy động có hiệu quả các nguồn lực, tập trung chỉ đạo tạo sự chuyển biến rõ nét trên các lĩnh vực, tiêu chí, làm tiền đề phấn đấu đạt chuẩn những năm tiếp theo.

- *Đối với huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới*: Phát động mạnh mẽ phong trào thi đua, quyết tâm đạt chuẩn nông thôn mới ngay trong từng thôn xóm, từng xã và trên địa bàn toàn huyện.

Soát xét, phân loại nhóm xã, xây dựng lộ trình, kế hoạch đạt chuẩn theo hướng: xã có nền cao, tiêu chí có mức độ đạt chuẩn cao, dễ thì làm trước; quan tâm các xã số tiêu chí đạt được còn thấp, xã khó khăn. Ưu tiên ngân sách các cấp, điều chỉnh, bổ sung các chính sách, tạo động lực huy động cao các nguồn lực. Phân công cán bộ chỉ đạo, gắn trách nhiệm với kết quả của từng địa phương, địa bàn; kiên quyết thay thế những cán bộ không đáp ứng yêu cầu mục tiêu, nhiệm vụ.

Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền sâu rộng, tạo phong trào xây dựng nông thôn mới mạnh mẽ, rộng khắp, thực hiện đạt kết quả cao, bền vững trên địa bàn tỉnh:

Quán triệt đầy đủ quan điểm, mục tiêu trong giai đoạn phát triển mới. Xác định đây là Chương trình có tính chiến lược, lâu dài, là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, liên tục của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức. Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến về những cách làm hay, mô hình, điển hình tốt trên các lĩnh vực; chuyển cuộc vận động “*Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới*” đi vào chiều sâu, thiết thực.

Tiếp tục nâng cao chất lượng văn hóa, giáo dục, y tế cơ sở:

- Tăng cường các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, nhất là ở thôn xóm; đẩy mạnh công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, hình thành và phát triển các giá trị, văn hóa ứng xử trong cộng đồng; nâng cao chất lượng gia đình văn hóa, thôn văn hóa...

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; giữ vững chất lượng giáo dục toàn diện; đa dạng hoá hình thức học tập, xây dựng xã hội học tập; thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp.

- Tiếp tục rà soát thực trạng hệ thống y tế cơ sở, phân vùng, bố trí cán bộ, trang thiết bị phù hợp. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ban đầu, tăng nhanh tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân.

Cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường nông thôn

- Tăng cường tuyên truyền, tập huấn, nâng cao ý thức cho người dân về sử dụng nước sạch, bảo vệ môi trường; hoàn thiện quy hoạch các tuyến thu gom, bãi tập kết, xử lý chất thải rắn nông thôn; hoàn thành việc thành lập và có chính sách hỗ trợ các tổ chức, HTX, đội tự quản vệ sinh môi trường; xây dựng và nhân rộng các mô hình quản lý, ứng dụng khoa học, công nghệ trong xử lý rác, lò đốt rác.

- Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước thải tại các trục đường chính, cụm dân cư; đầu tư đồng bộ hệ thống xử lý nước thải, chất thải, khí thải trong các làng nghề, tiểu thủ công nghiệp, cơ sở chế biến. Tăng cường quản lý, kiểm soát các hoạt động sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Xây dựng mô hình quản lý, khai thác, phát huy hiệu quả các công trình cấp nước tập trung. Đẩy mạnh phát triển mạng lưới các công trình cấp nước tập trung theo quy hoạch; hướng dẫn, hỗ trợ hộ dân xử lý nguồn nước từ giếng khoan, giếng đào, nước mưa... bảo đảm tiêu chuẩn nước hợp vệ sinh.

- Tiếp tục rà soát quy hoạch nghĩa trang, sớm di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ, gần khu dân cư, hình thành các nghĩa trang quy mô phục vụ cho nhiều địa phương; ban hành quy chế và tăng cường công tác quản lý xây dựng nghĩa trang theo quy hoạch.

3.2.4. Hoàn thiện thanh tra, kiểm tra, giám sát

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình, trong đó chú trọng quản lý chặt chẽ việc sử dụng các nguồn lực thực hiện Chương trình (bao gồm nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác).

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong xây dựng NTM; tiếp tục

phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng NTM. Tiếp tục hoàn thiện và vận hành hiệu quả Hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình; thông qua một số giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân về công tác kiểm tra, giám sát. Để giải pháp này có hiệu quả cao, tránh hình thức thì chính quyền tỉnh cần căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị lựa chọn hoạt động. Nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về công tác kiểm tra, giám sát có thể thực hiện qua nhiều hoạt động như: tổ chức chuyên đề cập nhật thông tin mới; thông tin những vụ việc điển hình về kiểm tra, giám sát có tính chất thời sự, người thật việc thật, có tiếng vang lớn của Đảng và Ủy ban Kiểm tra Trung ương, hay những vụ việc điển hình về kiểm tra, giám sát bất kỳ (kinh nghiệm cho thấy hoạt động này thường được nhân dân quan tâm, lắng nghe vì tính hấp dẫn và bổ ích, có tính giáo dục cao).

Hai là, đổi mới công tác tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, trong đó chú trọng đổi mới nội dung, hình thức và tổ chức tập huấn cho từng địa phương thành các lớp riêng. Thay đổi nội dung tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, giám sát chính là khảo sát, căn cứ trên tình hình thực tế của địa phương được tập huấn, xem xét quá trình chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của địa phương thiếu, yếu về hoạt động nào, cần tập huấn nội dung gì, trọng tâm là vấn đề gì, từ đó đặt nội dung cụ thể cho báo cáo viên chuẩn bị.

Ba là, cụ thể hóa nhiệm vụ kiểm tra, giám sát thành một trong những tiêu chí để đánh giá, phân loại, xếp thi đua - khen thưởng đối với các tổ chức định kỳ hàng năm. Tiêu chí cần cụ thể, mang tính định lượng, trong đó lấy tỷ lệ hoàn thành khối lượng, tiến độ và hiệu quả công việc, kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát... làm thước đo đánh giá cấp cán bộ và tổ chức; nên xây dựng và ban hành tiêu chí đánh giá thi đua từ đầu năm, coi đó là cơ sở để theo dõi, đánh giá cả quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Bốn là, tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, hoàn thiện các quy trình, văn bản hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đúng thẩm quyền.

3.2.5. Các giải pháp khác

3.2.5.1. Nâng cao năng lực bộ máy, đổi mới công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong thực hiện Chương trình

- Kiện toàn hệ thống tổ chức, lựa chọn những cán bộ thực sự có tâm huyết, trách nhiệm cao, đủ năng lực chỉ đạo, quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình trong giai đoạn mới; có giải pháp mạnh, kiên quyết điều chuyển, thay thế cán bộ, nhất là người đứng đầu, nếu không đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

- Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút sinh viên, cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản về công tác tại cơ sở; phát triển nhanh đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn kỹ thuật, hình thành đội ngũ chuyên gia trong các lĩnh vực.

- Đổi mới căn bản công tác đào tạo nghề, gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Hiện đại hóa các hoạt động chỉ đạo, quản lý, đánh giá thực hiện Chương trình ở các cấp.

3.2.5.2. Tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, các ban xây dựng Đảng, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, trọng tâm hướng vào đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

- Cấp ủy Đảng các cấp ban hành nghị quyết về Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, nhằm phấn đấu đạt mục tiêu Đại hội Đảng các cấp đề ra trong nhiệm kỳ mới.

- Các Ban xây dựng Đảng theo chức năng, nhiệm vụ của mình, tham mưu, chỉ đạo theo hệ thống đến cơ sở, tập trung cao thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đạt kết quả thiết thực, với nội dung cơ bản như sau:

Ban Tuyên giáo: Tham mưu cấp ủy ban hành kế hoạch, nội dung tuyên truyền phù hợp với yêu cầu thực tiễn theo từng giai đoạn, có chỉ tiêu cụ thể cho

từng tổ chức, đơn vị; chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông, hệ thống báo cáo viên, tuyên truyền viên, các cơ quan thông tấn, báo chí xác định đây là nội dung trọng tâm, thường xuyên của công tác tuyên truyền, tăng cường các chuyên trang, chuyên mục, ưu tiên các “trang vàng”, “giờ vàng” cho nông thôn mới.

Ban Dân vận: Chuyển mạnh công tác dân vận, phong trào “Dân vận khéo” tập trung hướng vào xây dựng nông thôn mới, với trọng tâm: Khéo tham mưu, tổ chức thực hiện; khéo tuyên truyền, vận động; khéo vận động phát triển kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng; khéo vận động xây dựng văn hóa - xã hội - môi trường lành mạnh và xây dựng hệ thống chính trị, địa phương vững mạnh.

Ban Tổ chức: Chỉ đạo đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức Đảng, nhất là chi bộ cơ sở, thôn xóm, tập trung quyết liệt hướng vào thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; tham mưu cấp ủy kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy chỉ đạo, quản lý, phân công cán bộ, gắn trách nhiệm với kết quả thực hiện Chương trình theo từng địa bàn, địa phương; đưa nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới vào tiêu chí đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm; xây dựng chính sách, quy chế đánh giá, đào tạo, bổ nhiệm, điều chuyển, thay thế cán bộ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, mục tiêu trong từng giai đoạn thực hiện Chương trình.

Ban Nội chính: Chỉ đạo các cơ quan trong khối nội chính xây dựng chương trình, tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách, cơ chế huy động, quản lý, sử dụng nguồn vốn, bảo đảm đúng mục đích, công khai, minh bạch, phòng chống tham nhũng, không ngừng củng cố, xây dựng lòng tin của người dân trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Ủy Ban kiểm tra: Hàng năm, xây dựng kế hoạch, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cấp ủy đảng, đơn vị về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình, kịp thời nhắc nhở các cấp ủy, đơn vị chỉ đạo đạt kết quả thấp, chấn chỉnh, uốn nắn những tồn tại, yếu kém, đảm bảo Chương trình phát triển

đúng hướng, đạt mục tiêu đề ra.

- Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh: Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể chỉ đạo các cấp ủy đảng trực thuộc nhận giúp đỡ các xã nghèo thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Đảng ủy các doanh nghiệp: Chỉ đạo các đảng bộ, chi bộ doanh nghiệp tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, thực hiện Tái cơ cấu, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thực hiện có hiệu quả công tác đỡ đầu, tài trợ.

- Mặt trận TQ và các tổ chức thành viên: Phát động mạnh mẽ các phong trào thi đua; phát huy tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội; huy động nội lực, sức dân, vận động các tổ chức, cá nhân chung tay, góp sức xây dựng nông thôn mới; làm tốt công tác sơ tổng kết, khen thưởng, vinh danh các tập thể, cá nhân điển hình.

3.2.5.3 Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp ngoài nhà nước đầu tư vào xây dựng nông thôn mới

Thực hiện chính sách thu hút, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào các địa phương (theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, Nghị định số 116/2018/NĐ-CP, Nghị định số 58/2018/NĐ-CP của Chính phủ...), trong đó, tập trung thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào chế biến nông sản và lĩnh vực phi nông nghiệp, tạo nhiều việc làm cho lao động nông thôn (dệt may, da giày...).

3.3. Một số kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ

Quốc hội ưu tiên bố trí tăng nguồn lực hỗ trợ thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 để đảm bảo hỗ trợ được các địa phương vùng khó khăn, đặc thù có đủ nguồn lực để đạt chuẩn NTM, cũng như hỗ trợ các địa phương đã đạt chuẩn tiếp tục phấn đấu xây dựng NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu.

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện những nhiệm vụ sau:

(1) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương có liên quan xây

dựng Báo cáo chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 báo cáo Chính phủ xem xét trình Quốc hội theo quy định của Luật Đầu tư công;

(2) Rà soát, nghiên cứu đề xuất phương án cập nhật và ban hành bộ tiêu chí quốc gia về NTM (cấp thôn, xã, huyện) cho phù hợp hơn, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

(3) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình KHCN phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2012-2020, làm cơ sở rút kinh nghiệm và nghiên cứu đề xuất định hướng, mục tiêu và nhiệm vụ để tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

(4) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất phương án điều chỉnh nguyên tắc, cơ chế phân bổ vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 theo hướng khắc phục những tồn tại, hạn chế của giai đoạn 2016-2020 và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cho một số bộ khác như sau:

(1) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế lồng ghép nội dung đầu tư trên địa bàn nông thôn theo cơ chế đầu tư của Chương trình xây dựng NTM;

(2) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế tài chính, cơ chế thanh quyết toán các nguồn vốn thực hiện trên địa bàn nông thôn theo cơ chế tài chính của Chương trình MTQG xây dựng NTM;

(3) Ngân hàng Chính sách xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ, ngành liên quan xây dựng chính sách tín dụng đặc thù hỗ trợ các thôn, bản khó khăn xây dựng NTM.

Đề nghị Văn phòng điều phối Nông thôn mới Trung ương đưa Nghệ An

vào tỉnh chỉ đạo điểm thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm vì Nghệ An là một tỉnh lớn, có nhiều sản phẩm nhưng chưa được phát huy được thế mạnh của từng sản phẩm ở địa phương.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo vệ môi trường cho các địa phương ngoài đối tượng đã được Thủ tướng Chính phủ quy định tại Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 25/5/2017. Vì tiêu chí Môi trường rất quan trọng, ảnh hưởng lớn đến đời sống, sức khỏe của người dân nông thôn nếu không làm tốt sẽ là nút thắt trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

- Tăng mức hỗ trợ các nguồn vốn trực tiếp trong Chương trình xây dựng Nông thôn mới cho các tỉnh chưa cân đối được ngân sách, còn nhiều khó khăn chưa cân đối được ngân sách; đối với các xã phấn đấu về đích cần ưu tiên bố trí các nguồn vốn nhiều hơn để tạo điều kiện cho các xã hoàn thành mục tiêu theo kế hoạch đề ra.

- Bộ tiêu chí đã được sửa đổi phù hợp hơn với các vùng miền, tuy nhiên một số tiêu chí vẫn còn cao không phù hợp với các xã Miền núi đặc biệt khó khăn, vùng sâu vùng xa đặc biệt là tiêu chí thu nhập và hộ nghèo đề nghị có điều chỉnh cho phù hợp hơn (Các xã khu vực miền núi khó khăn nên đưa về một mức).

- Rà soát, điều chỉnh Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn sau 2020 cho phù hợp hơn và ban hành dưới dạng Nghị định của Chính phủ để các địa phương thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.

- Bổ sung nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thuộc Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới cho Nghệ An để thực hiện 02 đề án đặc thù được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là: Quyết định số 61/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn 27 xã khu vực biên giới tỉnh Nghệ An, nhằm phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh - quốc phòng giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 04/01/2019 về phê duyệt đề án thí điểm "Xây dựng huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An trở thành huyện

Nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng phát triển văn hóa gắn với du lịch, giai đoạn 2018 - 2025".

- Ưu tiên cho các xã miền núi của Nghệ An được áp dụng thực hiện các tiêu chí xây dựng Nông thôn mới như các xã thuộc Miền núi phía Bắc.

Kết luận Chương 3

Phương hướng hoàn thiện quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An được xác định trên cơ sở định hướng chung về xây dựng nông thôn mới của chính quyền cấp trung ương và thực trạng quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An hiện nay. Với phương hướng đó, tác giả đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới nhằm khắc phục những hạn chế hiện nay trong quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới của chính quyền tỉnh ở tỉnh Nghệ An.

KẾT LUẬN

Quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An thời gian vừa qua đã đạt được những thành công nhất định, góp phần quan trọng đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, diện mạo nông thôn mới được thay đổi, sản xuất phát triển mạnh; năng lực, tư duy quản lý của cán bộ từng bước được đổi mới cả về suy nghĩ và hành động.

Tuy đã đạt được một số thành tựu đáng kể nhưng quản lý nhà nước trong quá trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An vẫn còn có những tồn tại và nảy sinh bất cập. Chính vì vậy cần có sự nhìn nhận và đánh giá một cách khách quan, khoa học về phương pháp quản lý và đổi mới tư duy hơn nữa để có thể đúc rút ra kinh nghiệm, nghiên cứu giải pháp và cách thức thực hiện để công tác quản lý nhà nước về một vấn đề mới như xây dựng nông thôn mới đi đúng hướng, đạt hiệu quả cao, phù hợp với thực tế. Đề tài ***“Quản lý Nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An”*** được hoàn thành trên cơ sở nghiên cứu tổng quan một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới, gắn với việc đánh giá thực tế công tác quản lý nhà nước trong quá trình xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Nghệ An, từ đó đưa ra những giải pháp, đề xuất để góp phần vào việc tăng cường hiệu quả quản lý, nâng cao chất lượng và tính bền vững khi thực hiện xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Nghệ An.

Nghiên cứu quản lý Nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An, đề tài đã thực hiện được một số kết quả cơ bản sau:

1. Hệ thống hóa và làm rõ thêm một số vấn đề lý luận về quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới. Trong đó phân tích khái niệm quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới. Quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới chính là việc các

cơ quan chính quyền cấp tỉnh thực hiện các chức năng của mình trên cơ sở các quy luật phát triển xã hội, nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các tiềm năng, các cơ hội để đạt được mục đích ổn định và phát triển nông thôn mới.

2. Nghiên cứu kinh nghiệm quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới của chính quyền tỉnh Thanh Hóa và Hà Tĩnh, rút ra được bảy bài học có thể áp dụng cho chính quyền tỉnh Nghệ An.

3. Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh về xây dựng nông thôn mới của chính quyền tỉnh Nghệ An giai đoạn 2010 - 2018, luận văn đã rút ra những thành công và hạn chế trong công tác này.

4. Đề xuất các nhóm giải pháp cơ bản hoàn thiện quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh Nghệ An về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2025.

Các giải pháp cần được thực hiện đồng bộ và cần có sự hỗ trợ của những chính sách của Chính phủ, UBND tỉnh Nghệ An. Đó là những kiến nghị được đưa ra trong luận văn.

Đây là một đề tài mới, mang tính chất phức tạp, nhất là thực hiện trong quản lý nhà nước. Mặc dù có nhiều cố gắng, song không thể tránh khỏi nhiều thiếu sót. Rất mong nhận được sự đóng góp của các nhà khoa học, các nhà quản lý và của đồng nghiệp, nhưng người quan tâm tới đề tài để bản luận văn được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phạm Anh, Văn Lợi (2011), "Xây dựng nông thôn mới: Bài học và kinh nghiệm từ Trung Quốc"; *<http://nongthonmoi.gov.vn>*.
- [2]. Ban Chỉ đạo Chương trình Phát triển nông nghiệp và xây dựng Nông thôn tỉnh Hà Tĩnh (2015), *Báo cáo đánh giá kết quả 5 năm giai đoạn 2011 - 2015 và nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020*.
- [3]. Ban Chỉ đạo Chương trình Phát triển nông nghiệp và xây dựng Nông thôn tỉnh Thanh Hóa (2015), *Báo cáo số 90/BC-BCĐ về việc Tổng kết thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2011 - 2015*.
- [4]. Ban Chỉ đạo Chương trình Phát triển nông nghiệp và xây dựng Nông thôn tỉnh Thanh Hóa (2019), *Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh năm 2018; mục tiêu, nhiệm vụ năm 2019*.
- [5]. Ban Chỉ đạo xây dựng Nông thôn mới Trung ương (2017), *Một số chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới*.
- [6]. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2017), *Sổ tay Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- [7]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Nghị quyết số 26-NQ/TU của BCHTW Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*.
- [8]. Đỗ Kim Chung, Kim Thị Dung (2012), "Chương trình nông thôn mới ở Việt Nam - Một số vấn đề đặt ra và kiến nghị", *Tạp chí Phát triển kinh tế*, (số 262).
- [9]. Mai Thanh Cúc và cộng sự (2005), *Giáo trình Phát triển nông thôn*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

- [10]. Huỳnh Ngọc Điền, Lã Sơn Ka (2011), *Kết quả bước đầu trong xây dựng nông thôn mới tại xã điểm Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.*
- [11]. Đoàn Giám sát Thường trực HĐND tỉnh Nghệ An (2016), *Báo cáo Kết quả giám sát việc thực hiện các tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An.*
- [12]. Hoàng Sỹ Kim (2013), *Thực trạng xây dựng nông thôn mới và những vấn đề đặt ra đối với quản lý nhà nước.*
- [13]. Hoàng Thị Thu Hằng (2013), *Phân tích và đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới ở huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình, Hà Nội.*
- [14]. Học viện Hành chính (2008), *Giáo trình Quản lý nhà nước về nông nghiệp và nông thôn*, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.
- [15]. Ngọc Lê (2011), "Những kinh nghiệm quý để làm nông thôn mới"; *Báo điện tử danviet.vn.*
- [16]. Phạm Xuân Liêm (2011), *Phong trào đổi mới nông thôn của Hàn Quốc.*
- [17]. Phạm Thị Hồng Phượng (2017), *Xây dựng Nông thôn mới của huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Hà Nội.*
- [18]. Đặng Kim Sơn (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam - Hôm nay và mai sau*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [19]. Vũ Thành (2011), "Xuân Trường gắn phát triển kinh tế với xây dựng nông thôn mới"; *Báo điện tử <http://www.nhandan.com.vn>.*
- [20]. Phạm Huy Thông (2011), *Sự cần thiết phải điều chỉnh một số tiêu chí về xây dựng nông thôn mới ở nước ta hiện nay.*
- [21]. Ngô Văn Toại (2011), *Kinh nghiệm thành công của Hàn Quốc về phát triển nông thôn.*
- [22]. Quốc Trị (2013), "Những bất cập trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới"; *Báo điện tử <http://www.nhandan.com.vn>.*
- [23]. Trường Chính trị tỉnh Nghệ An (2018), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Xây dựng nông thôn mới phát triển bền vững - Những vấn đề lý luận và thực*

tiền ở Nghệ An".

- [24]. UBND tỉnh Hà Tĩnh (2019), *Báo cáo Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2018; nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới.*
- [25]. UBND tỉnh Nghệ An (2018), *Báo cáo số 710/BC-UBND ngày 17/11/2018 về "Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018, nhiệm vụ năm 2019".*
- [26]. UBND tỉnh Nghệ An (2019), *Báo cáo Sơ kết 03 năm giai đoạn 2016 - 2018 và triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019.*
- [27]. UBND tỉnh Nghệ An (2018), *Kỷ yếu hội thảo "Về kết quả thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2018 và định hướng giai đoạn 2018-2020 và những năm tiếp theo".*
- [28]. UBND tỉnh Nghệ An (2018), *Báo cáo Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.*
- [29]. Văn phòng Điều phối chương trình nông thôn mới (2019), *Báo cáo kết quả thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2019 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.*